

NAM DAO

Trăng nguyên sơ

TIỂU THUYẾT



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

NAM DAO

TRĂNG NGUYÊN SƠ

Lời phi lộ:

*Cấu trúc tiểu thuyết này kết hợp với thể
cổ điển
nào là phóng sự, rồi cả chương Kim Dung,
tức một món lẩu đủ yếu tố "hậu hiện đại"
có thể gây sốc cho người đọc.*

Nay cần cáo.

NAM DAO

14-11-2007

MỘT

Nghiêng mắt nhìn xuống, nghe người bên cạnh bảo đê sông Hồng đấy, năm nay lại phải đắp đê chống lũ. Con nước mầu nâu đục ánh sắc đỏ lững lờ, xung quanh ruộng đồng sau vụ gặt nằm dài trơ trẽn. Lặng lặng, tôi bấm chiếc Palm, tìm địa chỉ ghi trong bộ nhớ.

Cách đây hai tháng, hẳn chắc cũng như tôi, cũng nhìn xuống sông khi máy bay lượn vòng trước khi đáp xuống. Khi đó, mùa gặt, ruộng chưa hoang vu. Cứ theo trí nhớ những đoạn văn học thuở vỡ lòng, thế nào mà chẳng có đàn cò trắng phau bay về đậu trên những mô đất đợi dăm hạt lúa rơi. Hẳn là thế, khác thế nào được. Hẳn xuống máy bay. Rồi hẳn về một

khách sạn nào đó, đưa hộ chiếu. Lên phòng, hắn viết nhật ký như một thói nghiện ngập. Ở đấy, hắn khôn ngoan chuyển qua e-mail ngay về cho tôi, dặn giữ hộ, đất này lắm kẻ rình mò trấn lột, kể cả nhật ký. Hắn viết:

11-03

"... chiếc xe Toyota của Vietnam Airlines chạy chậm dần, chậm dần. Có người hô, xuống xe, sửa soạn qua cầu vào Kinh. Thế là nhốn nháo lên, xô đẩy nhau. Đặt chân xuống đất, tôi chao người suýt ngã. Đất bùn trơn như mỡ, màu đỏ như màu tiết lợn nhầy nhụa. Ngược lên, ô kìa, sao lại chỉ thấy toàn xe trâu kéo. Xe thồ đủ thứ. Giường chống, bàn ghế, nồi niêu, chăn màn... Nhìn quanh, thật lạ lùng. Mới đây là cô tiếp viên thơm mùi nước hoa Gucci. Bây giờ? Tôi hỏi đi đâu thế này? Có tiếng véo von khúc khích:

"... anh giai ơi, ta đi đô từ Hoa Lư về Thăng Long mà".

Tôi quay lại. Cô bé gái vừa cất tiếng nói mở miệng cười, vết quét trầu đỏ thắm, hàm răng nhuộm đen tuyền như những hạt na ánh lên dưới nắng trưa

ngọt ngạt. Mùi cút trâu bốc lên thối hoắc.

Tôi đành bịt mũi. Mắt liếc như dao bổ cau, cô bé trêu "... chưa về đến Kinh mà anh giai đã văn minh ngay rồi à?". Thế là các cô đi xung quanh cùng ré lên cười lẫn cười lóc.

Chúng tôi nối đuôi nhau, chân bám vào bùn, tay xách nách mang trong tiếng cười nói tung bùng. Nhìn cô bé, tôi ngập ngừng:

"... lối này đi đến cầu Long Biên, phải không?".

Cô ấy ngạc nhiên:

"Cầu gì thì em không biết, nhưng từ Hoa Lư, trai tráng đã đến bến sông đóng bè ghép lại thẳng trước".

Tôi buột miệng: "Cầu Long Biên do Tây nó xây, xưa gọi là cầu Đuy-me..."

Cô bé lại ngật nghễ:

"Thôi đừng lỡm em, anh giai... Anh người trại nào?".

Ngây người, tôi không biết trả lời làm sao. Cô bé thấy tôi im lặng, nguýt dài, lại trêu "Chẳng phải ngô, chẳng phải khoai... Chàng đi em biết nhớ ai, em chờ". Nói xong, cô chạy ra sau, miệng

hát:

*Yêu nhau, cưới yếm, í à, cho
nhau*

Về nhà, dối rằng, cha với mẹ

Rằng a ối a qua cầu

Tình tình tình gió bay.

Đám chị em vây quanh nàng đồng thanh "tình tình tình gió bay" rồi phá lên cười nắc nẻ, tiếng hát tiếng cười vút lên đậu trên mây chín tầng chót vót. Tiếp tục dần bước, tôi ngoái nhìn phía sau, nhưng chỉ thấy đôi mắt tinh nghịch xanh màu cốm non nheo lại chọc ghẹo. Đến gần bờ sông, đám con gái rẽ lên phía thượng lưu. Người con gái hát lúc nãy bấy giờ mới chạy ra sau, nói với lại: "Chúng em đến hồ Dâm Đàm định cư. Có hỏi thì hỏi họ Đào, tên Hạ Trang, quê ở Đông Hải nhé..."

Xe trâu phải vòng xuống hạ lưu, nơi nước cạn ngang lưng để sang sông. Đoàn người khoác gùi trên vai trèo lên những mảng bè cột chặt bằng những sợi chấu làm từ vỏ cây sồi bện lại. Sang đến bờ bên kia, lại phải chờ xe trâu. Trời sắp xuống. Mặt trời tím lịm phớt lên mặt nước màu hoa cà se sẽ chao

trong gió chiều. Một kỵ sĩ cười con ngựa ô ở đâu xồ tới, nhảy xuống, đến thì thào vào tai cụ già râu trắng như cước. Ông cụ nói lớn cho mọi người nghe, "Qua đêm ở đây, mai tốt ngày mới được phép vào Kinh, nghe chưa!". Đoàn người ồ lên, rồi chia nhau tìm những gò đất khô ráo. Họ túm năm tụm ba thổi lửa, nấu cơm, thỉnh thoảng có kẻ cất tiếng hò lên gọi nhau. Tìm một gốc cây, tôi ngả lưng, nhắm mắt nhưng chẳng sao ngủ được. Chẳng lẽ thoát một cái tôi từ đầu kỷ XXI lộn ngược gần 1000 năm quay về thời nhà Lý đang dời đô đến Thăng Long. Thật hay mơ? Không, mùi cứt trâu thối hoảng lên có thật. Tôi đưa tay sờ mặt đất ẩm bùn, bốc một bốc, bóp vụn ra. Đất rơi tơi tả. Đất có thật. Tôi xuống bờ sông rửa tay. Bùn đất trôi đi, tay tôi sạch, và thế là nước có thật. Đất nước có thật, nhưng còn cô bé Hạ Trang họ Đào? Tôi đứng lên, tản bộ đi tìm. Đêm len vào bịt mắt cản đường. Cứ thế, tôi bước, tôi chong mắt nghe cổ ra nhìn. Không thấy Hạ Trang đâu. Có thể Hạ Trang không có thật. Hoặc là tôi đã quay về kỷ XXI, thời điểm cách lúc này chưa hơn vài giờ trước khi tôi lên máy

bay? Hay là , hay là...hoặc giả chính tôi không có thật?

*
* *

Đúng như hần dạn dò, tôi hỏi lấy phòng 403 hoặc 503 tại khách sạn BK. Cô bé tiếp viên lật hộ chiếu, ghi chép, neho mắt hỏi: "Anh về nước lần đầu?". Tôi lắc. "Ai bảo mà anh biết phòng 403 để đòi ở đó?". Tôi đáp: "Ông anh tôi về ở đây độ hai tháng trước bảo tôi thế!". Nhân dịp, tôi hỏi:

"Anh ấy thấp người, đeo kính trắng, cũng đến từ Canada... Em có gặp anh ấy không?"

Cô bé lắc đầu, mời tôi xuống Bar ở tầng dưới uống nước, đợi cô làm thủ tục nhận phòng. Trưa, trời hầm hập, mồ hôi đổ ra như tắm hơi. Đợi đâu mười lăm phút, điện thoại từ tiếp tân gọi xuống. Tôi lên. Bà quản lý khách sạn, tuổi sồn sồn, tươi cười "... Chúng tôi tiếp thu nhu cầu của khách, nhưng phải tính tiền dịch vụ, chỉ năm đô thôi". Ngạc nhiên, tôi hỏi: "Phòng trống thì để tôi ở, còn dịch vụ gì?".

"Dạ, khách thích mà được chúng tôi

thỏa mãn thì trả phí, ở đây như thế. Thỏa mãn được, là ở quyền hạn quản lý của chúng tôi mà... Năm đô là lần này thôi, giá phòng thì vẫn 20 đô một ngày, như mọi phòng khác! Phòng 403 là phòng tốt nhất đấy, vừa yên, lại nhìn được ra hồ...".

Cố lấy vẻ thản nhiên như không có chuyện gì lạ, tôi lảng lảng thò tay móc túi.

Nhoài người nằm thườn ra, tôi nhắm mắt lấy lại sức. Ngồi trên máy bay gần hai mươi giờ, không kể thời gian đợi chuyển máy bay ở Tokyo, những bắp thịt trong người nhừ ra như bị dần, đầu không còn sức đề kháng, tôi gần như mê mụ. Nửa thức nửa tỉnh, tôi chợt đi, tai nghe loáng thoáng tiếng hấn nghiêm trọng "*Sắp tìm thấy nó rồi, hãy về giúp một tay, cần lắm!*", hết như trong cái e-mail cuối cùng tôi nhận được cách đây vài tuần.

Người ngoài tưởng tôi và hấn là anh em ruột, nhưng không phải vậy. Tôi vốn là một đứa con rơi, bố mẹ nuôi tôi nhặt về trong vụ đói năm Ất Dậu. Khi đó, hấn mới lên hai. Mẹ nuôi tôi nựng hấn,

chỉ tôi, bảo... cho con có bạn. Còn bé, tôi nào hiểu tôi là một thứ đồ chơi. Đến năm lên sáu, tôi mới biết. Phận tôi, nó thế. Bài học đầu tiên là phải biết cam phận. Khi nó cần cầu, chỉ được khóc. Và chạy. Khi ăn, nhận phần ít. Và có thêm chút âu yếm thì lần xuống nơi U già, một người đàn bà lớn tuổi mắt đã lòa thường ngồi ở góc bếp chế rau, vo gạo... Thỉnh thoảng U giấu được cái bánh, cái kẹo, giấu giúi vào tay, giục: "Ăn đi, cho U xem!". Mắt lòa, U nào thấy gì! Nói thế nhưng tôi chẳng oán trách gì bố mẹ nuôi. Không chết đói, đã là may lắm, U thỉnh thoảng dặn tôi đừng quên. Chẳng qua phận tôi nó thế!

Nhưng cũng vì thế mà tôi thực tế. Từ năm lên mười, tôi hiểu để tồn tại, tôi phải mở mắt ra nhìn những người chung quanh. Họ thế nào? Ai thương ai, ai ghét ai? Và nhất là đối với chính mình thì họ ra sao? Tôi không tranh ăn, tranh chơi, lĩnh đi khi bố mẹ nuôi tôi phát thuốc tễ, thuốc bổ... cho đám bốn đứa con đẻ. Tôi biết nhanh nhẩu góp tay vào bất cứ chuyện gì làm được, nhất là khi bố mẹ nuôi tôi có mặt. Tôi cố gắng nói thật ít, không bao giờ tỏ ra

ranh mãnh, che giấu tất cả bằng thứ cung cách ngu ngơ hiền lành. Được đi học, lại học cùng lớp, tôi làm sao cho điểm của hẳn lúc nào cũng nhỉnh hơn điểm của tôi, tránh thành đối tượng của so đo ganh tị... Tóm lại, tôi không còn tuổi thơ, sống hai mặt, một là cho riêng tôi. Mặt kia là tôi dưới mắt người khác, nhọt nhọt, không cá tính và đôi khi ngu ngu dở dở nhưng hiền lành. Nhưng khi chỉ có tôi đối mặt với tôi, tôi giữ một góc mơ mộng tư riêng. Tôi tưởng tượng gốc gác tôi là con một vị quan lang Mường ở chân núi Tản. Cha đẻ tôi cầm đầu dân quân chống Pháp, tử thương trong một trận giáp chiến. Mẹ tôi bế tôi chạy đến một ngôi chùa, bỏ tôi đấy rồi nhảy xuống giếng tự vận. Sư ông ngôi chùa tôi đặt tên là chùa Thiên Phương ở Lạng Sơn nhặt tôi, rồi vì nhà chùa nghèo không đủ ăn nên phải tìm người khá giả nhờ nuôi. Thế là cái duyên đến buộc tôi vào gia đình bố mẹ nuôi, lúc ấy tản cư từ Hải Phòng. Họ Nguyễn là họ của bố nuôi. Tôi họ gì? Tìm đọc sách nói về dân tộc Mường, tôi tự gán cho tôi họ Bạch. Vâng, tôi họ Bạch, một dòng quan lang xưa oanh

liệt nhưng nay thất cơ lỡ vận. Và để tạo cho thiếu niên họ Bạch này sinh khí, tôi cho mình đóng vai một điệp viên nhitrùng, xông vào cuộc đời với nhiệm vụ còn nằm trong bí mật. Trong khi chờ đợi, tôi nhận lệnh phải học hành thế nào cho giỏi, đợi ngày thoát ly. Và động cơ ấy khiến tôi chong đèn, học, nhưng học kín, không để ai dòm ngó.

*

* *

Ngủ mê mệt, khi tôi thức thì trời đã chập choạng tối. Với tay rót một cốc nước, tôi uống, đầu óc tỉnh táo dần. Tôi lên sân thượng khách sạn, ngồi hóng gió, gọi một chai Ashahi, đưa mắt nhìn về phía Bờ Hồ. Những trụ đèn đã mọc lên, khác thời tôi về Hà Nội mười năm trước. Uống xong cốc bia, tôi mở Palm xem tin nhắn. Không có gì. Tôi lại tìm đọc những bức e-mail lưu trữ:

20-02

"... Chúng nó báo - về sẽ gặp nhau ở Huế nhưng chẳng hiểu sao tôi tìm mãi không được. Lần đó, dân đồn "Ông về", nô nức trả tiền vé vào để chiêm ngưỡng "Ông", đấng sẽ thế thiên hành đạo. Báo

chí có loan tin (dĩ nhiên với hoài nghi của những kẻ thực dụng làm báo phải đạo chính thống), và mặc dầu hy vọng là thật, tôi vẫn giữ vẻ e dè, cùng đám nghệ sĩ thuộc ty văn hóa đất Thần Kinh lên đò sông Hương, đi nghe hò Huế trong một đêm tối trời có đủ mưa, đủ gió, và những người đàn bà giọng mặn mà nữ tính của đế đô xưa.

"Thuyền từ Đông Ba thuyền qua Đập Đá. Thuyền rời Vĩ Dạ tới ngã ba Sinh... Lờ đờ bóng ngả trăng chênh... Điệu hò xa vắng đượm tình nước non". Giọng ngân dài như không dứt được trong khi chúng tôi đợi người đi dò tin "Ông" vẫn chưa về. Mưa vẫn mưa rơi, tiếng tí tách buồn bã. Mặt sông lấp loáng ánh dao liếc lạnh rùng rợn. Người đàn bà vừa dứt câu hò nhìn tôi, lo lắng:

"Ông về thiệt hỉ, anh?".

Ôi, đôi quầng mắt thắm bóng những đêm dài ngược đợi. Tôi nhỏ giọng "Về... "Ông" sẽ về, nhất định thế!". Bàn tay nào mượt mà nắm lấy tay tôi, mạn man, như đòi vỗ về, như nhắc chút ân tình đến từ một mối duyên chẳng ai chờ ai đợi. Nhắm mắt, tôi khẽ nắm lấy bàn tay ấy thay lời cảm ơn, giật mình

khi người đi kiểm tin "Ông về" đột ngột xuất hiện, miệng cười hô hố, nói lớn: "Không có "Ông" nào đâu. Một đồn mười, mười đồn trăm, dân xếp hàng mua vé năm ngàn đồng vô xem ông cầm kiếm, miệng giáng những câu tiên tri. Nhưng tui chỉ thấy hình ảnh pháp phòng một cái mang cua sống, khá lớn, nhìn có thể tưởng tượng là người cầm gươm, nhưng đâu có nghe thấy chi! Một con nhỏ xưng là cô đồng thì nghe thấy hết, nói lại cho người vô xem. Nhưng công an Thừa Thiên bắt nó tội dùng mê tín dị đoan làm loạn lòng người, và bắt cả chủ nhà tội lừa đảo, buộc hoàn lại tiền vé...".

Tôi nghe một tiếng thở dài bên cạnh. Bàn tay đó buông tay tôi ra. Tôi với chụp. Vô vọng. Gió lên. Tiếng chèo khua nước nhịp thời gian. Trời chợt trở lạnh hơn bao giờ. Tôi biết tôi vẫn còn phải đi tìm... Người đàn bà vừa nắm tay tôi đứng dậy, bước những bước chòng chành lên bờ, để lại cho tôi đứng một cái nhìn ánh màu tuyệt vọng...

Không, tôi ơi, đừng tuyệt vọng. Câu hát của người bạn rong ca vang lên. Chết, mới tuyệt vọng. Chúng ta chưa

có niềm ân sủng cho phép phủi tay ra đi. Và nhất là tôi lại vừa mang ơn một bàn tay níu vào tay mình trong khoang con thuyền chòng chành gió. Mới năm nào tôi viết: “Nhan sắc vẽ vời/ Lý tưởng viễn vông/ Chợt rụng rời giữa có và không/ Mây xanh mi biếc môi hồng/ Tỉnh ra sóng đã bình bông cuộn trôi/ Tôi ơi hỡi, tôi ơi!”. Mới năm nào tôi đã định tự đi vào miền viễn mà không hỏi phép bất cứ đấng Cao Xanh nào. Nếu đến từ một niềm tuyệt vọng thì tôi ơi, tôi chỉ đáng có đến thế sao. Trong khi từ đỉnh non đến ven biển đấu trường với toàn những kẻ trục lợi tranh danh đang âm thầm tuốt kiếm chém những nhát không khoan nhượng vào đồng loại? Trong khi những người nắm thế quyền đoạt nhà chiếm đất rồi bắt hàng hà sa số nạn nhân cùng nhau hát vang lên bài ca cho ngày mai?

Không thể được, tôi ơi, đừng tuyệt vọng!

Suốt ba ngày, tôi đợi tin Rậm-ria và Tiểu-quỷ. Tôi lang thang trên những con đường của Huế. Qua cầu Tràng Tiền, ghé chợ Đông Ba, đến Gia Hội... Vòng lại Bến Ngự, ngơ ngẩn ngẩn bức

tượng Phan Sào Nam xéch mắt nhìn vào tiền đồ. Rồi tôi lại đi. Vào Hoàng Thành, ngơ ngác giữa đám du khách. Tôi luẩn quẩn với một quá khứ nặng như chì buộc vào chân. Tôi lê về phía trước với những bộc phá bom đạn còn ghi nguyên vết ghẻ lở đậu mùa chi chít khoét đục những bức tường cổ đổ nát. Tôi đến chân Khiêm Cung thì gặp người đàn bà tối nọ. Đến gần, người đàn bà ấy làm như không thấy tôi, cúi mặt nhìn những bó hương, bó nhang để cạnh chồng giấy vàng, giấy bạc. Nàng thoa chút phấn hồng trên má, môi thoáng vết son rất dịu, mắt vẫn đắm bóng tối ngay khi nắng lên ngang đầu. Tôi im lặng. "Ông" không về, tôi biết. Nàng ngược lên cười, cái cười không kém thê thảm như lần nàng nhìn tôi khi lên bờ tối hôm nọ. Thành linh, nàng băng quơ:

"Ai tìm được cho em hy vọng, em nguyện làm vợ, hiến thân này cho, cho hết..."

Tôi hốt hoảng. Lát sau, tôi ghen ngào, cố nói:

"Tôi về là để tìm điều đó cho em, cho tôi, cho tất cả chúng ta..."

Nàng khẽ quay người, thì thào:

"Thì anh đi đi, chừ cứ đứng đó làm sao thấy!"

Từng câu, từng chữ, nàng thuật lại cho tôi chuyện người ta đổ đi tìm ở dưới Mỹ Sơn, nơi cách Hội An đâu hơn hai ba chục cây số. Rồi giục "... Chừ anh đi nghe anh! Bữa mô tìm thấy thì về đây với em!"

Sáng sớm hôm sau, tôi bắt xe hàng xuống Đà Nẵng.

*

* *

Lần theo bản đồ chỉ chút tên đường, tôi tìm được phố Lý Quốc Sư. Trước mặt một quảng trường, Nhà Thờ nghiêng nghện chọc trời, tường xám xịt dấu vết những tháng năm không chăm sóc tu bổ. Dưới nắng rừng rực chực bốc lửa, tôi vội bước, nhìn số nhà rồi rẽ vào một cái ngách. Chục năm trước, tôi có đến đây một lần nhưng bây giờ chẳng còn nhận ra gì nữa. Quán rượu ngày xưa giờ là căn nhà ba tầng bằng gạch, cửa sắt khóa bằng một sợi dây xích sắt to bằng ngón tay cái. Tôi bấm chuông. Một đứa bé ra bảo: "Ông cháu đau,

không xuống được!". Tôi nhờ cháu lên gác báo, khẩn khoản dặn: "Cháu cứ nói thế, chắc ông cho gặp!". Quả vậy. Uốn người, tôi leo một cái cầu thang hẹp, bậc không đều, cao thấp khó lường.

Nhà thơ ngược mắt nhìn tôi. Ông ta đây sao? Mười lăm năm trước, ông đã đứng tuổi nhưng vẫn cường tráng mặc dầu khi tôi gặp, ông mới bị quản chế đầu gần ba năm vì cái tội chính thức là bán rượu lậu. Tội không chính thức, ai cũng biết, là tội chuyển thơ của ông ra ngoại quốc. Chính hắn cũng bị liên quan. Bị cấm cửa không có nhập cảnh cho tới thời kỳ Đổi Mới mới lại được về, hắn nói hắn oan, có tội thì là cái tội gà chưa sáng đã gáy, kiến nghị chính sách kinh tế gì đó. Nay, tóc ông bạc phau, móm mém, mắt lơ đờ, nằm nghiêng phì phò thở.

"Nhà thơ chắc không nhận ra... tôi!"

Ông lắc. Tôi nhắc lại buổi tôi gặp ông với hắn cách đây mới thế mà đã mười lăm năm. Ông mỉm cười:

"Lâu nhỉ! Mình trí nhớ kém rồi... Lại mới ngã cầu thang, xương chậu bị vỡ, ngồi lên không được! Xin lỗi phải tiếp

khách trong cái thế khó coi này!", ông khẽ cười.

Hỏi ông đã gặp hấn chưa, ông nhắm mắt, đáp:

"Bao giờ về cậu ấy cũng đến thăm tôi. Sau dịp Tết vừa qua, cậu ấy từ Đà Nẵng vào..."

"Anh ấy có nhắc sẽ đi tìm chùa Báo Thiên... Thưa nhà thơ, chùa ấy ở đâu?"

"À... Chùa xây cuối đời Lý, bị phá thế kỷ trước mất rồi... Người Pháp xây Nhà Thờ Lớn ngay trên móng nhà chùa, ở góc phố. Làm gì còn chùa Báo Thiên? Khi cậu ấy hỏi, tôi đã bảo vậy!"

Tôi cân nhắc, rồi ngập ngừng:

"Nhà thơ có biết anh tôi đi tìm gì không?"

"Biết..."

"Nhưng đó là một niềm hoang tưởng..."

Tôi nhún nha kể lại cho nhà thơ nghe nội dung những bức e-mail tôi nhận được và kết luận:

"Sợ anh ấy hoang tưởng ở mức bệnh hoạn... Cho nên tôi mới về gấp!"

Nhà thơ mỉm cười, từ tốn:

"Đừng sợ. Một thứ vật quý hiếm như vậy, có hoang tưởng thì cũng tự nhiên thôi. Vả lại, người nghệ sĩ nào chẳng hoang tưởng. Động cơ tái tạo mọi hiện thực phải giẫy bở để giải phóng sáng tạo... Hoang tưởng càng lớn thì khả năng nghệ thuật càng cao. Như cái nghiệp ấy mà!"

Ngưng lại lấy hơi, nhà thơ thều thào tiếp:

"Lấy cái số phen của Thụy, gọi hỏi xem... Tay này giao du rộng, cũng quen biết anh cậu."

Bấm đốt ngón tay, ông lẩm nhẩm một mình:

"... Thế là tháng nay không thấy mặt, chẳng hiểu đã tìm ra chưa, rõ cơ khổ!"

Ra đường, tôi vòng lại Nhà Thờ. Đứng dưới mái hiên một cửa hàng bán mỹ nghệ cho khách du lịch, tôi ngược nhìn cây thập tự cao vút chọc vào nền trời sáng lóa mắt, tưởng tượng cảnh xe bò chở tượng Phật đi để lấy tượng Chúa thay vào thế chân trong một cuộc đuổi nhà đổi chủ. Thế quyền và tâm linh phải chẳng là hai mặt một đồng xu trong một thể cân bằng không bao giờ ổn định. Đồng xu quay sau cái búng tay

của tên làm ảo thuật, quay títt thò lò, và tiếng hô: "Nào đặt cược nào, sắp hay ngửa!".

Khát đến khô cổ, tôi vào một quán giải khát. Chọn một góc trống, ngồi mở Palm đọc lại những bức mail.

*

* *

21-02

... Từ Lăng Cô nhìn xuống, cây xanh lấp lánh nắng vạch một vòng chặn biển sóng uốn lượn cứ như chực tràn vào đất. Xe khách ngừng nửa giờ. Tây-ba lô xuống xe, tay lắc lắc khi đám trẻ con bán Postcard chồm đến, mắt ngược lên nhìn, miệng rằng khắp khểnh nhấp nhô ngọng nghịu "pho tao dần, bli-bli" (four thousands, please, please). Đến Đà Nẵng, tôi ghé vào Bảo tàng Chăm nằm gần bến sông, định mua một tấm bản đồ Mỹ Sơn, xưa là thánh địa của dân tộc đã gần như bị xóa sổ này. Cô bé bán hàng lưu niệm lắc đầu, bảo tôi ra nhà sách. Gọi taxi, tôi vừa nói thì anh tài hỏi liền: "Việt kiều hỉ! Hồng có chỗ nào bán bản đồ đâu, đi mô tui chở cho!". Đi đâu? Nói

thế nào bây giờ? Tôi vừa kể tôi nghe đồn là có nhiều người đi kiếm thì anh tài cười lớn: "Rồi, tui biết! Đi đào vàng phải hông? Nhưng tui chờ chú tới chớ có được vô đào hay không thì còn phải qua "ải" mấy trùm, tui không bảo đảm". Anh hạ giọng:

"Ở đây thì cứ có đô xanh là cái gì cũng được, lo chi..."

Xe chạy được khoảng gần một giờ, đỉnh tháp Chàm nhô lên từ đầu những ngọn cây xa xa khiến tôi hoang mang. Tôi đâu có ý định đi tìm vàng. Mặc dầu anh tài "xin" thêm năm đô để giúp tôi móc nối với đường dây một ông trùm anh quen thân, tôi vẫn không mấy yên lòng. Chắc chắn ông trùm sẽ hỏi, không tìm vàng thì tìm chi? Trả lời thế nào nghe cho xuôi tai đây? Thôi, để hạ hời, linh động đối phó chứ làm sao biết được mọi tình huống. Anh tài chỉ một rặng núi xanh rì đằng trước, kêu: "Trong kia là chỗ mình tìm đó, chú!".

Đến eo núi, anh tài thảng xe, móc điện thoại di động, không nói gì nhưng bấm tin nhắn. Lát sau, anh rờ máy, quẹo xe vào một con dốc, nhấn ga. Đi chừng ba trăm thước, một người vai

đeo AK ở đầu xô ra, tay làm dấu, quát: "Ngừng!". Mắt trừng trừng, anh ta bảo chúng tôi xuống xe. Anh tài ghé vào tai thì thào thế nào mà anh ta gật gật. Tôi theo anh gác cửa đi vào con đường bụi bờ quanh co đến trước một cái lán. Lại một người khác đeo AK trở tay vào cái ghế đầu trong góc, lạnh lùng bảo: "Chờ đấy!" rồi quay lưng châm điếu cày rít thuốc, tiếng kêu sằng sặc như bị bóp cổ.

Lúc ấy, mặt trời xế bóng nhưng vẫn nóng gay gắt. Tôi xin một ly nước, lẳng lặng uống, mắt nhìn về chỏm tháp Chàm lung linh chớp nấp. Nhớ lại câu nói của người đàn bà hôm rời Huế, tôi buột miệng "Chắc anh sẽ về, chỉ mai mốt...". Anh gác nghe, cười khẩy: "Muốn thế thì đừng để rắn cắn, rắn độc nhất là rắn mang hình người!". Được thế, tôi bắt chuyện, hỏi. Anh ta giảng giải: "Ai đào được vàng thì kẻ đồng loại bên cạnh trở thành rắn ngay, có lần hết người nọ đến người kia hóa rắn, cắn nhau cướp vàng chết cả đàn. - Giọng thương hại, anh tiếp - Vì vậy, người ta đi đào đi một tốp năm ba người. Anh đi một mình thì đào không

thấy là sống, mà thấy thì chắc toi, hiểu chưa?".

*"Nhưng tôi có định đi đào vàng đâu!"
Tôi buột miệng.*

*Anh gác hạ khẩu AK trên vai xuống,
lùi một bước, mắt lừ lừ nhìn tôi như
thôi miên. Chết chưa, tôi đã nói thật,
nguy rồi...*

*

* *

Theo lời nhà thơ, tôi gọi cho Thụy nhưng máy điện thoại di động hoặc bị tắt, hoặc ở nơi không nhận được sóng. Sáng sáng, tôi lên sân thượng khách sạn ngắm trời Hà Nội lúc còn mờ sương, đợi lúc xuống đi bộ quanh hồ Hoàn Kiếm. Tôi nghĩ về tôi, những được mất, và về cái thời niên thiếu đầy những phút chạnh lòng tủi phận. Thời đó, giấc mơ một ngày sẽ cao bay xa chạy khiến tôi âm thầm trui rèn thứ vũ khí thoát thân là học thể nào để có cái may mắn được một học bổng đi ra ngoại quốc. Đó là mơ ước hình như bọn trẻ chúng tôi đứa nào cũng có. Ở tuổi mười tám, chúng tôi có thể bị gọi đi quân dịch nếu thi trượt Tú Tài 2. Nếu đỗ

Tú Tài 1 thì đi Thủ Đức ra trường thành Chuẩn Úy, còn không thì vào Quang Trung, chẳng cai chẳng đội tất binh nhì, thế nào cũng bị đem "thí chốt" nếu không khả năng chạy chọt. Chiến tranh đã luẩn quẩn tới ven Thành Phố. Sợ chưa hẳn sợ, nhưng vui thì chẳng mấy vui, đối với một kẻ như tôi chỉ có một giấc mơ là ra đi.

Nhưng hẳn không vậy. Hẳn là con đầu lòng, được nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa. Hẳn hay ngồi "chầu rìa" hóng chuyện "người lớn". Chả là bố nuôi tôi quen biết giới báo chí truyền thông, khi gặp nhau "người lớn" bàn chuyện chính trường thời Đệ nhất Cộng hòa miền Nam, chuyện chống Cộng, rồi chuyện đám nhân sĩ Bắc di cư bị chính quyền Diệm hắt hủi... Hẳn được mớ chuyện chính trị tiềm ẩn, tự cho mình một phận vụ thiêng liêng, tìm sách về nghệ thuật hùng biện trước công chúng, soi gương hoa chân múa tay tập nói cái câu của Tổng thống Mỹ Kennedy, nhưng bằng tiếng Việt, "Đừng hỏi đất nước đã làm gì cho ta, mà phải hỏi, ta đã làm gì cho đất nước...". Tôi cố nhin cười, tránh tham gia vào những dự án đổi đời của

hắn. Không nhóm được ngọn lửa thiêng trong lòng tôi, nhưng có lẽ thương hại, hắn chỉ thỉnh thoảng nhắc chuyện chí làm trai của Nguyễn Công Trứ, xuống Đông, Đông tĩnh, lên Đoài, Đoài yên. Phải nói hắn thuyết phục được một số bạn bè cùng lứa và viết lách in thơ in truyện trên báo.

Năm ấy là năm học sinh sinh viên "xuống đường" trong vụ đàn áp Phật giáo của chính quyền Diệm. Trong thành phố, giáo dân và Phật tử xung đột tứ tung. Tin rỉ tai: sắp đảo chính. Hắn không biết thế nào mà "mua" được một số vũ khí của Địa Phương quân, đem chôn giấu chục khẩu súng trường thời đệ nhị thế chiến, dăm quả lựu đạn... chờ thời cơ khởi nghĩa "chống độc tài Diệm-Nhu". Vô tình biết chuyện không phải là đùa này, tôi buộc phải báo bố nuôi. Ông ta cho hắn một trận mắng chửi ra trò. Chỉ kịp chỉ mặt tôi quát "đồ mách lẻo" thì đã có người đến hỏi hắn. Hóa ra tôi chẳng mách thì mật vụ Nhu - Diệm cũng đã biết, cho rình rập quanh xóm. Thế là bố nuôi tôi phải tìm cách giấu hắn lên Hóc Môn. Và hè năm đó, hắn không thi Tú Tài 2. Đây là

lần đầu tôi học, và đi thi, không có hần bên cạnh. Chạy chọt với công an, bố nuôi tôi lại mang hần về Sài Gòn để hần thi kỳ 2, đỗ nhưng điểm không vào hạng xuất sắc. Làm cách mạng, chuyện học thứ yếu thôi, tất nhiên.

Năm sau, tôi lẳng lẳng nộp đơn và nhận được một học bổng đi Canada. Đợi đến khi chỉ còn một tháng là lên đường, tôi mới báo cho bố mẹ nuôi tôi biết để xin phép đi du học. Lúc đó, tôi đã 18 tuổi, thành niên rồi, đi hay ở chỉ tùy tôi. Ngày đầu, bố mẹ nuôi tôi không nói gì, vui buồn khó đoán. Phần tôi, tôi sửa soạn hành lý, mặc dầu chẳng có gì để mang theo trừ một xấp thư của N tôi mới gặp hè qua. Ít ngày sau, bố nuôi tôi thân mật ôm vai, nhỏ nhẹ: "Tao định cho anh mày đi cùng, nhà không dư giả nhưng cũng có thể lo được một phần chi phí. Đi xa có anh có em, học bổng của con cũng là cái đỡ dần được... cho bớt lo. Anh mày ở đây thì còn rầy rà với mặt vụ, sớm muộn chúng nó cũng tìm cách đẩy vào lính cho mà xem... Con thấy thế được không?".

Tôi lên đường. Lần đầu ngồi máy bay,

tôi ngắm những đám mây trắng ngang tầm mắt, không thấy luyến tiếc bất cứ gì. Giấc mơ suốt thiếu thời đang chấp cánh vượt những khoảng xa tôi ngỡ chẳng bao giờ lấp cho nổi. Ba tháng sau, hẳn cũng đến Quebec, nơi tôi đi học. Khi đó, chính quyền Diệm-Nhu bị lật, cả hai bị bắn chết. Chắc chắn hẳn không còn bị mật vụ nào rầy rà.

Hắn lấy hộ chiếu, đi dạng tự túc, hơn hở kể ngày cách mạng thành công và kết "Tiếc là không có mi ở đó, vui lắm...".

*

* *

Mất ba ngày tôi mới liên lạc được với Thụy. Anh ta đi quay phim ở Quảng Bình, về đến Hà Nội mới mở e-mail, nhận tin tôi và gọi điện thoại. Hỏi, anh đáp:

"Tôi gặp anh ấy đầu tháng trước, cùng đi với hai người bạn! Tôi không biết tên, nhưng một cậu cao to, để râu, nói giọng Bắc. Còn cậu kia, trẻ hơn, da trắng như da con gái, nói eo éo, giọng lai nửa Bắc nửa Nam... Hình như họ là Việt kiều cả. Họ rủ nhau đi tìm..."

"Tìm gì hả anh?"

"Chịu, giờ mới biết được! Chỉ thấy họ nóng nảy ra mặt. Mấy ngày sau, anh ấy hỏi tôi cách xuống đáy núi Nùng, và làm thế nào móc nối được một người dẫn đường... Tôi giới thiệu một tay xưa là đặc công, từng xung phong vào chiếm Tân Sơn Nhất ngày Giải phóng!"

"Rồi sao, anh?"

"Sau thì tôi đi xa nên không biết gì thêm. Nhưng anh đợi tôi hỏi thăm cô bé Trang xem sao. Tôi gặp anh ấy uống bia với cô Trang chỗ nhà Thủy Tạ ở ven hồ... Chỉ sợ cô ta về quê rồi!"

"Vâng, mong anh giúp cho. Tôi lo, anh ấy... có vẻ không mấy bình thường!"

"Lo gì cơ?"

Không muốn nhắc đến những bức mail quái lạ, tôi bịa:

"Anh tôi bị tiểu đường, thuốc insulin mang theo lại hết!"

"Ở đây thì cứ có đồ xanh là cái gì cũng có..."

*

* *

Đầu tháng 6, Hà Nội là lò lửa nung cho thân người chảy thành nước. Ngủ không được. Tôi dậy từ lúc trời còn chập choạng tối, lên sân thượng khách sạn ngồi. Nhìn xuống, nước hồ Hoàn Kiếm lóng lánh gợn ánh đèn quanh hồ, tháp gương mơ hồ ẩn hiện. Bên kia, chiếc cầu sơn đỏ bắc vào đền Ngọc Sơn nhìn như vành môi mếu xệch của một thiếu phụ mỗi mồn. Thỉnh thoảng, dăm ba người lầm lũi bước, bóng khắp khểnh trên hè phố. Lòng đường vắng xe an bình chứ không dọa dẫm, và thật là thần tiên khi tai không nghe tiếng xe máy khằng khặc hầu như suốt ngày, từ sáng sớm cho đến quá nửa đêm.

Quái, có tiếng gà gáy nghe ngay giữa thành phố. Trời sáng dần. Bóng người lao chao trên con đường ven hồ. Hàng đoàn, họ đi ngược, đi xuôi. Tiếng người bắt đầu xôn xao. Tôi xuống đường, nhập vào đám đông, đi theo đoàn người chuyển động theo chiều kim đồng hồ. Họ bước những bước dài, hít thở theo nhịp chân, nét mặt còn chút thư giãn đầu ngày. Ở những quãng rộng, có người chăng lưới đánh cầu lông. Gần nhà Thủy Tạ, hơn ba chục người xếp thành ba hàng, tay đưa lên, chân co

vào, chuyển mình theo tiếng của ai đó gọi tên thế múa những bài quyền Thái Cực. Tôi bước. Người bên cạnh bước. Người đằng trước bước. Người đằng sau cũng bước. Thật an toàn khi có những người hết như mình, cùng một động tác, cùng một hướng đi. Khởi phải nghỉ. Cứ thế mà tiến đến phía trước, như mọi người. Cùng với mọi người. Cảm giác chỉ là một thứ hạt cơ bản quay vòng vòng mà không cần gì đến ý thức khiến tôi lâng lâng bay bổng. Cứ thế, tôi để tâm trí trống rỗng trên quỹ đạo những bước chân vòng vòng quanh, cứ đúng 30 phút lại quay lại khởi điểm là chân cầu Thê Húc.

Đi đến vòng thứ sáu, hạt cơ bản bị một cái sốc ngoại sinh. Đó là một con bé con khoảng mười hai, mười ba tuổi. Tôi từng thấy nó lê la ở góc phố Hàng Trống và Bảo Khánh, nơi tôi ghé uống cà phê mỗi sáng. Không biết từ lúc nào cái hạt bé bỏng đó bước theo bước chân tôi, nhưng đến vòng thứ sáu nó mới nín ứ tôi lại, miệng nói:

"Chú không mệt hả?"

Tôi chậm chân, lắc đầu. Vẫn bước, tôi bảo:

"Mỗi sáng đi bộ thể này tốt lắm... Nhất là khi chưa có xe cộ, không khí còn thở được!"

"Chú cho cháu tí tiền ăn sáng nhé. Nó ráo hoảnh - ... đi theo chú đến đỏi rã họng ra, tí nữa thì hựt hơi!"

"Ai bảo theo mà theo..."

Tôi ngừng bước, tay móc tiền đưa cho con bé năm nghìn.

"Có thể thôi hả chú Việt kiều?"

Cơn bực mình ở đâu ùa đến. Làm sao nó biết mình là Việt kiều? Năm nghìn chưa đủ thì bao nhiêu mới đủ? Tôi nhìn vào mặt con bé. Nó đen đũi, mắt to, mũi hơi hếch, tóc kẹp, miệng hé ra cười duyên.

"Sao mà biết tao Việt kiều? Bát phở Thìn ở bên kia đường chỉ tám nghìn, cho mà năm mà còn chưa đủ à?"

Con bé nghech mặt:

"Chú Việt kiều thì dễ biết quá, chỉ Việt kiều mới ở khách sạn. Còn như muốn ăn bát phở thì không đủ, chú biết đấy. Nó chìa tay, giọng nũng nịu - chú cho thêm ba nghìn đi!"

Tôi lắc đầu, giật áo bước đi không ngoái lại. Loa phát thanh của khu phố

lúc đó oang oang đọc tin buổi sáng. Tôi không nghe. Và hình như cũng chẳng ai nghe, người đi bộ vẫn bước, người múa quyền Thái Cực vẫn co chân giang tay. Đám đánh cầu lông cãi cọ được thua, có kẻ sẵn giọng văng tục. Anh công an đứng nhìn, tủm tủm cười. Xe máy bắt đầu lượn vòng, mùi xăng xông lên. Tôi đến góc Lê Thái Tổ và Bảo Khánh. Một cụ bà lưng còng nhấp nhồm qua đường, mắt toét nhèm, đầu lắc lư nhìn ngang nhìn ngửa. Tôi bảo cụ nắm tay cháu, ta cùng qua. Bà cụ gật gật. Nhưng trong lòng đường, tôi nhích lên một bước rồi lại phải lùi xuống. Những chiếc xe máy cứ vùn vụt lao thẳng tới. Con bé con ở đâu lại xô ra. Nó gọn lỏn "...Theo cháu" rồi cứ thế đi qua đường, không thềm nhìn trái, nhìn phải. Bà cụ hấp tấp chạy theo. Con bé đặt chân lên hè phố bên kia thì tiếng phanh rít lên, tiếng va đập và một tiếng kêu ối giời ơi, sau là tiếng chửi. Tôi xoè tay ôm mặt không dám nhìn, chỉ nghe tiếng chân người chạy. Và tiếng công an huýt còi.

Vào quán cà phê tôi vẫn đến ngồi đợi tin Thụy, lại thấy con bé quanh quẩn. Nó bảo "Xe cứu thương đến đưa bà cụ

đi rồi, nhưng chắc chẳng sống được!".
Tôi làm như không nghe thấy, mở Palm
ra tìm e-mail.

HAI

23-02

... ã tưởng chết. Cuộc hồi sinh nào chắc cũng chỉ ngỡ ngàng đến thế, hết như khi mở mắt sau một cơn mê. Hiện thực là những móc nối của trí nhớ. Nhớ màu xanh cây rừng, màu bạc những đám mây xa. Nhớ vị chất của trái sung chưa chín. Nhớ hương thiên lý thoang thoảng. Nhưng nhớ nhất, là tiếng người, thứ âm thanh mà không còn thì chắc chẳng còn gì lưu luyến.

Trùm B (mắt quắc lên, tròng sâu hoắm, răng chìa ra khi nói): "Này anh bạn, anh không vào đây đào vàng thì anh tìm gì?"

"Tôi... tôi nói chắc chẳng ai tin."

"Anh cứ nói, nhưng đừng lươn lẹo!"

"Tôi đi tìm cái vật quý hiếm có khả năng Bảo Quốc Hộ Dân..."

"Cái vật đó là cái gì?"

"Tôi chưa biết. Nhưng bạn tôi kể, trong giấc mơ, cái vật đó sáng lên. Nâng nó và khấn một trăm vị Bồ Tát, khi nghe có tiếng gọi từ không trung thì chính là nó..."

Trùm B chẳng nói chẳng rằng, đến bên cạnh, thỉnh linh giang tay tát, miệng quát:

"Tổ cha mi, nói láo!"

Tôi không thấy bóng dáng trăm vị Bồ Tát, nhưng rõ ràng có ít ra cũng vài chục con đom đóm bay lượn trước mắt. Tại lòng bùng, tôi nghe Trùm B ra lệnh nhốt tôi vào ngục A Tì. Quay nhìn một tay vác súng AK đứng xơ rợ, Trùm B bảo:

"Mày thông báo và gọi họp để Trung ương xử lý nghe chưa!"

Ngục là một cái lỗ rộng đường kính nửa thước, sâu một thước, nước ứa lên từ mặt đất ngập đến mắt cá chân. Tôi bị trói cánh khuỷu, ngồi thu lu thì một tên

đến đây lên cái lỗ một phiến gỗ. Trong bóng đen, trí óc tôi hầu như tê liệt. Mất thị giác, hầu như tôi không còn ý thức về không gian. Có lẽ từ đó, thời gian cũng không còn. May, tôi vẫn giữ được thính giác. Tai tôi vẫn nghe thấy tiếng lũ khỉ chí choé đâu đó. Mỗi sau, có tiếng côn trùng rỉ rả. Thế là đã đêm rồi. Cái lạnh đâm vào tứ phía, ngấm dần, thấu xương. Răng tôi đánh lập cập. Co người, tôi thu mình, chỉ mong sao quên được giá buốt của rừng. Chắc mai này bọn Trùm sẽ hỏi cung. Cái vật quý hiếm ấy là gì, tôi không biết. Trả lời chúng thế nào? Hay giả điên, có thể chúng sẽ tin mà thả tôi chẳng?

Ôi chao, vẫn lạnh! Ý thức run lên theo nhịp răng lập cập báo sự tồn tại đang có vẻ gặp vấn đề! Hãy tưởng tượng. Tôi, một con người tiền sử. Làm sao thôi cho lửa lên? Lấy hai hòn đá, đập vào nhau mong cho lửa bén vào đốt lá cây khô. Nào, ta đập. Hãy nhắm mắt hình dung ra nhoáng lửa, tai nghe tiếng chan chát của đá cứu rỗi. Ở giây phút này, đá là vật quý hiếm. Lửa nhoáng lên, nhưng đốt lá vẫn cứ trơ trơ lãnh cảm. Ừ thì thế, thôi làm cách

khác. Chẳng sách vở văn chương bảo tình có lửa à? Thế thì tôi sẽ đốt đồng lá khô này bằng lửa tình. Tôi sẽ nghĩ đến những Ánh, những Liên, những Thanh, những Nguyệt... đã từng làm tôi choáng váng, đau khổ, thương nhớ, hận thù... Tôi tưởng ra những đôi chân thon quặp vào lưng, những cặp vú bông bênh căng nức áp vào miệng, những làn môi hé mở đợi chờ, những cái oằn mình nung nẩy hất ngược lên... Rồi những lời oán trách, giận hờn, những câu chia tay bạc bẽo. Vô vọng. Vẫn cứ lạnh. Lửa tình thế giới lắm thì cũng chỉ gây được khói. Nhà văn nào tôi quên mất tên ví von nó đốt cháy cả một cánh rừng là nói xằng.

Có tiếng gà rừng. Gà rừng gáy không như gà chuồng, vừa gáy vừa bay nên lẫn vào tiếng gáy là tiếng đập cánh. Ờ, tự do nên có khác thật. Còn tôi, tù nhưng sáng ra, sẽ đỡ lạnh. Vả lại, tôi sẽ được biện bạch trước đám Trùm. À, còn cái phương án giả điên tôi nghĩ tới nhưng chưa đào sâu, nay phải bới lên mọi hậu quả...

Quảng xuống cho tôi một mẫu bánh mì, tên khoác AK nói trống không:

"Ăn đi, rồi sửa soạn "làm việc" nghe chưa!".

Khổ là nó quên cửi trói cho tôi, không có tay thì ăn thế nào được. Nhưng nào tôi có đói đâu. Tôi ngẩng mặt nhìn trời xanh. Và tự nhủ, dầu gì thì cũng phải tìm cho bằng được cái vật quý hiếm kia. Đầu tiên là thuyết phục bọn Trùm cái vật đó có thực. Phương án này, về mặt nổi, chẳng khác mấy phương án giả điên. Hiện tượng là một, nhưng bản chất, khác. Nhất định khác. Vâng, vì tôi tin nó có thật. Và chúng ta trên mảnh đất này sẽ được cứu rồi.

Tôi bị điệu đến trước mặt ba tên. Trùm B, tôi đã ăn từ tay hắn một bạt tai hôm qua. Nay thêm hai. Trùm C miệng sặc mùi rượu, mắt nhìn tôi lừ lừ, mép xệch xuống, tay cứ đưa lên vò đầu. Trùm còn lại, tôi gọi là Trùm A vì hắn có vẻ như là bề trên hai Trùm kia, người rắn chắc, mắt đeo kính cận, mỗi lúc nào cũng mím lại. Sau, tôi mới biết Trùm này từng là anh hùng diệt Mỹ thời chiến tranh, đi Liên Xô dưới dạng xuất khẩu lao động, buôn lậu thuốc lá qua Ba Lan và "lỡ tay" giết hai tay cảnh sát biên phòng nên phải lưu đày, cuối cùng

hồi hương mà vẫn trắng tay.

Trùm C:

"ĐM, chừ mi không nói cho thiệt thì tau cho nể cái này", tay đập khẩu súng Colt lên mặt bàn đánh rầm.

Trùm B:

"Hôm qua mi gọi cái chi đó... mà là tiếng Tàu. Nhắc lại coi..."

"Vật quý hiếm Bảo Quốc Hộ Dân", tôi vội nói.

Trùm C (quay nhìn Trùm A):

" ... Là cái chi vậy, sếp?"

Trùm A (nhấn nha):

"Bảo như bảo vệ, tức là giữ. Hộ... (cau mày, ngẫm nghĩ) thì như bảo hộ, ủng hộ... tức là giúp, là đỡ đần... Cái vật quý hiếm đó là giữ được nước, đỡ cho dân..."

Trùm C:

"ĐM... giữ với đỡ những thứ đó thì được gì (tay đập đập vào túi) mà quý với hiếm, cha nội!"

Trùm A (nghiêm trang, tay đưa ra cái hộ chiếu của tôi bị Trùm B tịch thu hôm qua):

"Anh là Việt kiều Canada, phải

không?"

Nhìn tôi gật đầu, hần tiếp, giọng vẫn nhần nha:

"Người đời đến đây là đi tìm vàng, anh thì không, lại nói rằng đi tìm một thứ quý hiếm mà chính anh cũng chỉ nghe nói và chưa biết nó là cái gì... Anh có thấy thế là kỳ quặc không?"

Tôi lắc đầu, bắt đầu biện bạch. Quý hiếm mà nhan nhản để ai cũng thấy, cũng biết thì quý hiếm ở đâu. Không để cho người nghe phản ứng, tôi cao giọng, con ngựa có cánh biết bay trong tranh Tây Phương kỳ quặc thế mà người đời trân quý cất trong những viện bảo tàng. Con khỉ Tề Thiên giút lông thổi phù phù trong truyện Tây Du biến thành trăm con khỉ khác để bảo vệ thầy Đường Tăng đi thỉnh kinh Phật kỳ quặc thế mà khối người đọc, từ thế hệ này qua thế hệ khác, chẳng phải chỉ ở Trung Quốc mà còn ở nước ta, thì rõ ra là càng kỳ quặc càng quý hiếm, và càng quý hiếm càng không thấy được. Một động lực vô hình thúc tôi đứng dậy. Giọng đồng dục, tôi nói về đất nước chúng ta đang thời kỳ phấn đấu

mở ra hội nhập vào thế giới, với nào là WTO, nào là ASEAN, nào là Quy chế Thương mại bình thường vĩnh viễn với Mỹ... thì, tôi đánh tay để nhấn mạnh, ở vị thế nước mới phục hồi sau chiến tranh, ta yếu, và nhiệm vụ giữ nước, tức là Bảo Quốc, tất là trọng yếu. Còn Hộ Dân ư? Có nước nào mạnh mà dân nước đó nghèo khó, khổn khổ, sợ sệt đến nem nếp, đàn ông chỉ biết nhậu, đàn bà thì nhấp nhỏm lấy chồng nước ngoài như Đài Loan, Singapore, Malaysia, Nam Hàn... không? Ấy, tôi hạ giọng, hộ dân trước tiên là làm sao giữ được phẩm cách con người, thôi coi mình là một món hàng rao bán, giá lên xuống theo kinh tế thị trường... Đến đây, tôi chưa biết nên tiếp tục thuyết giảng thế nào thì Trùm B ngáp, rằng chời ra:

"Mẹ... thằng cha này chắc chập dây hóa rồ, nói nghe như mấy ổng trên Ủy ban giảng nghị quyết... Mấy anh tính sao?"

Nhìn qua bên cạnh, Trùm C mặt gục xuống bàn, miệng ngáy, nước giải chảy ra ướt nhèm. Không đợi Trùm A đáp, Trùm B quày quả bước đi, nói với lại:

"Sếp tính chi thì tính, số đô thu được chia cho đều là nếp sống văn minh, nghe sếp!"

Trùm A gật, đưa tay làm dấu cho tôi đi theo...

*

* *

Con bé đến sát lớp kính ngăn quán nước với con đường đầy bụi, tay đập, miệng há hốc ra nói như gào. Nhưng tôi không nghe được gì. Nó chỉ tay về phía sau. Một người đàn bà trạc trên dưới bốn mươi đứng nhìn, nhoẻn miệng cười, tay ra dấu chỉ vào cái ghế trống trước mặt tôi. Không đợi tôi phản ứng, bà ta đi ngay lại lối ra vào, mở cửa, đứng đỉnh đi tới chỗ tôi ngồi. Đó là một người đàn bà cao ráo, quần xệ hở rốn, môi thoa son đỏ, mắt kẻ viền đen, mi cong, bôi phấn xanh quanh tròng, giày cao đến độ khó đi nhanh nên phải bước từng bước nhỏ. Nàng tươi tắn, giọng điệu dàng:

"Anh cho phép em nhé. Em cảm ơn anh cho cháu tiền quà sáng. Nhìn tôi gật tay ý bảo chẳng có gì, nàng tiếp - người tử tế bây giờ hiếm lắm, cháu kể

là em muốn đến chào hỏi làm quen với anh ngay... Tay chỉ về phía con bé lảng vảng bên đường, nàng ngậm ngùi... - Ấy con không cha như nhà không nóc anh ạ. Anh ở nước nào về vậy?"

Tôi chưa trả lời thì nàng thân mật vỗ tay tôi, nhí nhảnh:

"Để em đoán nhá, anh nhá. Nhìn tôi như định giá, nàng trẻ môi - Singapore này, đúng chưa?"

Tôi lắc. Và nàng đưa ra một chùm địa danh, từ Đông Âu cho đến Bắc Mỹ. Tôi ngắt lời bằng cách thả thõng - Canada. Nàng phá lên cười, giọng càng hồn nhiên:

"Biết ngay mà, trắng trẻo thế này là phải tới từ Bắc Cực... Em nghe nói ở đó có gấu lông trắng vừa đẹp vừa hiền, anh nhỉ... Vừa nói nàng vừa vô tình đặt tay lên đùi tôi, khúc khích -... có nuôi được gấu như chó bên mình để coi nhà không anh?"

Tôi gật, thừa biết lắc hay gật cũng vậy. Thản nhiên, nàng vẫy nhân viên phục vụ quán nước, gọi một ly trà Lipton. Rồi nàng hỏi tên tôi. Và cứ thế, nàng kể gia cảnh mình. Chồng nàng đi xuất khẩu lao động sang Đức, hai năm

nay không có tin, nghe đâu đã kết duyên mới với một chị người làng cùng cái cảnh "trơ trọi xứ người", một lý do tất nhiên không chính đáng để hắt phũ giẫy mẹ con nàng, hai sinh vật trung thành vẫn tha thiết đợi hắt cho đến lúc không có cách nào khác là phải, theo nguyên văn lời nàng, "quên mẹ nó đi, anh ạ!". Nhìn sâu vào mắt tôi, nàng ngọt ngào:

"Thế anh đã có gia đình chưa?"

Tôi gật, và chép miệng. Nàng cười:

"Mới có ba ngày mà đã nhớ vợ rồi ư? Chính chuyên đến thế cơ à! Giọng thương hại, nàng tiếp - Anh ơi, chớ buồn, cuộc đời ngắn ngủi lắm đấy, vù một cái là xong... Anh về đây mà phải ở khách sạn, thật là tội, lại tốn tiền!"

Ngạc nhiên, tôi hỏi, đi xa ở khách sạn là bình thường chứ ở đâu bây giờ. Nàng mím môi:

"Khách sạn toàn là của bọn tư bản "người bóc lột người" đấy. Nơi anh ở là của một Soái lớn từ Liên Xô về xây. Nó cắt cổ anh mà anh không biết... Em tìm cho anh chỗ hay hơn, máy lạnh có, ăn uống những món dân tộc, giá chỉ chưa đến một nửa... Anh "bao" đi, em lo

hết!"

Tôi ngẩn ngừ. Nàng ngồi sát vào tôi, tay lại để lên đùi tôi, nhỏ nhẹ:

"Bao em, thì em sẽ là "của" anh thời gian anh ở Hà Nội này..."

"Của là của thế nào?", tôi hỏi, chắc ngớ ngẩn đến độ nàng phì cười.

"Còn thế nào nữa. Tất tần tật. Em thay chị nhà anh một trăm phần trăm. Cơm bưng nước rót, muốn gì được nấy, phục dịch ngày đêm, bảo đảm vệ sinh an toàn... Nàng vuốt ngược đùi tôi, chau mỏ - Em có giấy bác sĩ mới tuần trước, chẳng bệnh tật gì sất... Còn chỗ ở, khu Nghĩa Đô, nhà xịn mới xây, một tầng lầu hai phòng là thuộc về "chúng mình", máy lạnh, nước nóng, giường chăn đủ cả... Ngày, mười đô thôi, chuyên chở có một chú taxi, thêm năm đô, ngày ngày đưa mình vào nội thành, đi chơi xa thì hợp đồng thêm..."

"Thế sau đó thì..."

"Phần em, vì anh tử tế với con cháu nhà em, em cảm động lắm... Xem nào. Nàng nghĩ ngợi, rồi nắm tay tôi - anh lại "hợp tạng" em, nên thế này nhé, anh cho bao nhiêu em xin, chẳng dám vò gì..."

Máu thực dụng của kẻ sống nước ngoài khiến tôi cẩn thận:

"Nhưng không thể được... Em thấy bao nhiêu thì đủ!"

Nàng nghiêm trang, ngồi thẳng lên, giọng trầm xuống:

"Tháng này em có nhiều việc phải tiêu... Nàng thở dài - thôi thì em xin anh tám chục mỗi ngày! Vì chi anh cứ cho là trăm đô, kể cả tiền em đi chợ nấu cho anh ăn. OK chứ?"

Tôi chợt dạ. Mặc cả thế là đẩy câu chuyện đi quá xa. Thấy tôi ngần ngừ, nàng đứng lên:

"Chẳng dám ép anh, trăm đô cho một ngày thiên đường ở Hà Nội này là rẻ đấy! Bên Cali, chỉ ăn hai bữa xoàng xoàng cũng hết trăm đô..."

Nói dứt lời, nàng nguýt dài rồi yếu điệu bước đi, nhìn khinh bỉ, mặt không thèm giấu nét sừng sĩa. Con bé con nàng đứng chờ ở cửa. Nó giơ tay, làm cái tác động như để nói "Thế là hồng ăn rồi, hờ mẹ!".

Chiếc Palm lại bần bật rung trong túi quần. Tôi mở chiếc điện thoại di động: Tin nhắn của Thụy, hẹn 6 giờ chiều lên

một hàng ăn ở Tây Hồ.

*
* *

23-02

... Luồn lách cây rừng chi chít được đầu nửa giờ, chúng tôi đến trước một căn nhà mái lợp gianh. Trùm A bấy giờ mới cất tiếng:

"Khu này tôi trông nom an ninh, bảo đảm với anh an toàn tối đa. Sau này, chỉ yêu cầu anh một điều: đừng bao giờ, tôi nhấn mạnh, đừng bao giờ nhắc đến nó khi anh quay về sống với thế giới bên kia..."

Nghe bốn chữ thế giới bên kia, tôi rùng mình. Có phải hẳn có ý bảo là thế giới người chết, cái cõi âm vất vưởng những linh hồn không siêu thoát? Tôi gặng hỏi:

"Thế giới bên kia là thế giới nào?"

"Hừ... là cái thế giới từ đó anh đến khu đào vàng này. Nhưng đừng quên, tôi bảo khi anh về sống với thế giới bên kia... Chắc gì anh về. Và biết có sống được hay không!"

Tôi lại rùng mình, da nổi gai. Chùng

như thấy tôi sợ, hấn trấn an:

"Tôi thì tôi mong anh sống, anh biết tại sao không?"

- ???...

"Vì cái anh tìm! Kể đến đây dải vàng thì có được bao nhiêu. Giỏi cũng chỉ 1, 2 lạng sau khi phân kim, lại chia cho dịch vụ an ninh chúng tôi 30%..."

"Dịch vụ an ninh?"

Trùm A giảng giải:

"Thì cũng bắt chước như thế giới bên kia thôi, nhưng khác một điều là chúng tôi hợp đồng minh bạch chứ không chơi cái cách tham nhũng đâu nhé. Và chúng tôi nghiêm chỉnh áp dụng rất ráo tiêu chí xã hội văn minh công bằng..."

Chép miệng, hấn tiếp:

"Nhưng quay lại cái vật quý hiếm nhé. Anh tìm, lại chưa biết nó là cái gì, thì còn quá đầy biến mò kim, nhưng bảo không thể tìm được thì không đúng, phải không nào! Thế có chi khác chuyện tin vào ông Thượng Đế thì được cứu rồi, dầu là chỉ trong muôn một... Cũng có thể vì thế nên anh rùng mỡ đi tìm, dầu anh đang sống bình an trong

một xã hội đi trước đất nước này hàng trăm năm, đúng chưa?"

Tôi nghĩ đến kiểu đặt cược của Pascal, im lặng gật đầu, thầm cảm phục một người không lý giải quần quai mà cũng vẫn tìm ra được cách khu xử hợp lý của một triết gia hạng nhất trên thế giới này ba trăm năm có lẽ. Trùm A mỉm cười, thân mật vỗ vào vai tôi. Lúc đó tôi mới dám nhìn thẳng vào mặt hắn. Xương xẩu, lưỡng quyền nhô lên, má trái có một vết sẹo chạy từ màng tai xuống đến cổ, trông mắt sâu hoắm lấp loé sau cặp kính trắng khiến hắn mang dáng dấp trí thức tỉnh lẻ hơn là một tên lục lâm thảo khấu bao che chuyện đào vàng. Thành linh, hắn nghiêm giọng:

"Giả như tìm thấy, đề nghị mình chia đôi nhé, chỉ anh với tôi thôi. Đám Trùm kia thu được tiền đô của anh là chúng hài lòng rồi. Còn như có cái vật quý hiếm Bảo Quốc Hộ Dân ấy thì bán cho ai? Bán thế nào?"

Lặng người đi, tôi, một kẻ mơ mộng, nào có nghĩ đến chuyện rao bán cái giữ được nước, cứu được dân. Thấy tôi im, hắn lẩm nhẩm:

"Cái phần Bảo Quốc có thể chuồn cho các vị lèo lái thế giới bên kia, nhưng họ chắc không mua cái Hộ Dân đâu... Hộ dân thì họ còn ăn uống thế nào được nữa! Món này khó tiêu thụ... Hừm, để xem."

Bóp trán, mắt lim dim, vết thẹo trên má hằn phập phồng như thở. Lát sau, phá lên cười, hắc reo:

"... tớ biết chỗ bán rồi, tớ là thiên tài. Vờ vai tôi, hắc nắm chặt, lắc lắc - đoán thử xem!"

Không để ý đến tôi nhăn mặt vì đau, hắc nói như hét:

"Này, tớ bán cho ban lãnh đạo láng giềng nhé. Chúng nó mua rồi quảng đi, thế là ăn đứt được nước mình mà chẳng tốn quân, tốn của, và mang tiếng "bá quyền"! Đây, thần tình chưa - hắc vỗ ngực, giọng phẫn khích - một sáng kiến kết hợp nhuần nhuyễn kinh tế và chính trị toàn cầu!"

Gỡ tay hắc ra, tôi nhẹ giọng đến như van vớ:

"Phải tìm đã chứ, tay trắng thì bán gì?"

"Đúng! Lấy lại bình tĩnh, hắc thở ra - Nhưng tìm phải có kế hoạch. Và tớ

chức. Hắn lẩm bẩm như nói một mình - phải cho đi kiếm Ensara... về trợ lực."

Quay nhìn tôi, hắn nói như ra lệnh:

"Mai chúng ta khởi công! Hôm nay nghỉ lấy sức... Chỗ tìm ra vật quý hiếm ấy, tôi biết!"

*

* *

Vừa bước chân vào nhà hàng ăn uống nằm ven hồ, một cô tiếp viên tươi như hoa đã ra đón, hỏi tên tôi, trịnh trọng nói: "Xin quý khách theo tôi". Men lối đi trên bờ nước, tôi được đưa đến trước một căn phòng, cửa đề chữ VIP đỏ, đằng sau có tiếng cười đùa rôm rả. Cô tiếp viên nghiêng mình, giọng văn minh có định hướng kinh tế thị trường, ngượng ngập "Xin mời" rồi đẩy cửa. Không khí mát rượi trong phòng ủa ra. Chưa nhìn thấy gì thì một vị chạy lại, và mặc dầu tôi chẳng biết là ai, anh ta thân tình quàng vai, miệng nói, chà chà, đợi anh mãi đấy. Một thiếu nữ rất xinh đưa tay vẫy tôi khi được giới thiệu, tên là Nhất Phương. Một vị, chừng thất thập, tóc dài nhuộm đen, miệng lún phún râu, gầy gò trong bộ áo choàng vàng kẻ dọc xanh đứng lên đến bắt tay

tôi, nói bằng tiếng Pháp "*vous êtes bienvenu, cher ami*" rồi vẫy Nhất Phương, đẩy cho ngồi cạnh tôi. Và sáu bảy vị khác, tuổi từ ba đến năm mươi, đều là những nhà văn nhà thơ, tự kể tên nhưng than ôi, tôi chỉ là một kẻ thực dụng chẳng để ý đến chữ nghĩa, đành chỉ cười cười cúi đầu chào thật lễ độ. Sau đó, ai cũng nói một câu thế nào cho tôi hiểu là họ đều quen biết hẳn, thằng anh hờ trời đánh thánh vật tôi phải cất công về đây tìm. Tôi nhìn quanh nhưng không thấy Thụy, quay sang hỏi Nhất Phương thì nàng đáp không biết là Thụy cũng hẹn đến đây. Vị đứng tuổi, nhà thơ cách tân đầu đàn ghé vào tai tôi, mồm mím cười:

"Toa cứ gọi moa là anh, như mọi người chứ đừng theo tuổi tác mà gọi moa bằng chú nhé. Anh em ở đây ai cũng gọi moa bằng anh. Cứ kể cái tính chứ đừng đếm tuổi, để moa còn trẻ hơn họ đấy. Moa có tiếng là "lão ngoan đồng" Châu Bá Thông của nền văn hóa bản địa..."

Nhà thơ lão đảo đứng lên, tay nâng ly, nói lớn:

"Nào, cùng ly uống mừng buổi hội

ngộ hôm nay nhé!"

Thế là tiếng thủy tinh loại vừa rẻ vừa bền lạch tạch như pháo chuột vang lên. Rượu là rượu trắng, gọi là Vodka-ta, khá đậm. Uống đậm, có mấy thùng bia Heineken, tiếng mở nắp chai lộp bộp. Còn món nhậu, thì ếch, nhái, và đặc biệt là bò tùng xẻo. Nhất Phương riu rít:

"Em xẻo thịt, anh nhé!"

Nghe xẻo thịt anh, tức là mất cái dấu phẩy trong một câu thoại, tôi giật mình ôm lấy cánh tay như một phản ứng tự vệ. Phương tưởng tôi đùa, cười:

"Xẻo thịt bò cho anh ăn, đừng lắm mà ăn phải thịt em nhé..."

Nhà thơ cách tân chồm qua, nói bô bô:

"Thịt em thì phải ăn tươi chứ. - Cười hô hố, ông ta tiếp: - Nhất Phương là thiên nhất phương trong thơ Tô Đông Pha đấy, toa người Tây học có biết là ai không?"

Thấy tôi lắc đầu, nhà thơ cách tân hạ giọng:

"Moa biết, mấy toa giỏi thơ Tây thơ Mỹ chứ mấy cái món cổ thì nào có để ý. Còn moa, nói thật nhé, ông cụ để ra

moa là thâu khoán, gia đình gốc tư sản nên đi học trường của Pháp từ thời trước 45, may có chút chữ Hán ông nội moa bắt học thuở bé nên mới giữ được chút truyền thống. Mười bốn tuổi, moa mê Lamartine, mê Chateaubriand... rồi khi đọc Beaudelaire thì moa lập chí làm thơ!"

Tôi gật gù. Kể thật lạ, kỳ trước tôi về nước cách đây đầu mười năm, người đầu đầu cũng bảo mình gia đình vốn ba đời là nhà nông cấy thuê không ruộng không đất. Bây giờ, chỉ mới ba ngày qua, nghe ai cũng khoe gốc họ nếu không tư sản thì đều là con cháu quan lại thời nhà Nguyễn. Tôi nốc vội ly rượu để quên thắc mắc. Nhà thơ cách tân ghé vào tai, rừ rì:

"Ngôn ngữ là một điều kỳ lạ. Bất cứ thứ tiếng nào moa học cũng nhanh, và moa cảm ngay cái hồn của nó. Đọc thử toa nghe một vài câu moa làm nhé... *La tendre folie... dans cette vie... Ce rêve fantasmagorique... d'une fraîcheur frigorifique...*"

Tôi chưa dám nói gì, Nhất Phương đã xuýt xoa:

"Em nghe có vắn như thơ Đường.

Nhìn tôi, nàng nói - chả là em đang du học ở Thượng Hải về điện ảnh nên tiếng Trung Quốc bây giờ em cũng tạm tạm, nghe thơ có vắn là em biết ngay... Này nhé, em nói sai thì anh sửa... *phôli* vắn với *vi*. Còn cái vắn sau là *ích*... phải không?"

Không dám gật đầu, tôi nhìn sang nhà thơ cách tân, tặng lời bằng cách nâng ly uống mừng. Mừng gì đây? Nhà thơ cách tân vừa cười vừa hỏi. Nhất Phương đáp hộ ngay:

"Thì mừng cho sự hội nhập Đông - Tây chứ còn gì nữa! Nàng khúc khích, nâng ly, tay kia giơ lên, miệng hò - Nào... zô nhé!"

Thế là zô, zô... Tôi uống, và cứ thế, uống mừng cái này, mừng cái kia như thể cuộc đời cũng đang mừng vui nhộn nhạo.

Trời về chiều, hoàng hôn lóe trên mặt hồ như một tà áo đỏ vờn bay trên mặt nước óng ánh. Ô hay, sao không thấy Thụy. Tôi lại hỏi Nhất Phương. Nàng béo má tôi, cười, có em đây thì cần gì đến ai. Và nàng lại rót, tôi lại uống, cứ thế...

Khi tôi tỉnh dậy thì không còn một ai

trong căn phòng VIP. Giụi mắt, tôi ngạc nhiên nhìn một nhân viên nhà hàng vỗ khế vào vai, đánh thức tôi dậy để tôi thanh toán cái hóa đơn ăn mừng vừa rồi. Tôi bấm máy gọi cho Thụy. Tiếng anh ta ngạc nhiên:

"Tôi nào có hẹn anh đâu!"

Một lát sau, Thụy phóng xe đến đón tôi về. Nhìn tôi, Thụy nói:

"Anh xem cái tin nhắn gửi đến anh là ai gửi!"

Quả thực không phải Thụy gửi mà là địa chỉ mail lạ hoắc. Gửi ngược về địa chỉ đó, chúng tôi mới biết đó là một trạm Internet trên phố Trần Hưng Đạo. Thụy bực bội:

"Tôi hỏi đám bạn quen tin về ông anh của anh, đưa số e-mail của anh cho một vài đứa để có gì chúng nó thông báo thẳng với anh... Nhưng thằng nào chơi cái trò "ăn chạy" này?"

Vỗ vai Thụy, tôi bảo chẳng có gì đáng để quan tâm. Và hỏi, Trang ở đâu?

*

* *

... Buổi trưa hôm đó, tôi được phép đi quanh quần trong khu vực Trùm A phụ trách an ninh dưới sự giám sát của một bảo vệ, hết như là ở thế giới bên kia. Nắng gay gắt, trời lại không gió, nóng đến mờ mắt, nhưng đám người đãi vàng vẫn say sưa, kẻ xúc, người sàng, đổ nước rửa cát, rửa đá ven một con suối cạn, giờ lên ngắm nghía, lắc đầu hoặc gật gù tùy cái may mắn trời cho. Họ đi từng ê-kíp ba, bốn người, lúc nào cũng có một người lãnh nhiệm vụ canh chừng. Anh bảo vệ giảng giải:

"... Ở đây rất dễ bị cướp, lắm khi bảo vệ tụi tôi không can thiệp kịp. Nghèo nên tham mà anh! Bắt được cướp, tụi tui bắn bỏ liền. Máy xếp trong Trung ương dặn, mình kiếm ăn được là vì giữ an ninh trật tự nghiêm minh!", rồi cười hề hề.

Tôi nhìn anh, hỏi: "Kiếm khá không?". Thì thào, anh hạ giọng:

"Bí mật nghe! Mình lấy từ 30 tới 40% lượng đá có quặng vàng. Nếu người đào vàng khoán cho mình phân kim thì mình lấy 20% lượng kim. Ngoài ra, khi phân chia lô để đào, mỗi lô mình

"thuế" từ một tới hai trăm ngàn đồng mỗi ngày, tùy lô tốt xấu... Bảo vệ tui đưa được triệu hai cho tới triệu rưỡi một tháng, mà là tiền Việt Nam mình nghe..."

Không thấy phụ nữ đi đào vàng, tôi thắc mắc. Anh bảo vệ chém tay vào không khí, quả quyết:

"Có mấy bả, chắc tui tui lại phải lo luôn chuyện ghen tuông lang chạ. Hồi ban đầu, có mấy bả, xảy ra lắm vụ mấy bả kêu là hãm hiếp, phức tạp lắm. Ông xếp khu này hợp. Ông nói - xưa nay người ta lấy vàng thử bụng đàn bà, lấy đàn bà thử bụng đàn ông. Không để phụ nữ ở đây, nhưng bề nào vàng cũng đến tay họ, thế là vẫn đúng quy luật chớ không phải kỳ thị phân biệt nam-nữ chi cả... Anh nghe hay không? Ông xưa học tới cấp ba, trí thức thứ thiệt chớ không như tui tui đâu..."

Bước lại ven suối gần nhóm người cầm cú sàng sậy, tôi thóp bụng lùi lại. Một anh lông mày xéch ngược thò tay nắm cán một con dao rừng sáng quắc, ánh mắt chỉ dọi đi khi anh bảo vệ xô đến, miệng kêu "Khách của ông Trùm đó!". Quay sang tôi, anh dặn "Đi lang

bang là mất đầu đấy nghen!". Bất giác, tôi đưa tay lên sờ cổ, gật đầu, biết nó còn đấy.

Về nằm trong một cái lán để tránh nắng, tôi tự hỏi, Trùm A khẳng định chỗ tìm được cái vật Bảo Quốc Hộ Dân. Nhưng là chỗ nào? Và trên cơ sở gì hẳn khẳng định như vậy? Ngược lại, nếu hẳn không nói thế, tôi cũng chẳng biết tìm chi, và tìm ở đâu, chỉ đoán chắc là khi tìm thấy thì vật đó phát sáng, đồng thời nghe được một tiếng nói từ thình không. Tóm lại, tất cả mù mờ như làn hơi nước bốc lên dưới ánh nắng đỏ lửa trên thế gian đang lục đục sôi như một nồi nước trong đầu tôi. Lơ mơ quẩn quanh như thế, đến lúc xế chiều thì có người đến gọi tôi đi.

Lên căn nhà mái lợp gianh tôi đã đến ban sáng, tôi vừa thò đầu vào thời Trùm A vẫy tay, chỉ một người đàn ông, giới thiệu:

"Đây là thầy Ensara. Thầy sẽ trợ lực cho chúng ta!"

Người đàn ông cao lêu nghêu, áo choàng từ đầu xuống chân trắng toát, đầu quấn khăn cũng trắng, ngược mắt nhìn tôi vô cảm. Thật khó đoán ra tuổi

tác. Khăng khiu nhưng lỗ chỗ những vết sứt sẹo có lẽ di lại từ một trận đấu mùa thuở niên thiếu, khuôn mặt Ensara dài ngoẵng, da sạm một thứ màu mun han rỉ. Ensara nói lơ lơ, nhưng Trùm A hiểu, đáp:

"Khởi công càng sớm càng hay. Ngay đêm nay cũng được!"

Ensara gật đầu, chẳng nói chẳng rằng xách bị đi ra ngoài. Nhìn Trùm A, tôi hỏi:

"Ông ta là ai? Và trợ lực thế nào?"

"Ông ấy là thầy pháp, người Chàm..."

Chỉ chiếc chõng tre bảo tôi ngồi, Trùm A giảng giải. Khu này đãi cát tìm vàng là chuyện phụ, kiếm chẳng được mấy. Nhưng sát chân núi là khu cổ mộ của dân tộc Chàm từ mấy trăm năm nay. Họ chôn của cải với người chết, trong những cái chum sành. Người chết càng giàu thì của cải châu báu càng nhiều, không chỉ có vàng mà còn có cả cổ vật, ngọc ngà... Đào mả, phải đề phòng rắn và ma Hời. Rắn, có thuốc. Nhưng ma Hời, phải nhờ tới thầy pháp. Người đi đào mả kể hể cứ chạm vào chum là nghe tiếng khóc lóc, tiếng chửi

rửa. Có kẻ hoa mắt thấy giáo mác sáng loáng vung lên. Có kẻ tối mặt tối mũi, xây xẩm gục xuống, sau hóa rồ hóa dại. Từ ngày vời được Ensara, những hiện tượng kia bớt dần, nhưng cách đây hai tháng, có người thò tay vào một cái chum rất lớn bỗng nhiên bị hút tuột vào, và biến mất, không để lại chút hình tích nào, chẳng được như là cát, là bụi. Từ đó, Ensara xin thôi. Hiện còn bảy cái chum chưa ai dám động tới. Trùm A hạ giọng:

"Tôi đích thân đến nói mãi Ensara mới nghe, đòi đến 20 lạng vàng thù lao..."

Chỉ nghe Trùm A kể, tôi đã ớn lạnh, lưng đổ mồ hôi. Rùng mình, tôi gặng:

"Nhưng sao mà biết vật quý hiếm ở trong bảy cái chum đó?"

Trùm A bật cười:

"Này nhé! Khi tôi ở bên Liên Xô, tôi nghe một câu chuyện thế này, kể cho anh nghe. Có một đêm, một người đánh rơi một đồng tiền vàng trên quãng đường từ nhà anh ta ra đến cổng làng. Con đường đó có độc một cái đèn đường, còn lại tối đen như mực. Anh ta cặm cùi bới từng cọng cỏ dưới

ngọn đèn tìm đồng tiền. Dân làng cười, bảo đồng tiền đó có thể rơi bất kỳ chỗ nào trên cả con đường dài này, sao cứ loay hoay tìm đúng một chỗ. Anh biết người đó trả lời thế nào không?"

Nhìn Trùm A, tôi lắc đầu. Giọng hể hả, hấn khệnh khạng:

"Tôi tìm chỗ sáng, vì chỉ chỗ ấy may thì tìm thấy. Còn chỗ tối, rõ là vô phương... Đấy, tôi cũng vậy. Bảy cái chum kia là chỗ sáng, còn lại thì khu này tôi nằm lòng, có cái quái gì mà tìm!"

Vẫn sợ, tôi cố vót vát:

"Cái may này đổi hai mươi lạng vàng, đắt đấy..."

"Hà hà... đưa trước một lạng thôi, tìm ra thì mới chồng tiền chứ! Tìm được cái vật quý hiếm ấy thì hai mươi lạng có nhằm nhò gì", Trùm A đáp, giọng chắc nịch.

Cơn sợ bị hút vào một cái chum để rồi vô hình vô tướng khiến tôi run lên. Nghiến cho răng thôi đánh vào nhau, tôi cò kè:

"Còn chuyện này, hôm anh nói bán vật quý hiếm cho ông láng giềng thì tôi

chưa phát biểu ý kiến. Tôi nghĩ thế là không được! Họ nay vẫn kè kè sát nách ta... Nguy lắm! Tôi không muốn dính dáng vào cái nghiệp này đâu..."

Trùm A nghe tôi nói, nhếch mép cười như muốn bảo thế là chú mày sợ chứ gì, sẵn:

"Thế thì làm thế nào?"

Không biết ăn nói ra sao, tôi sượng sùng:

"Tôi chịu, anh thử động não xem sao. Chuyện buôn bán tôi kém lắm!"

Trùm A nhổ nước bọt, quay lưng bước ra ngoài.

*

* *

24-02

Đến tối, tiếng cú rúc cứ vang lên từng chập. Gió lên, cây rừng xào xạc, trăng non lơ lửng giữa những đám mây rám bạc trên đỉnh đầu. Ngày nóng, nhưng đến đêm, rừng ẩm ướt khiến trời lạnh hẩn đi. Xa xa, tiếng trống bập bùng nhịp cho tiếng kèn ai oán vắng lại. Trùm A bất ngờ hiện ra. Như một phản ứng, tôi rụt người lại, nói ngay:

"Anh tìm người khác thay tôi... Ở đây thiếu gì người!"

"Hừ... không được! Ensara đã liên hệ được với nữ thần Shiva. Thần phán, đây là karma của anh, chỉ có anh mới có cái duyên nghiệp này... Còn chuyện bán, tôi nghĩ ra để chiều lòng anh rồi. Ta bán nó cho bọn đã từng muốn chiếm một nửa nước ta. Bây giờ Bảo Quốc là cho nó tắt, chắc chắn sẽ OK. Còn Hộ Dân thì chúng nó đòi ta tôn trọng nhân quyền, điều nằm trong chiến lược toàn cầu trên thế giới, chúng nó không thể từ chối được! Chúng nó lại vẫn mạnh nhất, giàu nhất... anh có đồng ý không!". Mà này, Trùm A cười nhạt vỗ tay vào bao súng lục, "Anh không đồng ý thì cũng phải hợp đồng với tôi, anh nghe rõ chứ?"

Dứt lời, Trùm A vẫy tay. Một toán bốn người xông vào, kẻ bịt mắt, người xốc vai tôi lôi đi. Quanh co một lát, chúng tôi đến trước một đồng lửa cháy có ngọn. Trùm A mở băng bịt mắt, tôi thấy có cả Trùm B và C đứng đợi. Ensara vẫn chân nhẩy tay múa, bước vòng vòng quanh đồng lửa, miệng hú

dài, tiếng hú hòa vào tiếng chí chóc của những con khỉ khiến nhân giới nay chập chờn hư thực. Ensara đến trước mặt tôi, nói lớn tiếng. Chưa kịp hiểu gì, Trùm C ra lệnh:

"... Cởi hết quần áo ra!"

Trần như nhộng, tôi khép chân, tay che, thầm nghĩ mình nào khác chi đàn khỉ leo trèo trên cây. Ensara kéo tôi đến trước một bức tượng bằng đồng, trăm tay trăm chân, đứng nghiêng, hông xéch lên, miệng như cười. Hấn rút từ bị đồ nghề cái chổi lông, chấm vào một dung dịch sền sệt bốc mùi khăm khảm, hoa lên trời rồi rì rầm to nhỏ. Ngửa mặt nhìn trăng, hấn lại hú, ngay sau đó thét lên những từ ngữ lạ hoắc, tiến tới bắt tôi há mồm, đổ ực vào một loại nước mùi hăng hắc. Làm xong động tác này, Ensara lại nhảy múa như một con chơi chơi, giọng hú mỗi lúc một náo nùng, tay dùng chổi quét vào người tôi những nét ngang, nét dọc. Tôi như mê đi, sức tỉnh khi thấy người bị choàng vào hai lượt dây chảo bện bằng vỏ cây nhuộm đỏ, một ở ngang ngực, một ở bụng. Xưa nay huênh hoang là một kẻ vô thần vì thừa hưởng được

ting thần duy lý của thế kỷ Ánh Sáng, tôi bỗng thấy cần một sự che chở siêu nhiên. Nhưng cầu ai? Jesus, hay Thích Ca, hay Mohammed...? Không biết, tôi lẩm nhẩm... lạy Trời!

Chẳng biết Trời nghe thấy chưa nhưng tôi bị điệu đến trước một cái chum đường kính độ hai vòng ôm, nắp mở toang hoác, phía trong đen ngòm. Người ta buộc những sợi dây nối người tôi vào gốc một thân cây khá to nhằm nếu như cái chum hút tôi vào thì còn có hai sợi dây giữ dặt tôi ở cái thế giới này. Không tin lắm vào khả năng thô sơ này, tôi cứ chùng chình, tay không dám đưa vào cái lỗ trống đen ngòm trong đó vật chất có khả năng tiêu tan. Thấy vậy, Trùm C quát:

"ĐM... mi đưa tay zô, nếu không ông bắn bỏ!"

Nghe tiếng đạn nạp vào nòng súng, tôi tự nhủ, có chết thì thà là tiêu tan còn hơn bị một viên đạn đồng cắm vào tim, thậm chí có thể lệch sang phổi, không chết ngay mà khắc khoải cả đêm. Tôi nhắm mắt, thọc tay vào chum khoảng lên, mắt chờ bảo vật phát sáng, tai động ra đón từ thình không

những lời huyền diệu đổi mệnh Trời. Chỉ có tiếng lục cục xương cốt hàng trăm năm trước đập vào nhau. Trùm A quát:

"Không có đích gì à?"

Tôi lắc. Thế là họ điệu tôi qua chiếc chum thứ hai cách đó cả trăm thước. Cũng vậy. Rồi đến chum thứ ba, thứ tư... Ensara vẫn nhẩy múa, nhưng bước chân có chậm lại. Khỉ trên cành chí choé nhiều hơn. Khi tôi mò vào chiếc chum thứ bảy, trời đã tờ mờ sáng. Vẫn chẳng thấy gì. Ô hô, cái vật quý hiếm Bảo Quốc Hộ Dân đâu? Trùm B, kẻ đánh tôi một cái tát, lầu bầu như chửi. Trùm A, mặt đanh lại, gằn:

"Đưa nó tới tìm ở cái chum đã hút người... Mình đâu biết có cái gì trong đó!"

Tôi lạnh người. Ensara lè lưỡi, mặt dài thuôn ra.

Đi khoảng mười phút, người ta đẩy tôi chúi xuống chân một cái chum lớn hơn những cái chum khác ít là hai lần. Không hiểu vì có gì, tôi cảm thấy bình tĩnh. Có chết, cũng chết cho vinh quang. Chết vì nước. Chết để Bảo

Quốc. Chết vì Hộ Dân. Và chết như vậy, ai nỡ vừa chết vừa sợ, rên rỉ, khóc lóc. Trong thoáng chốc, tất cả quá khứ hiện lại, rõ ràng từng nét, với từng người tôi yêu thương. Khi thấy lại hình ảnh người đàn bà trên thuyền đêm sông Hương hôm nao cười buồn, tôi đã sẵn sàng. Nhìn Trùm A, tôi nói như trăng trời:

"Nhớ đấy... Đừng bán bậy, chọn mặt gửi vàng, nghe không!"

Quay lại nhìn những con người đứng trợn mắt nhìn, tôi mang tâm trạng một Kinh Kha ngày bên bờ sông Dịch. Trùm A hò:

"Buộc dây cho chắc vào gốc cây, rồi hai thằng nắm một dây. Động tịnh bất thường thì kéo khi tao hô! Hiểu chưa?"

"Hiểu!" Đám tay chân của Trùm A hò lên.

Ensara tiến tới trước mặt tôi, vẽ bùa trong không khí, bảo tôi há miệng ra. Tôi lắc đầu, liên tưởng đến cái dung dịch hăng hăng hắc đã đổ vào miệng tôi. Sống cho sạch, chết cho thơm, tôi nghĩ bụng. Thành linh, trong tranh tối tranh sáng, tôi thấy một vị đầu trọc mặc áo nâu sồng ngồi dưới gốc cây,

một tay che mặt, tay kia giơ lên như bắt quyết. Rồi tôi nghe trong thính không tiếng mõ vắng vắng, và tiếng ai đó thì thảo bên tai:

"... trong cõi vô thường sinh ký tử quy, ngộ ra trong một sát na cái biên giới tử sinh thì cũng đáng một kiếp rồi, sân si ái vọng nữa mà chi..."

A, chân lý đây. Và phải sống với nó, chết với nó. Tôi ưỡn ngực bước thẳng đến miệng chum mở toang hoác, đen ngòm ngòm, trong đó chắc chắn chứa cả cái vô hình vô tướng của kẻ đã từng biến vào đó như chưa từng là da là thịt. Tay tôi vừa qua miệng chum, quả có một thứ lực quy tâm hút tôi vào. Chân dậm xuống trì kéo lại, tôi thò tay vào. Trời hỡi, một thứ mùi tanh hôi nhớp nhúa sục lên, và có gì đó như trăm cái vòi bạch tuộc cuốn lấy cánh tay tôi. Trùm A hô kéo, rồi chạy lại nắm dây phụ lực. Ensara rống lên như phát đại. Vật Bảo Quốc Hộ Dân tắt phải ở đây thôi. Nghiến răng, tôi thọc sâu tay vào, vai đã quá miệng chum, nhưng tôi cố giữ đầu tôi ở ngoài để thở. Tay tôi gần như đụng đến đáy chum. Phải rồi, vật quý hiếm đây chẳng? Đụng vào nó, nó

sắc lạnh, nó phát sáng. Có tiếng reo. Tôi dỏng tai cố nghe một tiếng gọi giữa thình không. Gom hết sức, tôi nắm chặt lấy cái vật vô cùng quý hiếm. Bây giờ, chết tôi chẳng sợ, chỉ sợ nó vượt khỏi tay. Chân tì vào thành chum, tôi cong người vận mười thành công lực, đập ngược. Có tiếng gió ào ào lướt qua. Tôi hững người, ngã bịch xuống trong tiếng reo, ngất đi.

BA

Sáng tinh mơ hôm sau, tôi lại đi vòng Bờ Hồ. Một vòng, rồi hai... Đến vòng thứ ba, con bé hôm qua ở đâu xô ra lẽo đẽo theo sau. Thêm một vòng, nó rướn đến cạnh tôi, chạm nhẹ vào tay tôi, mủm mĩm cười. Làm như không biết, tôi nhìn thẳng, rảo bước. Nó đi như chạy, thỉnh thoảng lại khều khều. Cho đến khi tôi ngừng chân, mắt nhìn phía xe chạy, nhấp nhóm qua đường, nó nói "Cháu đi mở đường cho!". Nhớ hình ảnh bà cụ bị xe đụng hôm qua, tôi rùng mình, không trả lời.

Sang đến hè đường bên kia, con bé chìa tay:

"Cho cháu tiền phở như hôm qua đi, công cháu mở đường cho chú. Nhé, chú nhé!"

Gạt tay con bé, tôi leo lên tam cấp vào khách sạn. Mở vòi nước lạnh, tôi tắm rửa một mình, sao mãi chẳng thấy Trang điện thoại. Tắm rửa xong, tôi mở máy gọi Thụy. Không nói chuyện được, tôi đành để tin nhắn, ra ngoài tìm quán ăn điểm tâm. Con bé đứng chờ ngay cửa khách sạn, nhưng làm như ngẫu nhiên, thờ ơ: "Cháu chào chú". Tôi đi thẳng lại cái quán gần Nhà Chung, ngồi vào chiếc bàn kê cạnh cửa kính. Húp đến thìa thứ hai bát bún thang còn bốc khói, con bé đến sát bên, mắt chòng chọc. Thế này thì còn ăn uống gì được hử Trời! Con bé chỉ tay vào mồm, vào bụng, nước giải ứa ra khoé miệng, ánh mắt khẩn cầu. Chắc nó đói, tôi tự nhủ. Miếng bún nghện ở cần cổ, tôi quay đi. Đứng lên, tôi ra cửa quán ăn, vẫy. Khi nó đến cạnh, tôi đút vào tay nó năm nghìn. Con bé lẩm nhẩm:

"... vẫn như hôm qua, còn vật giá thì leo thang!"

Tôi gần phát điên, hỏi "Ai bảo mày vậy?". Nó thần nhiên "...mẹ cháu chứ còn ai. Rồi đài, báo... chỗ nào cũng nói thế cả!".

Nắng đầu ngày mỗi lúc một gắt. Tiếng xe gấn máy rầm rầm, còi bóp inh ỏi. Trong lòng những con đường trung tâm Hà Nội, khói xe bay mù, mùi xăng bốc lên. Tần ngần, tôi chẳng biết đi đâu, lơ ngơ nhìn quanh hết một kẻ đi lạc đang tìm đường. Con bé đến gần. Tôi hỏi, có chỗ nào vắng xe ở quanh đây không? Nó đáp, ra Văn Miếu, cháu đưa. Tôi lắc đầu, lôi bản đồ thành phố ra. Nửa giờ sau, tôi chẳng nhìn đồng văn bia tiến sĩ, tìm một gốc cây tỏa bóng mát, ngồi thật im. Tôi nhắm mắt. Để chiêm hữu lại cái hiện tại tôi không chọn lựa. Để mò mẫm trong một cuộc kiếm tìm kẻ đã ngược dòng thời gian quay về triều Lý.

*
* *

26-02

Khi tôi tỉnh, Trùm A ngồi bên cạnh. Tôi thều thào hỏi "Cái vật quý hiếm đó đâu?". Hắn giúi vào tay tôi một ống kim loại lạnh ngắt. Nắm chặt lấy nó như nín vào đời này, tôi mỉm cười, sung sướng tự nhủ, thì nó đây, cái vật quý

hiếm mà tôi đã sẵn sàng hy sinh cái thân xác tôi trước nguy cơ phân hóa đến độ vô tướng vô hình trong cái lỗ đen không năng lượng - vật chất mà các nhà khoa học đương đại gọi là black hole. Trùm A vắng tục, giọng bực bội:

"Nó là cái đèn pin của thằng chết bất đắc kỳ tử hai tháng trước. Thế thì bán cho chó cũng chẳng được! Thế là xong, quả này toi rồi. Nay trả lại anh cái hộ chiếu và những vật tùy thân. Tiền đô tươi thì chúng tôi giữ để thanh lý chi phí..."

Trùm A đứng dậy, nói với lại:

"Sáng ra, có xe đưa anh về Hội An, sau anh tìm xe đi đâu thì đi. Nhớ là cấm khai báo. Đừng quên cánh tay chúng tôi đủ dài để đến đâu với cũng tới, đi là đi, đánh là đánh, giết là giết, nghe chưa..."

Vút cái đèn pin xuống đất, tôi lặng người, đưa tay quạt nước mắt không biết chảy ra từ lúc nào. Ensara thay quần áo, thu xếp đồ nghề, khinh khỉnh không thèm nhìn ai. Tôi ngoảnh về phía gốc cây, nơi có hình bóng một vị sư

đưa tay bắt quyết khi tôi thò tay vào cái chum cuối cùng, thấy một vòng khói trắng như sương đang loãng ra, tai nghe, vẫn cái giọng Huế ngọt ngào "... Bữa mô tìm thấy thì về đây với em!"

Xe rời địa phận Mỹ Sơn, chồm khỏi cơn ác mộng và nổi thất vọng khiến não bộ tôi đóng băng, người mất hết cảm giác, chân tay đơ cứng hầu mất mọi khả năng điều khiển. Đến thị xã Hội An, tôi chỉ còn sức xuống xe, đứng lớ ngớ, hồn vía bay tuốt đến một cõi nào đó vô minh. Tôi mò ra Cửa Đại, thuê căn phòng nhìn ra biển trong một mini-hotel. Mở cửa sổ, tôi im lặng ngắm những con sóng bạc đầu cho đến khi chiều tà. Mặt trời đỏ tía lơ lửng chìm nơi biển lẫn vào trời, ánh sáng quét một vết loang loáng màu huyết dụ, lịm dần, chuyển sang màu đen thẫm. Tiếng đứa bé tôi gặp khi vào đăng ký thuê phòng chí choé. Nó dị dạng, mồm méo, răng chìa ngoài vành môi sưng vều, tay lêu nghêu, chân ngắn chân dài, thổi phì phò qua kẽ răng hở thứ âm điệu ngọng nghịu của những đứa trẻ lên ba học nói. Ông

chủ khách sạn, chắc quãng lục tuần, cười cười:

"Cháu nội tui đấy... Đang chờ bồi thường nạn nhân chất độc da cam". Chỉ một thiếu phụ đang lau bàn, ông tiếp "Còn đây là dâu tui, lo công chuyện quản lý... Chú cần chi cứ nói nghe"

Thiếu phụ ngược lên nhìn, ánh mắt lạnh lẽo, vô cảm.

Ra ngoài bãi biển, tôi tìm một quán ăn vắng người. Quán xập xệ, bàn phủ khăn plát-tích hoen ố, ghế đẩu, ngay cạnh là bếp đốt bằng những bình ga, thực đơn nhàu nát kẹp trong hai mảnh giấy nhựa dùng đục. Bà chủ quán đơn giản:

"Chú ở khách sạn mini, phải hông?"

Gục gặc, tôi chỉ mấy thân dừa tróc gốc. Chưa kịp hỏi, bà chủ quán đã nói: "Trận bão tháng trước Tết đó chú. Mấy tháng rồi mà hồng ai tới kéo đi. Chẳng bù với mấy cái khách sạn quốc tế, ba ngày là dọn sạch bùng! Nhà gạch mà... Xóm "nhà lá" tui tui thì đợi, trên xã nói còn đang "quy hoạch", chú hà...". Không thấy tôi nói gì, bà tiếp tục:

"Nếu cái ông chủ khách sạn chú ở còn là Chủ tịch thì chắc quy hoạch lệ hơn bởi nếu không, ông mất khách du lịch. Nhưng ông "về" rồi, bị dân kiện vì lấy đất người ta ra chia cho quan chức mà hoàn trả không công bằng đó chú! Giá đền bù của Ủy ban chỉ năm, mười phần trăm giá thị trường, giải thích thì thị trường định hướng này nọ, dân tui nghe hổng hiểu gì ráo, chỉ thấy vậy là người ta trả giá rẻ mạt... Kêu lên Huyện, Huyện biểu kêu lên Thị xã. Rồi Thị xã biểu không giải quyết, kêu lên Tỉnh. Tỉnh lại bảo kêu lên Trung ương. Rồi Hội đồng Bộ trưởng, rồi Quốc hội, rồi ông Thủ tướng, ông Chủ tịch Nước... Thiệt cực, chưa thấy ai kêu chi mà được, chú à... Phải chi có gì cứu được dân oan, chắc nhiều người xin chết để đánh đổi đó chú!".

A, cái chi cứu được dân oan! Bà quán ơi, tôi cũng đang đi tìm nó đây. Nó có, hay không có?

Nếu nó có thì thất bại ở Mỹ Sơn vừa qua là chuyện Tái ông mất ngựa. Vì tìm được, thì dưới áp lực của bọn Trùm là phải bán cho những bọn còn tham vọng đế quốc, bá quyền. Cứ nhìn

chuyện chúng nó nói chống khủng bố bên Iraq nhưng thực tâm nhằm kiểm soát dầu lửa để khống chế Âu Châu khác biết.

Nhưng vật quý hiếm Bảo Quốc Hộ Dân đó, nó có, hay không có? Trước Tết, Rậm-ria điện thoại từ Đan Mạch, giọng nghiêm trọng: thần nhân mách bảo ta, thế là trao nhiệm vụ cho ba chúng ta, cứ gọi hỏi Tiểu-quỷ bên Anh xem. Tiểu-quỷ rành rọt, em cũng thấy một con bướm trắng bay vào nhà, rồi đêm đó, một vị áo nâu sồng lay em, bảo cái vật quý hiếm kia đã "về" đất nước, kẻ nào có cơ duyên sẽ tìm thấy. Thế thì phải về, cơ duyên ngàn năm một thuở. Lên kế hoạch, tôi đi ngay vì không công ăn việc làm trói buộc, dặn Rậm-ria và Tiểu-quỷ về sau, càng sớm càng tốt. Nhưng đến hôm nay, chúng vẫn biệt tăm hơi! Mở máy Palm bấm vào mục nhắn tin, vẫn chẳng có gì. Thế là sao? Hỏi bà chủ quán, quanh đây có cái cà-phê internet nào không? Bà chỉ tay vào con đường hun hút không một bóng đèn, đáp: "Chú đi bộ chừng nửa giờ, có... Nhưng tối trời thế này, chú là người lạ, không nên đi". Cám ơn bà.

Đúng thế. Tôi phải bảo vệ thân mình để còn đi tìm cái vật quý hiếm Bảo Quốc Hộ Dân chứ.

Giật nảy người khi đẩy cửa khách sạn bước vào, tôi giụi mắt, tưởng mình quáng gà. Trong tranh sáng tranh tối, thiếu phụ tóc tai rũ rượi nháy nhồm từ lòng một người đàn ông rồi lén vội ra sau. Ông chủ khách sạn bật đèn, vẻ bẽn lén, cười cười. Khi đó thằng bé tật nguyên xô ra. Nó quơ một chiếc gậy, miệng ngọng nghịu hét toáng lên "ĐM mày, ông nội!".

*

* *

Hỏi cô tiếp viên khách sạn, tôi mới biết Thụy đến tìm, không gặp và để vài chữ nhắn lại, bảo Trang đã vào thành phố Hồ Chí Minh công tác ngắn ngày, tuần sau mới về Hà Nội, nhưng sẽ cố liên lạc qua điện thoại. Thốt nhiên, tôi cảm thấy bơ vơ. Và bất lực. Thấy mặt tôi chảy dài, cô tiếp viên thì thào:

"Khi ở đây, ông anh của anh hay ra vườn hoa gần Quốc hội, lắm khi tối mới về... Anh ra đấy thử xem, lắm khi may là gặp..."

Tôi gật đầu cảm ơn. Đúng như mò kim đáy bể. Vô vọng. Tôi thốt nhiên sợ lên phòng khách sạn, chỉ một mình, giữa mười mét vuông lặng lẽ. Ra Bờ Hồ, tôi tìm tiếng động. Dẫu là tiếng xe, vẫn còn yên ổn hơn một sự im ắng có gì giống như khi đầu óc chấp choạng lạc vào cõi u mê. Ngồi dưới bóng cây liễu, tôi nhắm mắt lơ tiếng chào hàng của những đứa bé bán thuốc lá, bật lửa, post card, ảnh khiêu dâm... cho du khách. Ăn mặc thế này, tôi nghĩ, chúng tưởng tôi là người Đại Hàn, Singapore, hay Đài Loan... qua đây mua đàn bà về làm... vợ chẳng? Nghe đâu giá vợ - gọi cho chính xác, giá một nô lệ tình dục - khoảng năm nghìn đô cộng chi phí máy bay vu quy, bảo đảm vệ sinh, không *aïd*, bán đứt với toàn bộ giấy tờ kết hôn và xuất cảnh chính thức.

"Chú ơi, chú..."

Con bé khều tay tôi. Mở mắt ra, chưa phản ứng thì tai nghe:

"Em chào anh... Em đến cảm ơn anh lại cho cháu tiền ăn quà sáng nay!"

Mùi nước hoa đậm thốc vào mũi khiến tôi ngừng lên. Kể mong ngồi xuống băng đá bên cạnh tôi, mẹ con

bé giả lả:

"Nói thật, thấy anh thương con bé nhà em, em mừng lắm... Cái việc hôm nọ, anh bỏ qua cho em, thực tâm em chỉ muốn phục vụ anh mà thôi. - Giọng nửa đùa nửa thực, mẹ con bé vừa cười vừa nói - Anh muốn thì em cho con bé nhà em là con nuôi anh! Còn em, em già rồi, anh chẳng cần quan tâm đúng mức. Con bé nhà em sắp mười bảy tuổi rồi, cái tuổi bẻ sừng trâu đấy..."

Thực không hiểu ý, tôi ngớ ra, nghech mắt nhìn mẹ con bé, mồm há hốc. Mẹ véo vào tay tôi:

"Ấy, em quý bác vì... bác thật thà. Này nhé... con nuôi bác, bác muốn làm gì thì làm. Bắt ngồi, ngồi. Bắt đứng, đứng!"

Mẹ hình hích, nháy mắt:

"Rồi bắt nằm, phải nằm, sắp ngựa thế nào cũng được, muốn gì có nấy. Em không phải khuyến mại mà chân thành nói với bác là cháu nó "còn nguyên si", em phải tìm người xứng đáng cho nó. Thật tình, em bảo cháu, mẹ già sắp về hưu mất rồi, con phải cáng đáng cái cuộc sống chỉ có mẹ với con. - Im tiếng

như lấy đà, mụ cao giọng, hát hàm nhìn con bé: - Con phải sửa soạn đi làm, lao động là vinh quang, phải không nào?"

Con bé cười, miệng toác ra, răng hở lợi, gật gật. Nhìn nó, tôi thấy thương. Nó chỉ độ mười bốn mười lăm là cùng, hiểu gì mà lắc với gật! Mẹ con bé đổi giọng, hạ xuống một ốc-ta, thăm thì:

"Tình thật, đời con gái ai rồi cũng qua một lần... Như em, em không may. Lần trước chưa thân, em dối bác, bảo chồng em ở bên Đức. Thật ra, nó ở đây nhưng lang chạ với con mụ Giám đốc hơn nó hai giáp, bỏ bê mẹ con em gần chục năm nay. Em về quê ở Vĩnh Phú, thầy bu em đuổi, lại phải ôm con lên Hà Nội... Mà em thì chẳng nghề chẳng nghiệp gì, anh bảo sống bằng cái gì đây..."

Thình lình mẹ con bé nghẹn ngào, nước mắt ứa ra hoen vào lớp *mascara* kẻ mi chảy xuống. Không biết làm gì, tôi lúng túng đứng lên. Mẹ con bé nắm tay tôi lại, mặt căng cứng, nói qua kẽ răng:

"Em hiến nó cho anh, xin anh hai nghìn đô, lấy vốn làm ăn lương thiện chứ chẳng thể kéo dài thế này mãi. Giá

này bọn đại gia ở đây có thể trả gấp đôi, nhưng em sợ cho con em, vì lắm khi chúng nó đến ba bốn thằng... khổ cho con bé! Được không anh?"

Tôi giằng tay ra. Tôi vùng chạy, không rõ tại sao. Bắt lực? Hay xấu hổ? Hay phản ứng cuối cùng trước khi có thể phạm tội? Cứ thế cắm đầu chạy, tai tôi nghe tiếng huýt còi. Rồi tiếng thét chói chói:

"Bắt lấy nó!"

Bóng áo xanh rêu túa ra. Một người mặc thường phục chặn đầu tôi. Hắn cong mình vòng tay ôm lấy bụng, xoay thế nào mà tôi ngã bịch xuống đất, tay tức thì bị khóa trái. Tôi kêu "bỏ tôi ra" thì người đó quát "câm miệng". Công an ủa đến trong một chớp nhoáng. Người mặc thường phục, cũng là công an, giao tôi cho đồng đội. Chà, công an hữu hiệu thật. Lại có võ, chắc võ Tàu, bắt người ta dễ dàng. Tay bị bẻ quặt sau lưng, công an đẩy tôi vào một chiếc xe buýt bùng nhanh chóng sịch tới. Về đến trụ sở công an quận Hoàn Kiếm, người trực là một trung úy đeo kính trắng hất hàm hỏi "cướp giật hả?". Tôi lắc đầu. Trong người tôi không có giấy tờ, hộ chiếu thì

khách sạn giữ. Thành khẩn khai báo lý lịch xong, tôi nghe ông ta lạnh lùng: "Tại sao anh lại chạy?". Chết, nói thế nào bây giờ? Tôi ngập ngừng tìm kế hoãn binh câu giờ:

"Nói ra thì... xấu hổ..."

Viên trung úy nhìn xuống, tay vân vê ria mép, chờ đợi.

"Thưa... tôi bị đau bụng, vội chạy về khách sạn để..."

Đưa tay ngăn tôi nói tiếp, viên trung úy chun mũi. Được thể, tôi xin cho vào toa-lét ngay. Thế là một công an mặt non choẹt dẫn tôi đi qua một cái hành lang, tay kè kè súng (tại sao, tôi không biết), mặt mũi khẩn trương. Trong toa-lét, tôi định thần, và phát hiện tôi chạy ngược chiều lối về khách sạn. A, giấu đầu hở đuôi, làm thế nào lấy vãi thưa che mắt thánh đây?

*

* *

28-02

Gỗ xong "hai thằng chết tiệt, bay ở đâu, báo cho ta hiện ở Hội An hay ngay", tôi bấm nút gửi, đứng dậy thanh

toán tiền. Vừa từ quán cà phê Internet cạnh chợ bước ra, tôi thoáng thấy thiếu phụ quần lý khách sạn. Người đàn bà đó trên dưới ba mươi, da đen giòn, và nếu bỏ đi cái nhìn lạnh căm của cô ta thì phải công nhận nàng mặn mà quyến rũ. Đi xăm xăm về phía tôi, người đàn bà chợt nhận ra, ngượng ngùng cúi chào. Mỉm cười, tôi đáp lễ, quay người tiếp tục đi. Hình ảnh ông bố chồng ôm con dâu tối qua khiến tôi lờm lợm, đầu lại hàng chục con sâu chúm xuống đào khoét mảnh đất đầy cảnh ngược đời này. Đi dăm bước, tôi nghe tiếng gọi giật giọng: "Chú ơi, khoan đi... Chờ chút, chú!"

Quay lại, người đàn bà tất tả chạy theo, mặt hớt hải. Tôi ngừng chân. Người đàn bà nhìn tôi, ánh mắt nay vài vĩ chứ không còn lạnh lẽo, miệng bấp búng: "Chú làm phước cho tui được nói đôi lời!". Bỏ chiếc giỏ xuống, cô tay chấp tay vái tôi.

"Thôi, chị ơi! Đừng làm vậy, người ta nhìn...", tôi nói vội, bước qua tránh cái vái giữa chợ. Tay chỉ quán giải khát trước mặt, tôi ngập ngừng "... Mời chị

vô đây nói chuyện cho tiện!".

Người đàn bà ngồi xuống, mặt quay vào tường, dáo dác nhìn quanh sợ người đi chợ nhận ra mình. Trôi sạch ánh cảm hận, mắt cô ta nay sâu xuống buồn bã như nước sông Hàn xẻ dọc thị trấn. Cô ta đằng hắng, nhỏ nhẹ:

"Tui tên là Chót, Út-chót. Nhà tui năm anh chị em, có chị Út Năm và ba người anh trai. Thời mặt trận Quảng Trị, khi tui mới sanh được ba tháng, ngày là quân bên này, đêm là du kích bên kia. Ba tui và anh Hai bị bắn, tội là ác ôn có nợ máu với nhân dân. Kế đó chừng năm sau, anh Tư và chị Út Năm bị bom, chết mất xác. Giải phóng xong, gia đình tui trông cậy vào anh Ba đã tuổi lao động, còn mẹ con tui buôn qua bán lại lật vật sống qua ngày. Thời chiến tranh với Campuchia, mẹ sợ anh Ba bị bắt đi nghĩa vụ, biểu "con à, mi là thằng con trai nối dõi tông đường, đi đâu được thời đi mà sống!". Anh Ba vượt biên, đến lần thứ ba thì thoát. Anh được Canada nhận cho định cư, ban đầu ở Montreal, sau đi Toronto kiếm việc. Anh gửi tiền về giúp, mẹ con tui có cái mà

ăn, nhưng ở địa phương, bà con nói ra nói vô, công an tới làm khó dễ. Chồng tui, hơn tui một giáp, làm công tác an ninh huyện. Ảnh thuộc gia đình cách mạng, từng nhảy núi, cha ảnh chỉ huy đội du kích Bàu Bính. Thấy tui, ảnh ưng con mắt, tối ngày qua lại gạ gẫm lấy tui về làm vợ. Phần tui, mới mười sáu, tui đâu có biết chi đâu, biểu má tui quyết định thế nào tui làm vậy. Khi báo tin cho anh Ba, ảnh nổi hung, biểu thằng cha sắp thành xui gia đó chính là thằng đã kết tội cha tui và anh Hai, quyết chống lại tới cùng. Ảnh đâu biết mẹ con tui cơ cực thế nào, nhà cửa cha ông để lại bị khiếu kiện là cướp đoạt tài sản nhân dân, lời ông tiếng ve tới độ chẳng dám ra đường. Khi biết tui lấy chồng, anh Ba cắt nguồn viện trợ. Từ đó, thư viết ảnh không trả lời. Riết về sau, thư bị trả lại. Ảnh bật tin, mẹ tui và tui hổng biết ảnh ở đâu... Ít lâu sau, mẹ tui chết, dặn "... Tau đi nhưng mi đã có chỗ yên thân, tau yên lòng. Ráng tìm anh Ba, làm sao cho ảnh hiểu, cứ oán hận mãi thì biết khi nào cho xong. Biểu ảnh, mẹ không giận ảnh đâu, ráng có vợ con là mẹ vui lòng rồi...".

Người đàn bà nghẹn lời, bưng mặt khóc một chập. Lát sau, cô ta tiếp:

"... Lấy chồng được hơn năm tôi sanh cháu. Chú thấy đó, nó dị dạng. Dem lên bệnh viện Tỉnh, bác sĩ chẩn là nó bị chất độc da cam. Chồng tui khóc ròng hai ngày hai đêm, ôm tui kêu "Bây chừ làm sao? Anh thương em mà không làm chi được, em ơi!". Cha chồng tui rầu rĩ bảo con "Mi là đứa trai duy nhất, thế này thì bất hiếu, vô hậu vi đại...". Tui nói với chồng "Dẫu sao thì nó là máu mủ của mình, ráng nuôi cho nó lớn lên, nó lấy vợ đẻ con thì có cái chi mà sợ mất dòng mất giống!". Ảnh nghe, lại khóc, cương quyết không ăn nằm với tui vì sợ. Cha ảnh lên bệnh viện Tỉnh khám nghiệm, hơn hờ nói mình không bị chất độc. Ảnh biểu, cha sợ không người nối dõi thì nay đi tìm một bà còn tuổi sanh đẻ đi, mạ chết từ lâu rồi mà. Cha ảnh trừng mắt: "Mi nói dễ vậy, tau còn lãnh đạo nhân dân thì phải giữ đạo đức cách mạng, đâu có thể được! - Chỉ tui đứng xớ rớ, cha ảnh biểu: Sẵn đây, tau cho mi thằng em, gột được cái tiếng nhà mình vô phúc, mi bị nhiễm độc da cam. Sau, mi làm

cha nó, giấy tờ khai sanh đảng hoàng...". Ảnh điếng người, lắc đầu. Từ đó ảnh canh tui như canh mồi canh mả, lăm bữa bỏ không đi làm trên huyện. Nhưng đâu cứ mãi thế được. Ảnh tính mua một căn hộ đưa tui đi, chưa kịp thì cha ảnh thừa cơ ảnh vắng nhà hãm tui. Thấy thân tui bầm dập thâm tím, anh hiểu ra, vào bếp tìm con dao phay chạy lên. Tui ôm chân ảnh tui khóc, án mạng thế này thì chết hết. Cha ảnh bung cửa chạy lên cơ quan, tối không dám về. Đêm đó, ảnh ra ngoài, chẳng biết đi đâu. Sáng ra, công an xã tới báo ảnh treo cổ ở miếu Thần hoàng đầu thôn..."

Người đàn bà gục mặt xuống thốn thức, khi ngửng lên, lại nhìn với ánh mắt căm hận cố hữu:

"Sau đó, cha ảnh cứ thế, dọa nếu tôi không chịu mà đi tố cáo thì ổng sẽ giết đứa con tột nguyên của tui... Thằng nhỏ nó biết, đêm đêm nó quặp chặt lấy tui. ổng mò vô, là nó chửi ĐM mày, ông nội. ổng đánh, nhưng nó không ngán. Khi ổng bị mất chức vì cướp đất thì ổng xây cái khách sạn mini, bề ngoài là cha

chồng, nhưng... chú thấy đó, ông làm tới như tối qua. Bây giờ, chú à... Xem hộ chiếu đăng ký ở khách sạn thì chú là Việt kiều Canada. Tui nhờ chú giúp tui tìm anh Ba, giấy tờ tên... sanh năm... tại Quảng Trị, năm... còn ở Toronto. Liên lạc được ảnh, may ảnh thương mà cứu mẹ con tui khỏi cái cảnh khốn nạn này. Được không chú?"

Nhìn ánh mắt người đàn bà khẩn cầu, tôi gật đầu, nhưng biết là khó, vô cùng khó. Còn nước còn tát, biết thế nào hơn được. Để vá lại từng mảnh đời rách nát. Để cuộc đời này bớt đi tiếng khóc.

Trời ơi, giá mà tôi tìm được cái vật quý hiếm Bảo Quốc Hộ Dân kia nhỉ!

*

* *

29-02

Đây, đây rồi. Mở máy, tôi có tin nhắn của hai thằng chết tiệt:

"Hai ta đang ở Hà Nội, hẹn mi vào 8 giờ mỗi sáng ở phố Thịn cạnh Bờ Hồ, hỏi ai cũng biết. Vật quý hiếm ở Thăng Long đây, ra ngay, hai ta chờ. Tiểu-quý

đêm qua lại mơ thấy thần nhân, dặn hiện thực nào mà chẳng huyền ảo, chỉ cần viết lên giấy tất chuyển tải nhục cảm, sờ được, ngửi được, nắm được... ha ha. Rậm-ria và Tiểu-quỷ".

Điện thoại cho hãng Vietnam Airlines, tôi đặt vé bay ra Hà Nội và phải đến ngay phi trường Đà Nẵng lấy chuyến bay chiều nay. Càng hay, tôi thanh toán tiền khách sạn, nhìn ông chủ, rồi nhìn cô quản lý. Thằng bé dị dạng đến nắm tay tôi, miệng bí bô gọi: "Chú, chú!". Ông chủ quát: "Đi chỗ khác chơi!". Nó nhìn lên, mắt xéo xẹo, mồm lẩm bẩm điều gì không rõ, nhưng tôi vẫn nghe "ĐM mày, ông nội!".

*

* *

Số tôi may. Vị trung úy công an không để ý đến cái chi tiết chạy ngược hướng về khách sạn, nhưng kiểm tra đăng ký của khách sạn, xem xét hộ chiếu, và khi biết không có ai bị cướp giật trưa hôm đó trên Bờ Hồ thì cho tôi về. Tất cả, mất ba giờ. Ra khỏi trụ sở công an, trời đã nhá nhem. Trút được một gánh nặng, tôi hớn hở như kẻ nhặt

được tiền rơi, cười một mình khi tưởng tượng cảnh kể lại cho đám người quen rủ rê tôi tranh đấu cho dân chủ ở hải ngoại cái cuộc ở tù (chỉ ba giờ, nhưng tạm cứ lửng lơ) như một thành tích. Họ hẳn ao ước chứng cứ (được) tù tội hẳn hoi để có khả năng vươn lên lãnh đạo phong trào.

Về đến khách sạn, tôi điện ngay cho Thụy. Hẳn hỏi: "Nghe nói công an đưa anh về trụ sở, có việc gì vậy?". Dĩ nhiên, tôi kể hết, nhưng không nói chuyện bà mẹ định bán trinh con bé kiếm vốn làm ăn, và lặp lại lý do đau bụng, với những chi tiết rất thuyết phục. Thụy dặn tôi ở đây ăn uống phải cẩn thận, gà thì gà cúm, heo thì heo tai xanh... Thụy bảo đã liên lạc được với Trang, và nàng dặn Thụy đi tìm một người bạn tên Ban Mai, là người cũng đã từng gặp hẳn, thằng anh trời đánh của tôi. Chính Thụy cũng chỉ mới gặp Ban Mai, chỉ biết cô ta công tác trong ty văn hóa tỉnh Hòa Bình, nhưng hứa sẽ tìm giúp số điện thoại.

Tôi ra ngoài ăn tối. Cô tiếp viên khách sạn chặn tôi ở cửa, thì thầm:

"Lúc công an đến làm việc, em cứ sợ là anh bị bắt ở vườn hoa..."

Lắc đầu, tôi không nói gì thêm. Cô tiếp viên đoán: "Thế chắc anh bị đưa nào nó móc túi hay cướp giật, phải không?". Tôi lại lắc. Tai vách mạch rừng, ngay với cô tiếp viên này cũng nên khai báo thành khẩn. Thế là tôi kể lại, ngắn gọn thôi, cái lý do tôi đã trình bày cho công an, và kết luận:

"Công an ta thật hữu hiệu, lại đối đãi rất lịch sự, không đánh đập nạt nộ gì, xử lý đúng nếp sống văn minh, theo hiến pháp và pháp luật".

Không hiểu sao, cô tiếp viên cười bẽn lễn. Còn tôi, tôi chột giật mình. Bây giờ tôi cũng nói dối được. Và vô tư, cứ như thật.

Tôi đi ăn phở. Nhớ lời Thụy, tôi không dám đến phở Thìn có tiếng là ngon, nhưng xập xệ bình dân. Tôi chọn phở 44, một quán phở nhìn ra hồ, có máy lạnh và bàn ghế hắt hoi, dành cho những người có tiền như bọn du khách ngoại quốc và đám Việt kiều. Phở thì chắc là bò, mà bò nước ta thông minh cần cù, chẳng phải như bò điên lở mồm

long móng bị cấm ở Âu Châu đâu. Vừa húp nước phở, tôi vừa tự hỏi, lý do gì mà cô tiếp viên khách sạn cứ nhắc đến một cái vườn hoa, rõ là có ý dò hỏi xem tôi có gì dính líu đến đấy không. Thằng bé chơi trò điệp viên trong tôi thức giấc. Cộng hưởng với nỗi đón hèn khiến tôi nói dối như thật, thằng bé đó đâm ra liều lĩnh, sống lại giấc mơ điệp viên thuở thiếu thời. Nó điều tra. Rất dễ, vì ai cũng biết. Đó là vườn hoa Mai Xuân Thưởng.

Trưa hôm sau, len lỏi giữa những tán lá trụi nắng, tôi lần đến góc cái vườn hoa đó. Bạt chằng chắn gió che cho đám người kẻ ngồi kẻ nằm. Một bà cụ móm mém ngược lên nhìn, miệng mấp máy: "Ông hỏi ai?". Tôi đáp: "Thưa cụ cháu tìm anh cháu", mô tả hình dạng hần, nhưng chẳng một ai nói gì. Bà cụ lại gặng: "Cậu ấy từ đâu đến? Ở đây thì Bắc có, Nam có, Trung có. Tôi từ Thái Bình. Còn bà này, - tay chỉ một phụ nữ xồn xồn, cụ thều thào - đến từ Kiên Giang. Ông cụ đây thì Đồng Tháp, ông kia từ Hà Tĩnh... Toàn người có tuổi cả. Hiện còn một cô người Thái Bình, lại là một nhà ngoại cảm nên người ta còn

e... Cô ấy bảo nhờ ơn trên, biết sớm muộn chúng tôi sẽ được cứu rồi, oan khiên gì cũng giải được!". Tôi thầm nhủ, với cái khả năng siêu nhiên ấy, cô ta có thể giúp tôi tìm ra cái thằng anh trời đánh kia không? Hỏi cô ấy ở đâu thì bà cụ bảo cứ đến khi mặt trời lặn cô ta mới ra đây, đầu đội khăn vàng, nhìn không lẫn được.

Tối nhá nhem, mây nặng trĩu chỉ chực đè xuống Hà Nội nóng như lên sốt. Điện cho Thụy, tôi xin được số Ban Mai ở Hòa Bình, nhưng là số cơ quan, tôi gọi không ai trả lời vì quá giờ hành chính. Ăn qua loa, tôi quyết định quay lại vườn hoa đang đơm độc với những người dân oan mất nhà mất đất "khiếu kiện đông người", chủ ý tìm hỏi nhà ngoại cảm có khả năng đối thoại được với thần linh. Dĩ nhiên, tôi không dám nói với ai. Để lấy can đảm, tôi lại lấy tâm thế của một điệp viên nhị trùng đang bị bám, chơi trò đi vòng vèo, khi taxi khi xe ôm, tưởng tượng mình "cắt đuôi" địch. Đến gần vườn hoa, tôi tản bộ như một kẻ nhàn du, vào quán cháo giáp dãy nhà bỏ hoang. Dân oan giấu màn chiếu chần mền ở đấy, mắt trước

mắt sau, lúi húi xách về vườn hoa, lưng gò xuống tưởng có thể bé đi như con giun cái kiến. Đi theo họ, tôi bước vào một kịch trường kỳ dị, nhìn quanh quẩn. Dưới một gốc cây, nhà ngoại cảm tên Tiểu Hằng đầu quấn khăn vàng ngồi đấy, mô đất bên cạnh cắm một bó nhang đỏ lập loè trong gió. Tôi đến ngồi trước mặt cô, cô ngược lên, hỏi tôi muốn hỏi gì, người âm hay người dương. Thuật lại chuyện tôi đi tìm thằng anh chết tiết với một thứ đầu đuôi nói ra khó ai tin, cô ta chỉ cười, bảo tôi đặt quẻ đi. Cô nhắm mắt trầm ngâm, thì thào với những đấng thần linh còn phù trợ đám người trần mắt thịt, khoảng đâu mười phút. Khi mở mắt nhìn tôi, mắt cô vô cảm, ánh mắt đến từ một thế giới khác, bí ẩn, dọa nạt. Tôi đợi, lòng hồi hộp, tự hỏi bao nhiêu năm tưởng mình duy lý mà tại sao nay đang ngồi chờ những lời phán từ một cõi siêu linh không kiểm chứng được. Lát sau, cô Hằng lên tiếng, ngắn gọn, nhưng quả quyết:

"Đi đâu nghe tiếng gào tìm Đào Hạ Trang thì chính là hấn, kẻ hóa rồ nhận mình là một người bạn triều Lý..."

*
* *

Tôi là một kẻ chẳng ra gì. Vô cảm. Ích kỷ. Tôi ngơ vẩn nạn của mọi người, chăm chăm hỏi nhà ngoại cảm chỉ một câu, ngẫm lại mới thấy ngớ ngẩn, là cái thằng anh chết tiệt của tôi ở đâu. Nó ở đâu thì ở, việc gì đến tôi. Thật mà nói, tôi chưa bao giờ coi nó như một người bạn. Nó khác tôi, tất cả. Nó hão huyền, tôi thực tế. Nó may mắn có cha có mẹ. Tôi, một đứa con hoang. Nó tham vọng đời đời. Tôi, quần quật với chỉ đời mình cũng đã quá sức. Nó chỗ nào cũng có người yêu. Nhưng tôi, chỉ có độc một người vợ. Hắn làm thơ, còn tôi, tôi là anh chuyên viên kế toán, ngày ngày ghi chép những con số vô hồn, cộng cộng trừ trừ những bài toán sơ cấp giả hình làm dáng quan trọng. Hắn có những người bạn được thần nhân mách bảo cách Bảo Quốc Hộ Dân. Tôi chẳng quen biết ai, cô độc như một con sâu. Một con sâu róm vì chẳng biết cười hiền hoà, lại lông lá dị kỳ tởm lợm. Ấy thế, tại vì sao mà tôi lại chỉ hỏi được nhà ngoại cảm tên Hằng cái câu hỏi khốn nạn, và được biết có một

thằng điên đi tìm Đào Hạ Trang. Lại một con đàn bà, chắc chắn nó phải có gì mới quyến rũ thằng kia đến độ đổ khùng đi réo tên để cả nước cùng biết. Không, cả nước thì e hơi quá, nhưng lọt đến tai cư dân quanh đây hẳn là có thật.

Lần về khách sạn, tôi nằm dài, mở TV, chắc chắn thế nào cũng có tin về vụ "khiếu kiện đồng người" ở vườn hoa Mai Xuân Thưởng. Nhưng không, chỉ có hình ảnh thi hoa hậu Việt Nam duyên dáng, tin ta được ủng hộ gia nhập "đúp bờ vê tê u", tin Việt kiều "vinh danh" đóng góp với đất nước, tin cúm gà, tin heo tai xanh, bò long móng... đều được những cơ quan có chức năng giải quyết kịp thời. Tôi thiếp ngủ trong tiếng í éo rôm rả một phim Đài Loan, lại chuyện yêu nhau mà oái oăm chia tay vì chàng cảm thấy trách nhiệm với hai đứa con riêng. Và nàng, vừa trẻ vừa đẹp, đi qua San Francisco để quên duyên tình lỡ dở. Nhưng thật bất ngờ, nàng gặp lại người yêu thời còn là sinh viên, nay đang làm giám đốc một công ty lớn bên Mỹ, mặc đồ bộ, đi xe Mercedes, đeo kính dâm, mồm nhai suynh-gôm...

Sáng dậy, tôi điện thoại ngay cho Ban Mai sau giờ hành chính. Sau khi tự giới thiệu và kể tôi đi tìm thằng chết tiệt, Ban Mai vui vẻ, giọng như chim:

"Anh ấy lên Mường Lát cách đây hai tuần, chính em đưa lại giới thiệu nường Phin. Trưa mai em có việc về Hà Nội, tối phải đi nghe hát xẩm. Nếu anh tò mò muốn đi xem nét văn hóa truyền thống dân tộc này, em xin mời, em sẽ cho anh thêm chi tiết..."

Thì ra Ban Mai phải đi nghe hát xẩm vì nàng chuyên trách phần văn hóa dân gian cho Ty Thông tin Văn hóa. Nhưng hát xẩm, theo cái kiến thức nhỏ bằng hạt đậu của tôi, là hát khi đi ăn mày, ê a con cá nó sống nhờ nước, tôi sống nhờ ông đi qua bà đi lại, ngửa nón đợi bố thí của những kẻ động lòng. Chẳng lẽ đi ăn mày nay thành truyền thống? Tôi nghĩ quanh, bật cười về cái dớ dẩn của một anh dở ngớ dở ngọng trước những tình tự dân tộc.

Trước khi gặp Ban Mai, tôi có cả một ngày, không biết phải làm gì cho hết. Ra Bờ Hồ, tôi sợ gặp lại con bé con, mẹ nó, và nhất là hình ảnh bà cụ bị xe chẹt chết. Vả lại, cái dòng xe gấn máy rú rít

nhả hơi xăng chạy vòng vòng chẳng có tác động gì khác là căng bứt cân não đến một lúc thì thần kinh nhão ra vô cảm. Hỏi cô tiếp viên khách sạn, cô mỉm cười: "Thế anh đã đi thăm lăng Bác chưa? Đi sớm, chứ không thì đông lắm đấy!". Tội ngần ngừ: "Quanh lăng có cây xanh không?". Cô ta vui vẻ: "Muốn cây xanh thì phải đến chỗ Bảo tàng, gần nhà sàn Bác Hồ và chùa Một Cột. Chỗ ấy du khách nhiều, đông vui lắm!".

*

* *

Đến Bảo tàng, tôi theo chân dòng người, xem những bức ảnh phóng lớn từ một lịch sử hoành tráng đầy đau bể thời cận đại, có hang Pác Bó, chiến khu Việt Bắc, Đại tướng Giáp trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Bác Hồ cưỡi ngựa trong rừng, Bác Hồ và thiếu nhi, Bác Hồ tiếp các sắc tộc thiểu số... Rồi nhà sàn, cuốn sách mở ngựa của bác sĩ Spock về giáo dục trẻ em, cái bàn con con của một nhân vật vĩ đại nhưng giản dị. Và chùa Một Cột. Chùa nay được trùng tu lại, chắc khác với ngôi chùa cổ xây từ thời Lý, lớp sơn đỏ có thép vàng còn mới toanh chói chang dưới nắng trưa

gay gắt. Tìm một bóng râm, tôi ngồi, đưa mắt nhìn quanh. Gốc cây ngay bên cạnh, một cụ già đeo kính đen thầy bói, tay ôm một cái thúng nhỏ trên đây bằng mẹt, sờ soạng như mù. Cụ nghe tiếng sột soạt, quay về phía tôi, nói:

“ Mua giúp cho tôi thẻ hương nhé! Chùa này linh thiêng lắm, cầu được ước thấy!”

“ Cảm ơn cụ, cháu chẳng cầu gì cả!”

“ Ông không cầu gì à? Quái lạ, đám quan quyền cầu giàu sang danh vọng, lũ ăn mày cầu của bố thí hầu no bụng... Ông không có tiền cứ nói thật, tôi biếu nén hương vào lễ Thánh.”

“ Cảm ơn cụ, có cầu, cháu chỉ cầu những điều người làm được mà Thánh Thần thì không!”

“ Cái gì mà Thánh Thần không làm được!”, cụ già hỏi, giọng có chút ngạc nhiên.

“ Chẳng hạn như khi đi xe máy quanh hồ Hoàn Kiếm, dừng đạp ga lao đi mà chẳng kể đến chuyện gây tai nạn chết người!”, tôi đáp rồi chậm rãi kể lại việc bà cụ qua đường bị xe đâm. Cụ già thở dài, ngược mắt nhìn lên, thúng thẳng :

“ Những chuyện nghịch lý ngược đời ở đây nhiều lắm, kể không hết đâu! Trông ông như người Sài Gòn...Sài Gòn thì thế nào?”

“ Cháu chưa đi Sài Gòn nhưng nghe nói nay cũng thế...”

“ Ồ, cái xấu lây nhanh hơn hủ, người ta bây giờ cứ sống chết mặc bay. Thế ông ở đâu?”

Nghe tôi đáp tôi từ Canada về, cụ già bật cười, miệng thốt “...thì ra khúc ruột ngàn dặm, may nhĩ...”. Cụ bung thúng đến, ngồi xổm, miệng thì thảo :

“Thế thì ông phải coi hàng xin mua làm kỷ niệm...Gặp khách tôi mới dám cho xem!”

Tay gỡ cái mẹt đầy thúng, cụ chìa vào mắt tôi. Trong thúng, toàn những huân chương. Cụ lục thúng tìm, rồi giơ lên, cao giọng:

“ Cái này, Huân chương Điện Biên, cổ nhất, hơn sáu mươi năm rồi. Đây là huân chương của anh bạn nối khố của tôi, người cùng làng, lại cùng đơn vị đi đánh đòi Béatrice. Tôi để ông giá rẻ, ông giữ cho bạn bè quốc tế xem...”

Không đáp, tôi hỏi, giọng không dấu được kinh ngạc:

“ Cụ lấy đâu ra mà nhiều huân chương đến thế này?”

“ Ấy, chết hay chưa chết thì con cháu cũng mang bán để lấy cái đút vào mồm, ông ạ! Nhà quê chúng tôi chẳng còn gì, ngoài đồng huân chương và bằng Liệt Sĩ. Tôi mang lên nơi có du khách bán, lấy tiền mang về cho họ để có cái mà ăn. Thường thì bán khó lắm, và mỗi lần bán được, tôi đều thấp hương khăn vái vong hồn bạn bè đồng ngũ...”

Cổ tôi nghẹn lại. Nhổm dậy, tôi đi như chạy, chẳng hiểu sao nước mắt ứa ra. Lẩn dưới những tàn cây che nắng, đầu

óc tôi chập chờn hư thực. Cứ thế, tôi bước, hoang mang không còn biết mình ở đâu, và đang sống ở thời nào. Thời Lý, thời thẳng anh chết tiết của tôi quay về trong bức *e-mail* có chiếu dời đô? Tiếng hát Đào Hạ Trang, mùi cứt trâu trên bờ sông Nhị, chuyện đi tìm vật quý hiếm Bảo Quốc Hộ Dân? Tất cả những rối rắm đó quây lộn vào nhau thành thứ hiện thực rời từng mảnh lênh bênh trong tâm thức. Tôi giụi mắt. Không được. Phải bám vào ngày hôm nay.

Tìm một bóng râm, tôi ngồi. Thời Lý, thời thẳng anh chết tiết của tôi quay về trong bức *e-mail* có chiếu dời đô, tiếng hát Đào Hạ Trang, mùi cứt trâu trên bờ sông Nhị, chuyện đi tìm vật quý hiếm Bảo Quốc Hộ Dân. Tất cả những rối rắm đó quây lộn vào nhau thành thứ hiện thực rời từng mảnh lênh bênh trong tâm thức. Tôi giụi mắt. Không được. Phải bám vào ngày hôm nay. Tối này, tôi sẽ gặp Ban Mai, hỏi ai là nương Phin, và phải tìm cho bằng được thẳng chết tiết nay bắt tin.

*

* *

Đi dọc Hàng Đào khi phố vừa lên

đền, tôi chưa đến chợ Đồng Xuân đã nghe nhịp phách lẫn vào tiếng nhị văng vẳng. Người đông, đi phải lách, và trong cái đám chen chúc đủ thứ mùi tôi bỗng thò tay giữ chiếc ví trong túi quần, cụm từ ăn cắp chợ Đồng Xuân từ thời xa xưa rập rình đe dọa. Đến dãy cửa hàng ăn uống giữa chợ, tiếng chào mời dưới ánh nê-ông nhọt nhọt vang lên tứ phía. Chỗ nào cũng đặc sản của hàng chục địa danh, mùi dầu mỡ mắm muối gia vị sục vào mũi. Cạnh đó, một sân khấu dàn dựng sơ sài với khoảng ba chục cái ghế nhựa đặt đúng hàng đúng lối ở vòng trong. Vòng ngoài, người xúm nhau đứng. Trẻ nít chạy vòng vòng. Kẻ cười kẻ nói. Dăm thanh niên chen vai thích cánh chen vào chiếm chỗ. Tiếng bà già càu nhàu. Tiếng gái nạ dòng chua loét cất lên chửi. Rồi người can ngăn, yêu cầu nếp sống văn minh, đừng cậy khỏe ức hiếp yếu, cậy trẻ bắt nạt già, phải có trước sau tôn ti trên dưới. Trong không khí nháo nhào, tiếng mi-crô rề rề cất lên, giới thiệu đêm văn hóa này do Trung tâm Phát triển Âm nhạc Việt Nam tổ chức phục vụ đồng bào. Theo lời dặn của Ban Mai, tôi hỏi một anh phụ trách

trật tự. Lát sau, một người trạc đôi mươi ra, hồn nhiên chào rồi đưa tôi vào chỗ sau sân khấu, tay chỉ một người con gái. Chưa chắc có phải là Ban Mai không, tôi định hỏi nhưng nàng đưa một tay lên môi khẽ suyt, tay kia chỉ ra sân khấu. Nàng cười bằng mắt, nhẹ nhàng: "Anh ra ngồi ghế ngoài sân xem cho thoải mái!".

Một cụ già khăn đóng áo dài, tay cầm giấy, trịnh trọng đọc. Cụ giải thích xưa vào thời phong kiến thực dân người mù hát xẩm xin ăn là do bức bách vật chất, nhưng nay nước ta kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa đã xóa đói giảm nghèo, hát xẩm được nâng cấp thành nghệ thuật đáp ứng một nhu cầu tâm linh quần chúng. Về làn điệu, xẩm có rất nhiều bài, nhưng có 8 bài đặc trưng là *Xẩm chợ*, *Chên bong*, *Riềm huê*, *Ba bực nhíp bằng*, *Phồn huê*, *Hò bốn mùa*, *Hát ai* và *Xẩm thập ân...* Người hát xẩm trước đây là những người mù. Họ phải học thuộc làn điệu, phải biết chơi đàn, chơi phách, nắm được hát đến chỗ nào thì dạo đàn, chỗ nào được đánh phách vào, chỗ nào đàn chỉ có đệm mà không chêm giai

điều, tạo được những âm điệu đặc sắc do cảm nhận cuộc sống qua đôi tai. Khuyết tật giác quan của họ khiến mọi người dễ cảm thông. Đặc tính nổi bật trong nghệ thuật hát xẩm là tính hài hước, đả kích sâu cay, châm biếm, phê phán thói đời và tiếng oán than những nỗi buồn da diết, khổ đau của kiếp người.

Cụ dứt lời, chẳng thấy ai phản ứng gì, vài kẻ vỗ tay cho lịch sự. Thế là mọi người không ai nhìn ai cùng vỗ tay hồ hởi. Đám nghệ sĩ bậc thầy ra trước chào khán giả. Có cả nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú. Họ đứng tuổi, quần trắng áo the, đầu đội khăn xếp, tay ôm đàn ôm nhị, mắt đeo kính đen giả như mù cho đậm đà bản sắc. Có cả lớp trẻ, thường đã tốt nghiệp bộ môn nhạc truyền thống dạy ở Nhạc viện, trang phục rất chỉnh chu, nhất là đám thanh nữ thướt tha trong những vạt áo tứ thân sắc sỡ che quanh giải yếm đào. Nhưng buổi tối trình diễn hôm nay nhằm mục đích vinh danh cụ Hà Thị Cầu, nghệ nhân từ Ninh Bình, người đã truyền dạy "nghề" cho đám hậu sinh. Nghệ sĩ trẻ Tuyết Hoa dìu cụ ra. Cụ lò, lò,

móm mém, đầu đội khăn mỏ quạ, cúi chào khán giả rồi vào. Thật lạ, không hiểu vì sao tiếng vỗ tay ran dội như pháo. Cụ phải ra sân khấu thêm một lần, cũng vẫn chẳng cất lời, chỉ chấp tay vái khán giả. Sau khi đó, Ban Mai ra ngồi cạnh tôi, dịu dàng bảo:

"Sau buổi hát này, ta mới nói chuyện dài được..."

Hiểu ý, tôi ngẩng nhìn sân khấu, chỉ kịp nhận biết Ban Mai có một mái tóc thật dài, dài có lẽ chấm gót. Điều này hiếm. Vào thời buổi này, ai nấy háo hức Đổi Mới đến cả chân mày kẻ tóc, để tóc dài là hơi bị xưa.

Tiếng đàn bầu chẳng khác tiếng người nỉ non khóc, từng chập nấc lên theo nhịp phách nấc nghẹn, đệm những lời thương thân oán phận, từ *Tiền anh khóa, đến Xẩm chợ...* rồi *Lỡ bước sang ngang...* Nghệ sĩ trình diễn ngồi hát, tay sử dụng một loại nhạc cụ, nhập vào hồn vía quá vắng còn luẩn quất tựa những linh hồn lạc lõng một thời chưa hẳn khuất. Người nghe im lặng. Không còn tiếng rao hàng. Không cả tiếng trẻ con hò hét. Và họ vỗ tay như đoạn kết cho mỗi bài hát thường

kể lại những lữ làng dang dở. Sau, khán giả hò tên cụ Cầu.

Cụ lại ra, Tuyết Hoa vẫn ở bên. Cụ ngồi xuống, tay quơ cây đàn nhị, lẳng lặng so dây, bật khể một tiếng, rồi dặng hắng lấy giọng. Như một phép lạ, khi cụ cất tiếng hát, giọng thanh hản chứ không có chút gì mỗi mệ của một người ở tuổi trên dưới tám mươi. Cuối câu, cụ luyến láy tự nhiên như người nói, tiếng vang vang trong một phiên tối chợ:

*Sáng trăng sông vắng vặc cái
đêm rằm*

*Nửa đêm về sáng trăng nằm
nơi ngọn tre*

*Anh có yêu em cho trọn một
bề,*

*Để em thơ thẩn ngồi kề bên
trăng.*

Sự tình này ai thấu cho chăng?

*Để em chỉ nguyện bóng trăng
chịu sầu.*

*Tương tư nối một nhịp đôi ba
cầu,*

*Bắc Nam đôi ngả, chịu sầu đôi
nơi.*

Con chim khôn chết mệ về

mỗi.

Con chim khôn. Là mẹ? Chết không phải vì mỗi, chết vì lũ chim non đợi chim mẹ về mỗi? Cụ Cầu hát xong, khán giả im như bị hóp hồn đến cả phút, lát sau mới cất tiếng hoan hô đến vỡ chợ. Cụ mỉm cười, nắm tay Tuyết Hoa, nét mặt rạng rỡ, ân cần: "Tôi hát cái gì cho vui nhé! Nãy giờ, toàn những bài buồn, buồn quá. Muốn vui một tí, thời nào cũng phải kể chuyện ngược đời...". Tuyết Hoa so dây cây nhị. Cụ Cầu cầm phách gõ từng tràng lách cách. Thành linh cụ cất lời, giọng dí dỏm:

*Hỡi người trai trẻ kia ơi,
Muốn nghe lại đây
em kể bài ngược đời cho
nghe...*

*Chuột kia cắn cổ con mèo,
Một đàn châu chấu đuổi theo
đá gà.*

*Trạch chấu cắn cổ ba ba,
Một lũ đàn bà bóp vú đàn ông.
Người nằm xuống để lợn cạo
lông.*

*Một chục quả hồng nướng bà lão
tám mươi.*

*... Thót kia chục nghìn con
dao,
Một đàn cóc chục đớp sao trên
giời.
... Để mèn thức suốt đêm
khuya,
Hát xẩm không tiền nên nghèo
xác xơ...*

*
* *

Ban Mai cắn môi, quả quyết:

"Anh hỏi em có thấy gì lạ không, em nghĩ lại, không anh ạ. Anh ấy bản chất là người đam mê, chứ ngoài ra thì bình thường như em hiểu. Duy có chuyện cái vật anh ấy gọi là Bảo Quốc Hộ Dân, nói ra chắc ít người tin. Nhưng có điều người đời tin hàng mấy chục năm, chịu cực chịu khổ, mất con mất cái, đổ xương đổ máu cho nó mà nay mở mắt nhìn ra thì như vỡ một cơn mộng hoang. Vậy anh bảo, bây giờ ai dám tin gì? Buồn hơn nữa, ai dám tin ai? Anh ấy có lạ là ở chỗ anh ấy vẫn dám tin. Vào em chẳng hạn. Sau dăm câu chuyện, anh ấy kể cho em chuyện xuống núi Nùng với người dẫn đường.

Vất vả lắm. Phải đấm hàng chục triệu làm tiền mãi lộ, xuống thì trong đường hầm toàn rắn với chuột lộn nhộn lao nhao. Đến gần chỗ thông ra sông, anh ấy bảo khi đó con đường hầm nước ngập đến bụng, toàn là rết chẳng biết ở đâu chui ra, con nào con nấy to bằng chiếc đũa, bám vào đầu vào tóc, chui xuống cổ xuống vai, lách vào bụng vào ngực. Đến gần đích, thì dơi bay ra hàng đàn, cứ nhắm người lao đến cắn. Anh ấy bảo, chắc pháp thuật của Cao Biền, kẻ đã trấn yểm long mạch khiến nước ta cứ yên bình là kiệt dân khí... Theo đúng lời thần nhân, anh ấy tìm nửa ngày mới thấy cái chày đá cắm vào cối, nhưng ngược đời, cối ở trên chày ở dưới, chặn đúng vào một mạch nước phun bọt lên. Đào nhấc được vật đó thì có tiếng phì phì ngay bên tai. Anh ấy quay lại, eo ôi, một con rắn dưới cái chày chui ra, có sáu con mắt, lè lưỡi to bằng bàn tay, xông lại. Đã được dặn cách chống, anh ấy niệm... câu gì như a la ba ha om nít ràng... mà nay em quên mất. Con rắn liền gục đầu xuống, theo lối ra sông trườn đi, và lúc quấy đuôi, nó hóa thành rồng bay lên trời. Anh ấy bảo nay Hà Nội sẽ lại hóa thành

Thằng Long, nếu giải được vật trấn yểm bằng cách giam nó vào núi Nà Mèo ở gần Mai Châu trên Hòa Bình. Anh ấy nhờ em đưa đường, nhưng em không phải người Mai Châu, em mới nhờ nường Phin vốn người Mường Lát cạnh đấy đưa anh ấy đi. Tính ra đến nay hai tuần rồi, nhưng em chẳng được tin tức gì. Trước khi đi Hà Nội, biết sẽ gặp anh, em có điện thoại cho nường Phin. Cô ấy cũng chưa về, anh ạ!"

"Nhưng nường Phin là ai?", tôi hỏi.

Ban Mai cười:

"Nhưng anh là ai đã chứ! Bây giờ cho em hỏi anh tìm anh ấy làm gì?"

Hình như đây là lần đầu có người hỏi tôi là ai. Hình như đây cũng là lần đầu tôi nói về tôi, nhưng tôi nói cả giờ thì cũng cứ loanh quanh lẫn lẩn những chuyện lung tung. Tôi liệu có thực biết tôi là ai không, ngoài những chuyện chán mớ đời như công ăn việc làm, vợ con, nhà cửa, xe cộ... Thú thực như vậy với Ban Mai, tôi im lặng, không biết nói gì hơn. Lát sau, tôi ngập ngừng xin Ban Mai đưa tôi đi tìm nường Phin và thằng anh chết tiệt chẳng biết đã giam được cái vật trấn yểm kia chưa. Chắc Ban

Mai từ chối, tôi cúi đầu đi chân xuống đất. Có lẽ vì thương hại, Ban Mai cười hiền hòa, bảo: "Cũng được, và thế là anh có thời giờ nói cho em biết anh là ai đấy nhé!"

BỔN

Người thanh niên ngửa mặt hú một tiếng thật dài. Tiếng hú rít gió khiến mặt hồ Dâm Đàm gợn sóng, chim chóc hoảng hốt đập cánh bay lên trời. Vị sư già trụ trì chùa Phổ Độ tham thiền nhập định liền chín tuần trăng giật mình mở mắt. Sư buột miệng niệm A di đà Phật, nhìn tượng Mầu Ni thếp vàng, dùng phép Truyền âm nhĩ mật, miệng mím chặt, mắt nhắm nghiền, tay bắt quyết chữ Tâm. Tượng mấp máy môi, thanh âm nửa hư nửa thực "Tình là bể khổ, chúng sinh nay quy về... Cái đó... là hết ý!". Đạo Hạnh ngộ ra, thỉnh một tiếng chuông, cúi đầu lĩnh ý.

Với tay lấy thiền trượng tùy thân thời giặc dã nhan nhản, vị sư già vận sức

vào đàn điện. Hít ba hơi nguyên khí hạo nhiên, chân bước theo phép Đào tẩu khinh công, bóng áo vàng xẹt đi như một chớp lửa. Thanh niên chưa hú hết hơi vị sư đã liệng một vòng đáp xuống, miệng mỉm cười:

"Vô lượng thọ Phật. Kể xuất gia này xin chào thí chủ!".

Thanh niên cúi đầu đáp lễ, kín đáo thò tay vào nắm chắc giấy tờ và một cuộn tiền mặt, dè dặt: "Kính chào đại sư! Kính xin đại sư cho biết tính danh!"

Vị sư già đứng đỉnh: "Bần tăng họ Từ, Phương trượng chùa Phổ Độ. Nghe tiếng hú của thí chủ, bần tăng đoán thí chủ đang phần chí khổ tâm..."

Thanh niên mừng ra mặt, vội vã: "Chắc chùa ở quanh đây. Đệ tử dám hỏi một lời, xin đại sư giải đáp cho!"

Nhích nhẹ, Từ đã đến trước mặt thanh niên, đáp: "Chùa bần tăng ở khá xa, sau núi Tản. Nhưng thí chủ cứ hỏi..."

Thanh niên ngập ngừng:

"Dám thưa Phương trượng, đệ tử lấy Vietnam Airlines đáp xuống Nội Bài, đi được đâu mười dặm thì hóa ra mình

đang trên xe trâu trên đường dời đô từ Hoa Lư đến đây. Đợi trên bờ tả ngạn sông Nhị, đệ tử có biết một thiếu nữ tên Đào Hạ Trang, người gốc Đông Hải, dẫn đến Dâm Đàm tìm. Đệ tử đã hú ba ngày ba đêm, nhưng bất vô âm tín. Đệ tử rập đầu kính thỉnh Phương trượng giúp cho...".

Từ nhả mặt:

"Dây oan đây. Người cởi ra, kẻ buộc vào trong cái bể khổ này. Nhưng để bản tăng hỏi thí chủ một câu đã!"

Thanh niên ngược nhìn, nét mặt băn khoăn như khi nhập cảnh ở phi cảng.

"Dám hỏi, thí chủ từ đâu đến?"

Thanh niên đáp hệt như khi khai báo ở hải quan. Từ Phương trượng bấm đốt tay, lắc đầu:

"Gia Nã Đại, ở đâu mà bản tăng bấm không ra thế này?"

Điểm cây thiền trượng xuống đất, Từ bay lên, tay che mắt nhìn quanh. Khi hạ xuống nhẹ như một ngọn cỏ, Từ hỏi: "Thí chủ có lỡm bản tăng không đấy?". Thanh niên lượm một cành cây khô, vạch chữ X, thưa:

"Giả dụ ta đứng đây, nhỏ như con

kiến, thì Gia Nã Đại ở títt Bồ Hồ bên kia, và Dâm Đàm này trở thành Thái Bình Dương, một trong tứ hải trên thế giới có năm châu này..."

Từ ngắt:

"... À, thì ra thế. Phép Viễn Nhãn của bản tăng chỉ đến Cảng Hải Phòng là hết! Tứ hải giai huynh đệ. Bốn phương vô sản đều là anh em, thí chủ cứ tin thế đi".

Thanh niên chưa hẳn yên lòng, đang định đái bơi một câu cho êm thì Từ nhảy thoát lên chạc ba cây sung mọc ven hồ. Sợ rần rần, thanh niên lúi vào gốc cây, mắt nhìn xuống đám cỏ dại. Khinh thân nhảy xuống, Từ ghé vào tai thanh niên thì thào:

"Tổng Nhị cục đang tiến đến bao vây... Chúng dùng roi điện, búa tạ, lưỡi tầm sét cứ bạ nghe tiếng đồn nào cũng đến vây bủa. Ta phải đi thôi, ở lại thì bản tăng mắc tội tiếp xúc với một khúc ruột ngàn dặm học phép Biển Diến Bùa Hình đang bị Nội Mật viện cấm! Đi thôi!"

Thanh niên chưa kịp trả lời thì người bốc lên trong tấm cà sa vàng xẹt đi mất tăm, chắc chắn còn nhanh hơn vận

tốc siêu âm. Tai ù, mắt nhắm tịt, thanh niên vẫn đủ tỉnh táo tự nhủ, cái gì ở Đại Việt cũng ưu việt, đúng với lời đồn của rợ Đài Loan, rợ Singapore và rợ Kim ở Đại Hàn đang qua đây lấy giống tốt về trồng người.

*

* *

Lạng một vòng xem xét bằng thủ pháp Ó Cặp Kiến, Từ Phương trượng kẹp thanh niên vào nách, yên tâm từ từ đập xuống một vạt đất bằng phẳng trải gạch mầu gụ. Thành lình, trống âm âm nổi lên. Trong không trung, tiếng gió xoáy u u dọa nạt. Từ quát, tay xoay vòng, chéo áo cà sa găm hàng trăm mũi tiêu, mỗi mũi nhỏ bằng ba mũi kim khâu. Thật lạ, những mũi tiêu uốn éo chuyển động hết sinh vật sống, đầu rướn cong ngúc ngắc. Thanh niên rú lên, giọng hoảng loạn. Nghe tiếng rú, những con trùng lớn dần, ngọ nguậy nhìn như sán lải. Từ chặc lưỡi:

"Thế này thì gốc là Thảo trùng tiêu pháp của Đông Tà Hoàng Dược Sư trong Võ Lâm ngũ bá đây!"

Chúm miệng nhổ nước bọt, Từ tiếp

tục xoay vòng, nước bọt bay toé những hạt li ti như mưa bụi. Thảo trùng lả tả rụng xuống, cong queo như bị đốt.

Ba tiếng chiêng đánh dống dả, tiếng reo hò ầm ầm tứ phía. Một thiếu nữ mặt bít bằng voan trắng, áo xường xám mầu lục, giơ tay lên. Đợi tiếng reo lắng bật, nàng cất tiếng, giọng êm như mây bông bênh:

"Chẳng hiểu thế nào mà Sư quấy phá Tiện nữ thế này. Tiểu tử đây, để lại thì xin bái biệt Sư trong tình thân hữu, còn không thì Tiện nữ bảo thật, máu sẽ đổ trên thêm chùa Phổ Độ đến ba đời sau vẫn chưa khô..."

Từ cười ha hả, hắng giọng:

"Dám hỏi danh tính cô nương, tại sao bần tăng quấy phá, và lý do tại sao cô nương muốn giữ tiểu tử này?"

Thiếu nữ nhỏ nhẹ:

"Tiểu nữ là Hân Ly, vẫn cứ đi tìm Đồ Long đao. Tiểu tử đây có sứ mệnh truy lùng một vật Bảo Quốc Hộ Dân, tiểu nữ nghĩ chắc đó là thanh đao vì nó tiểu nữ suýt oan mạng. Nếu không, thì chí ít vật đó cũng phải là kiếm Ý Thiên... Nhưng còn một lý do khác, riêng tư

hơn, tiểu nữ không tiện nói ra!"

Từ ngọc nhiên:

"Theo cái biết nông cạn chốn giang hồ của bản tăng thì cô nương phải là người đầu triều Minh, tức là sau Tống, rồi Nguyên. Bản tăng hiểu là ta đang sống đời Tống, vậy khi ấy làm gì có Đồ Long đao và Y Thiên kiếm mà cô nương tìm?" Còn chuyện riêng tư, Từ dùng phép Truyền âm nhĩ mật, hỏi, là chuyện gì?

Hàn Ly đưa tay lên chấm nước mắt, giọng run run:

"Bực cao tăng hỏi, Tiệp nữ không dám giấu... Ấy là Tiệp nữ vẫn trinh trắng, chẳng một ai đoái hoài vì một bên mặt bị rạch ở đảo Long Sà, lúc nào cũng cứ phải lấy khăn che, nói rằng là mình theo đạo Hồi. Thời gian thì như vó câu qua cửa, Tiệp nữ phòng không gối chiếu, mùa xuân cứ chậm chạp như què. Tiệp nữ lại nghe bên châu Mỹ người ta có kỹ thuật ghép da mặt, phục hồi và chỉnh trang được nhan sắc ngoại hình, quảng cáo trên rất nhiều báo chợ ở quận Cam. Tiểu tử đây nói được tiếng Anh, có thể bảo lãnh cho Tiệp nữ xin hộ chiếu xuất dương, làm thông ngôn cho

Tiện nữ vì nói thật, Tiện nữ rất kém ngoại ngữ. Trong khi chờ đợi giấy tờ xuất cảnh, biết đâu Tiện nữ lại chẳng tìm được đao Đồ Long hay kiếm Y Thiên, một công đôi ba việc..."

Từ Phương trượng thở dài:

"... Sắc sắc, không không! Sếch sếch cũng không không cô nương ạ! Còn như đao kiếm, quý báu gì thì cũng chỉ đưa đến sát sinh mà thôi."

Lúc đó, thanh niên ghé vào tai Từ, thì thào "...sau 11 - 09, nhập cảnh vào Mỹ khó lắm vì chuyện chống khủng bố". Từ gật đầu, thủng thẳng:

"Cô nương khiến bản tăng mũi lòng, xót xa cho thân gái dặm trường, đừng chẳng đừng phải kiếm cách lưu vong hồng sửa mặt cho đúng gu nam tử. Nhưng xin hỏi, bản tăng trao tiểu tử đây cho cô nương thì cô nương cho lại bản tăng cái gì?"

Hân Ly đáp ngay:

"Tiện nữ xin để lại toàn bộ âm binh phò Tiện nữ cho Phương trượng sai bảo. Xin nói ngay, ngày sinh thời Mao Chủ Xí, chính Lâm Bưu nguyên soái gạ đổi lấy toàn bộ lúa gạo trong kế hoạch

năm năm mà Tiện nữ cũng không chịu đấy!"

Từ cười hềnh hếch, nhưng nhẹ nhàng:

"Ngay bản tăng thì bản tăng cũng chẳng đời thế. Ai chẳng biết vì duy ý chí mà năng suất kém, sản phẩm nông nghiệp chẳng có là bao, lại không giá trị gì trên thị trường quốc tế!".

Chưa dứt lời, Từ bế thốc thanh niên, tay khoa thiên trượng, vù lên đỉnh cây rồi dùng phép Đào Tẩu công lướt đi, hình dáng chỉ còn là một vệt khói vàng nhạt. Hân Ly quát the the:

"Không cho chúng nó thoát! Bắt lại cho ta!".

Âm binh ủa ra tám phương trời, tiếng binh khí chát chúa chạm vào thiên trượng nghe đĩnh tai nhức óc. Từ thoát vòng vây chẳng mấy khó khăn. Khi Hân Ly đang vân tới thì nàng chỉ thấy một chấm vàng ở cuối trời, biết không hy vọng gì bắt lại được. Tức tối, Hân Ly quát mắt quát âm binh:

"Ma chúng bay là đồ ăn hại. Lễ rằm tháng bảy này cấm trại, không cho lê la đi ăn cháo lá đa nữa! Bây giờ, vật

chết tất cả sư sãi rồi đốt chùa, nghe không!".

Chùa Phổ Độ cháy bùng bùng trong tiếng kêu khóc của đám sư sãi đã bị âm binh đột nhập bắt trói vào giờ Tị. Từ Phương trượng ngoái nhìn, lẩm nhẩm:

"A di đà Phật, sau này ta sẽ xây dựng lại bằng mười cho mà xem!"

*

* *

Khi thanh niên mở được mắt, chàng chỉ thấy một màn đêm đặc sệt. Giơ tay lên, chàng chạm vào vách đá ẩm ướt rêu phong. Khí lạnh thấm vào buốt đến xương. Chập choạng đứng lên men ra chỗ có chút ánh sáng hiu hắt, chàng lờ mờ thấy Từ Phương trượng ngồi xếp bằng tròn, tay chấp trước ngực, mắt nhắm nghiền, huyết Bách Hội đỉnh đầu bốc một lớp khói trắng. Ngồi xếp xuống nền đất ẩm thấp, thanh niên im lặng chờ.

Được dăm tuần hương, có tiếng thở ra. Rồi tiếng Phương trượng:

"... Nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tăng... Tiểu tử thế mà khoẻ hơn ta! Chắc tuổi trẻ, khí lực còn nhiều,

tốt! Ta cứu được mạng người, chắc do duyên tiền định mà thôi".

Thanh niên rập đầu cảm tạ, và hỏi ngay:

"Bạch thầy, thầy tinh thông quán thế, nhưng tại hạ vẫn chưa được thầy chỉ giáo cho biết Đào Hạ Trang nay ở đâu. Lậy thầy ba lậy, tại hạ không thấy nàng thì chết không nhắm mắt được, xin thầy làm phúc chỉ cho..."

Nói đến đây, thanh niên òa lên khóc như cha chết. Từ bực mình gắt:

"... Yên nào, hơi tí là khóc. Để ta ăn cái gì cho ấm bụng rồi ta quán tưởng tìm con ranh cho con. Có thực mới vực được đạo! Đi bắc cho ta nồi nước sôi. Nồi ta giấu sau Nhục bồ đoàn... Chỗ này!".

Theo ngón tay chỉ, thanh niên cúi xuống, lôi ra một cái nồi đất, ngهن ngào không một lời. Từ lẩm bẩm "Cái tình là cái chi chi? Ta chịu! Không thể nào hiểu nổi đám chúng sanh này cứ như một bầy khỉ!".

Sau khi ăn một tô mì ăn liền gói nước sôi, Từ Phương trượng rút chiếc lá bách soi trên ngọn bạch lập, miệng

khẩn tên Đào Hạ Trang, rồi nhắm mắt thiền quán. Đầu dăm phút sau, Từ mở mắt nhìn thanh niên, nói:

"Quẻ Lữ, thế là đi rồi, hiện ở thôn Đào Xá..."

Thanh niên rập đầu, tức tưởi:

"Kẻ hậu sinh ngu tối, chẳng biết Đào Xá ở đâu, xin thầy chỉ đến nơi đến chốn, kiếp này không đền ơn được thì xin đến kiếp sau..."

Từ nhỏ nhẹ:

"Thí chủ khỏi nghĩ chuyện ân huệ cho nhọc lòng. Đào Xá lập từ Thuận Thiên năm thứ 16, do Đào thị, một ca nương nổi tiếng hát hay, khiến đám con hát nay đều gọi là Đào nương. Bần tăng không biết Hạ Trang đích xác là ai, nhưng chắc chắn nàng trú ở Đào Xá, thí chủ cứ tìm hỏi, hẳn sẽ biết".

Văng vẳng lại *yêu nhau, cởi áo cho nhau...* vang vọng như một tiếng gọi sâu thẳm. Thanh niên đứng lên vái một vái, thốt: "Muôn vàn cảm tạ thầy, nay xin xuống núi để...".

Từ ngắt:

"Không phải xuống núi mà là leo lên hang... Nhưng đừng đi vội thế. Bần

tăng biết duyên nghiệp của thí chủ nặng lắm, mong giúp được thí chủ một chút trước khi bần tăng lên làm vua!"

Thanh niên nhảy thót lên:

"Thầy là người tu hành, sao lại lên ngôi vua được?"

Từ mỉm cười:

"Sao lại không? Trước khi bần tăng kể cho thí chủ nghe, để bần tăng hỏi một câu đã"

Thanh niên ngược lên chờ đợi. Từ đứng đĩnh:

"Nầy, Hân Ly cô nương có nói là thí chủ đi tìm một vật Bảo Quốc Hộ Dân. Đó là vật gì vậy?"

Thanh niên kể chuyện ba người, gồm Rậm-ria, Tiểu-quỷ và chàng có thần nhân mách bảo, rủ nhau về tìm với mục đích làm sao để con dân Đại Việt đỡ khổ ải nhục nhằn sau hai cuộc chiến, nhưng nay vẫn chưa biết vật đó là gì và ở đâu.

Từ chép miệng:

"Hơi hâm một tí đấy, nhưng được cái tâm trong sáng! Không tìm, tất không thấy. Có tìm, may mà thấy thì cứu được cả thiên hạ!"

Thanh niên quỳ xuống ôm chân Từ,

giọng tha thiết:

"Kẻ ngu tối này đã thấy phép thần thông của thầy, xin thầy mách cho cái vật quý hiếm kia là gì?"

Khế nâng thanh niên lên, Từ niệm nam mô rồi nói, giọng như đinh đóng cột:

"Thì là cái khiến đoạt được ngôi vua chứ gì nữa! Có quyền là có tiền. Quyền tuyệt đối, thì tiền không thềm đếm, cứ mang ai chẳng được! Cũng vì thế mà bản tăng sẽ lên ngôi trong mười lăm năm nữa!"

Thanh niên còn sững sờ thì Từ chậm rãi:

"Bản tăng thuộc hệ phái tu dần thân, đã từng khuyên Ngô Tuấn thiện đi để gần gũi Lý Nhân Tông, tên đổi ra Lý Thường Kiệt, vào Thái Ninh năm thứ 4 được vua sai đi đánh Tống, cùng với Tống Đản chiếm châu Khâm, châu Liêm, châu Ung. Năm sau, Tống hợp quân với Chiêm và Chân Lạp sang xâm lấn nước ta, bản tăng lại cùng Lý tướng quân đón đánh giặc ở bờ sông Như Nguyệt. Ở đền hai vị tướng họ Trương trung nghĩa, chính bản tăng vận Truyền Thông thần công để Lý tướng quân

phát thanh:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên
thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại
hư.*

nhằm động viên quân ta giữ sơn hà. Bần tăng biết vua Lý Nhân Tông không có con trai nối dõi, sẽ lấy cháu lập làm Vua. Sùng Hiền hầu là em Vua đang cầu con trai. Bần tăng dặn báo cho bần tăng khi Đào phu nhân lâm bồn, bần tăng sẽ trút xác nhập hồn vào thành Thái tử Dương Hoán kế vị Nhân Tông. Bần tăng lên ngôi Vua là vậy, và sẽ lấy hiệu là Thần Tông..."

Thanh niên hoảng hốt, van xin:

"Kẻ ngu tối này xin thầy nghĩ lại. Trước khi làm vua, ai cũng nghĩ mình sẽ Bảo Quốc Hộ Dân. Nhưng thưa thầy, khi làm vua rồi thì chuyện hộ dân lắm vị vua quên bống, đâm ra hại dân thì nhiều. Vả lại, đi thêm mười thế kỷ, chuyện tách thần quyền ra khỏi thế quyền là trào lưu chung của loài người. Và rồi thế quyền cũng không tập trung vào một người, hay một nhóm người,

mà phải dựa trên tính đồng thuận liên đới của mọi người trong một quy ước xã hội. Vậy thầy đã tu, tu cho trọn kiếp thanh cao, có phải thế mới là phương án tối ưu không?"

Từ lắc đầu, nhỏ nhẹ:

"Bần tăng cảm ơn thí chủ đã chân thành khuyên ngăn, nhưng hai điều thí chủ nói thì bần tăng chẳng hiểu điều gì, cho nên thôi, để bần tăng bói thêm một quẻ xem cát hung trước mắt thế nào..."

Nói xong, Từ nhắm mắt, người lặng vào một thế giới khác. Khi Từ mở mắt, vẻ trầm tĩnh cố hữu biến mất. Giọng ảo não, Từ thốt:

"Thái sư Lê Văn Thịnh mưu đồ thoán nghịch, Nhân Tông mệnh hệ nào thì làm sao bần tăng triển khai kế hoạch nhập hồn vào Dương Hoán còn chưa thụ thai? Cái đám họ Lê này đặt mồi đặt mả thế nào mà đời này qua đời kia hễ cứ nhắm nhe Tể tướng là lại nghĩ ngay đến chuyện chiếm lấy Lộc Đĩnh của thiên hạ. Thế này thì bần tăng phải cầu thí chủ giúp một tay mới được!"

"Giúp thế nào?", thanh niên bỡ ngỡ hỏi.

Từ ghé vào tai, dặn như vậy, như vậy... đọc hồi sau sẽ rõ.

*
* *

Rậm-ria và Tiểu-quỷ hiện sáng nào cũng ăn phở Thìn ven hồ Hoàn Kiếm đợi bạn, ba ngày sau thì sốt ruột, lắm lúc vắng tục không khác gì trẻ bụi đường Hà Nội. Bảnh mắt, Tiểu-quỷ cư ngụ thành Luân Đôn, nơi rượu đỏ ê hề nhất nhì thế giới nên sớm nghiện chất cồn, đòi ngay một ly đế quốc lủi. Nâng lên miệng, Tiểu-quỷ nhõng nhẽo nhại thơ Quang Dũng "Uống đi cho đỏ mũi. Cho lên hương cuộc đời", tay vuốt mũi, miệng cười khì khì. Rậm-ria húp cạn bát phở vánh mỡ, nhếch ria phán:

"Nói cho bạn biết, phải bốn nghìn năm mới làm được bát nước phở thế này đấy, tự hào đi! Này nhé, mùi thì mùi hành thơm nhưng không hắc, nồng nhưng không gậy, lại thoáng cái hương gừng gợi vị cay... Gợi thôi nhé, thế mới tài tình. Dân tộc ta là thế, tinh tế..."

Tiểu-quỷ ngắt:

"... và nghèo rất mừng tơi, huynh ơi!"

Cười hình hích, - Tiểu-quỷ tiếp -
"nhưng được cái nghèo mà ham, cái gì
cũng đòi là nhất, là đỉnh cao!"

Rậm-ria bực bội:

"Nghèo không phải là xấu, giàu
không cứ là hay! Bạn phải hỏi, nghèo
là vì gì, và giàu thì làm thế nào mà
giàu. Và hãy can đảm đối mặt với sự
thật, dẫu đau cắt lòng".

Đưa tay lên vê ria, Rậm-ria búng tay
gọi tính tiền phở, trầm giọng:

"Quái thật, sao hăn vẫn chưa tới. E-
mail hăn dặn sẽ đi ngay, lẽ ra là đã đến
từ hôm kia chứ!"

"Chắc lại có cái bóng hồng nào đó.
Em biết tính hăn nên mới đặt là Lơ-mơ
lãng tử. Và cứ thấy nhan sắc là hăn
động lòng, rồi đi đến đâu thì đi, chết
bỏ!"

"Nhưng chuyện chúng ta là chuyện
đại sự... Thần nhân lại bảo chú là cả ba
người chúng ta hợp lại thì mới có cơ
may. Đèo thêm một bóng hồng nào đó
vào rồi nhờ lỗ việc thì sao!"

Người phục vụ, một cậu bé độ mười
bốn mười lăm, đến tính tiền với Rậm-
ria. Tay này vốn người Hà Nội, trước ở

phố Hàng Lược, sau giải phóng thì vào Nam, rồi vượt biên, nổi tiếng hải ngoại với một tập truyện khá hiện thực về cái thực trạng xã hội miền Bắc. Sau đó, Rậm-ria mở một tiệm ăn ở Copenhagen bên Đan Mạch nhưng vừa đóng cửa vì kinh tế Âu Châu đang tuột dốc. Làm ăn bên ngoài khó, Rậm-ria lần này tính kế hồi hương nhưng không nói ra cho ai biết ngoài Tiểu-quý. Rậm-ria tay đưa mấy tờ giấy 10.000 đồng nhàu nát bắn thủ, mắt nhìn cậu bé, hỏi:

"Ông Thìn đâu, mấy ngày tao ra đây ăn mà không thấy. Tao là khách cũ, hai mươi năm mới quay lại đây. Mà nhắ ông ấy là phở vẫn cứ như xưa, ngon lắm..."

Cậu bé cười cười:

"Ông cháu về hưu từ sau Đổi Mới, bây giờ ốm nằm nhẹp ở nhà, mỗi lần ra quán là lại lâu nhàu chửi chúng cháu là phá gia cang, mất truyền thống, cứ kêu nước phở bỏ quá nhiều mì chính. Ông cháu có biết đâu là xương bò đắt, nấu thì phải tăng giá, mà tăng là ế liền... Cháu sẽ nói với ông cháu là khách cũ vẫn khen ngon, để ông cháu

yên lòng!"

"Ừ, - Rậm-ria đang hăng, - cứ nói thế cho tao. Bảo ông mày là Phở và Chả Giò thành món ăn quốc tế, nổi tiếng còn hơn Điện Biên Phủ và chiến dịch Đại thắng mùa Xuân đấy!"

Tiểu-quỷ phá lên cười ằng ặc, đứng dậy bước khỏi quán nằm ngay đầu một cái ngõ hẹp đâm ra đường, nóng đến chảy mỡ với ba nồi phở đặt trên than hồng, khách đông ngồi chen như ngồi lên lòng nhau, húp nước xì xà xì xụp đồng tấu bản giao hưởng đầu ngày. Ra đến ngoài, Tiểu-quỷ móc máy:

"Huynh khéo thật, người Hà Nội có khác. Em ăn phở Thìn, thấy thua xa phở Hòa ở Paris. Còn so với phở Nguyễn Huệ ở quận Cam Cali thì phở Thìn vừa ít bánh, vừa ít thịt, nhưng được cái là người ăn phở hơn xa nơi khác ở chỗ đó, húp hết nước rồi mà láo liên như sắp liếm cả bát... Ô, đất ngàn năm văn vật ta ơi, đừng tuyệt vọng!"

"Này bạn, - Rậm-ria khoa tay như dọa - xin chớ mĩa mai cái đất này! Bạn sinh sau đẻ muộn, lại yên ổn ở Sài Gòn nên nào biết 12 ngày đêm bom B52 cày xuống đất mà không lay động được

lòng người Thăng Long. Nhưng thôi, chúng ta hòa giải với nhau vì công việc chung là phải tìm cho ra cái vật quý hiếm Bảo Quốc Hộ Dân kìa!"

"Thế nước có chông chênh thế nào mới phải Bảo Quốc, dân còn lầm than ra sao nên mới lo chuyện Hộ Dân - Tiểu-quỷ trề môi - Còn nếu cứ ca cẩm bài ca lạc quan tếu thì, ô hô ai tai, lại ru ngủ kiểu ta phở ngon nhất bốn ngàn năm lịch sử, ta đỉnh cao của lương tri thời đại, ta bách chiến bách thắng, đánh ngã nào là Đế Quốc, Thực Dân, rồi Bành Trướng... Nói vậy để huynh vui lòng, đệ nói ngay, nhưng thật tình vẫn không khỏi xấu hổ...".

Đứng sừng lại, Rậm-ria kìm nóng giận, giọng nghẹn như có ai thò tay bóp cổ:

"Chính tôi là người cảnh báo sự việc "con khỉ không đuôi" ngày còn thời bao cấp, bạn quên rồi ư? Giờ khác, ta có điều kiện hội nhập vào kinh tế toàn cầu, xuất khẩu lao động hầu huấn luyện tay nghề. Cứ xem con em của chúng ta thì biết tôi không thể lầm. Mấy đứa cháu tôi, chúng học từ sáng đến tối, chăm chỉ, biết lo đến tương lai.

So với con tôi sống bên Đan Mạch, tôi công nhận chúng hơn nhiều, và tương lai là ở chúng..."

Nói đến đó, Rậm-ria vùng vằng sang lề đường bên kia ven hồ. Tiếng xe Honda thẳng gấp, bánh nghiêng mặt đường ken két, rồi tiếng chửi: "ĐM mày, thằng dở người, định chết à!". Tiểu-quỷ theo chân, nhưng nhìn trước nhìn sau, mắt la mày lét. Khi hấn đặt chân lên hè con đường gạch lát quanh Bờ Hồ, Rậm-ria bảo, giọng vẫn cứ ầm ứ:

"Tôi đi tiên phong cho bạn, bạn suýt vừa giết tôi đấy!"

*

* *

Thanh niên hứa giúp nếu Từ Phương trượng nói rõ đầu đuôi, vái rồi khăng khái:

"Cứ chuyện gì có tình có lý, lại khoa học, vừa đúng hướng tất yếu của lịch sử vừa thể tất được cả nhân nghĩa đạo Khổng thì tại hạ đây sẵn lòng".

Bấy giờ Từ mới kể. Khi nhập định bói cát hung, Từ dùng độn Tàng tâm liên lạc với Tiểu Hằng tiên cô hiện đang trụ ở

vườn hoa Mai Xuân Thưởng cứu giúp dân oan đang cùng nhau "khiếu kiện đông người". Tiểu Hằng, đóng vai nhà ngoại cảm để phù hợp với thời đại, đúng lúc ấy phải đối phó với truyền thống khủng bố, chỉ kịp gửi e-mail báo: "Hai đạo hắc bạch sẽ xuất đầu lộ diện phía tây hồ Dâm Đàm, lực lượng nghiêng ngửa, phần thắng vẫn là chuyện thiên cơ!". Rầu rĩ, Từ tự nhủ, có ta vào thì ta cũng không thay đổi được cán cân lực lượng. Làm Gì? What is to be done? Que Faire? Что делать? Bỗng nhớ còn tiểu tử đa tình bên cạnh, ta chợt thấy cái duyên trời định.

"Trời định thế nào?", thanh niên thắc mắc.

Khi ấy, Từ chậm rãi:

"Thí chủ đến với bản tăng là có xếp đặt cơ huyền như giải trình điện toán vi tính. Giúp một tay, cán cân sẽ nghiêng về phần bạch, đám tà đạo chẳng thể nào bách hại được Lý Nhân Tông! Xin thí chủ giúp cho..."

Thanh niên vươn vai, giọng cương quyết:

"Cứu người, dĩ nhiên tại hạ đâu dám từ nan! Nhưng xin nói thật với Phương

trượng: từ ấu thơ, tại hạ chuyên việc sách đèn, chân mềm tay yếu, cùng lắm sự nghiệp chỉ có chục bài thơ lục bát đăng điện báo hải ngoại, tại hạ làm gì được?"

Từ Phương trượng thốt lên "Thiện tai, thiện tai!", rồi mỉm cười: "Thí chủ chớ lo!". Vòng tay ra sau lưng, Từ rút theo chiều sống lưng một thanh kiếm dài mười tấc, han rỉ, ngoại hình ngòeng nghèo. Chìa trước mặt thanh niên, Từ nghiêm giọng:

"Quỳ xuống làm lễ bái sư, ta sẽ truyền cho Thanh Công kiếm pháp, lúc ấy thì mi chẳng còn phải sợ ai trên chốn giang hồ! Đây là kiếm Thanh Công, xưa của Tào Tháo, Triệu Tử Long cướp được ở cầu Trường Bản, nhờ thế cứu được Ấu Chúa A Đẩu mang về cho Lưu Huyền Đức, mi không biết à?"

Lễ thì phải quỳ xuống, nhưng thanh niên lùi ba bước, vòng tay thưa:

"Bạch thầy, kẻ ngu tối này từng đã phát thệ hòa bình rồi tham gia phong trào phản chiến ở Berkeley chống chiến tranh, không thể dùng kiếm đổ máu được! Vả lại, kẻ ngu tối này tự nghĩ không có cái cơ duyên xuất gia đâu

Phật, lòng còn tơ tưởng Đào Hạ Trang, nay xin kiếu để đi tìm nàng ở Đào Xá..."

Nói xong, thanh niên ba chân bốn cẳng quay mình chạy. Từ Phương trượng chỉ khẽ nhắc mình, thân đã rơi xuống chặn ngay cửa hang, từ tốn:

"Đi đâu mà vội mà vàng? Nếu không muốn tu chùa thì còn phương án Cư sĩ, tu tại gia, muốn vợ con vẫn được Phật phê chuẩn đăng ký! Chê kiếm gây đổ máu, thì còn thứ khí giới hiền lành như côn, như bổng. Xưa, các vị tổ chùa Thiếu Lâm cũng đã thu thập bí kíp võ công thiên hạ, thập bát ban võ nghệ đều tinh thông, kể cả phép Đả Cầu Bổng của lão ăn mày Hồng Thất Công. Thí chủ không dùng kiếm thì ta dạy cho dùng bổng, gọn, nhẹ, lại không bị Viện Nội Mật xếp vào tội tàng trữ vũ khí... Tính danh thí chủ là gì, ta chưa biết!"

"Bằng hữu gọi kẻ ngu tối này là Lơ-mơ lãng tử..."

"Không được, đệ tử nhà Phật tên phải nghiêm chỉnh hơn... Để ta nghĩ xem! Nhưng trước khi bái sư mi còn điều gì muốn hỏi không?"

Thanh niên lúng búng:

"Bạch thầy, kẻ ngu tối này như vào một cơn mộng du. Bắt đầu là xuống máy bay thì còn kỷ XXI, thoát một cái, quay lại thời Lý Thái Tổ dời đô 10 kỷ trước từ Hoa Lư về Đại La. Thành này nay gọi là Thăng Long bởi lẽ các vì vua từ Thái Tổ, qua Thái Tông, Thánh Tông, vị nào cũng thấy rồng lộn, khi thì ngồi thuyền vượt sông Nhị, khi thì cưỡi ngựa thị sát trên đê Yên Phụ, cả đêm lẫn ngày, năm này qua năm nọ, không hề mệt mỏi. Đến lúc kẻ ngu tối này đi tìm Hạ Trang thì thỉnh linh đến thời Nhân Tông, gọi Thái Tổ bằng cụ. Nay thầy ban kiếm, lại kiếm Thanh Công có từ loạn Tam Quốc bên Tàu... Đùng một cú, thầy e-mail cho nhà ngoại cảm tên Hằng trong vụ "khiếu kiện đông người" thì ta lại rất hiện đại..."

Cười lên ha hả, Từ Phương trượng đáp:

"Tiểu tử thắc mắc thế, kẻ cũng đúng! Ta đồ vậy là mi có căn duyên, học với ta thành đạt chắc nhanh thôi. Vấn đề mi đặt ra là cơ bản đấy. Đó là câu hỏi Thời gian là gì? Hà hà, trả lời thì ắt có kẻ đã thử trả lời rồi, và thậm chí đoạt giải Nobel Vật lý pháp. Nghe ta lập

ngôn đây: Thời gian có là do vật chất chuyển động. Năng lượng cấu thành chuyển động, cho nên thời gian là năng lượng, mà năng lượng chẳng qua cũng là một dạng của vật chất. Đấy, mi thấy cái lẽ huyền nhiệm tuần hoàn chưa? Năng lượng thì luôn được bảo tồn, cho nên thời gian cũng vậy. Cái ta gọi là trước, là sau đều là chuyện bề mặt của thứ thời gian thẳng tắp do sinh tử gây ấn tượng. Thật ra, không có gì trước, không có gì sau, tất cả chuyển dịch tuần hoàn. Tức là, từ khởi duyên mà đi, không có gì... Cho nên khi mi bảo "thì ta lại rất hiện đại" là chẳng có cơ sở. Nếu mi muốn, ta sẽ đưa mi đến thời hậu hiện đại như trong văn chương chẳng hạn. Nhưng ta bảo trước, ở đoạn này thì gập ghềnh, gầy khúc, hỗn mang, đột biến nhiều đến nỗi độc giả tẩu hỏa nhập ma, tác giả thì chết, chỉ còn độc văn bản trên giấy vụn hoặc trên màn hình phù du..."

Thanh niên quỳ xuống rạp đầu:

"Thầy đã giải đáp cho kẻ này cái nghi vấn đó, vậy nay chỉ còn một điều bất cập...". Nhìn Từ Phương trượng đang ngược mắt hấp háy ngó ngang,

thanh niên thở dài, tiếp: "... số là cứu ai thì cứu, chứ cứu vua lắm khi lại thành họa cho chúng sinh..."

Đập tay xuống Nhục bồ đoàn, Từ chặn, nghiêm khắc:

"Dù xây chín bậc phù đồ, cũng không bằng làm phúc cứu cho một người... Vua thì cũng là người, cứu là cứu một người mà thôi!"

Nghe đến đó, thanh niên ngộ ra lẽ từ bi bao la, liền sụp xuống, đầu đập vào nền đá lát hang, miệng rên rĩ:

"Vì cứu lấy một con người, dẫu hấn là vua, đệ tử nay xin lạy ba lạy bái sư, lòng nủ lòng, một miếng cũng là thầy, nửa miếng cũng là thầy. Dám mong Sư phụ truyền cho phép Đả Cầu, và xin cho đệ tử được phép tu tại gia, đúng phương án Cư sĩ, không kiêng khem gì cả..."

Từ Phương trượng hài lòng, ánh mắt nhân từ nhìn thanh niên:

"Khen cho tiểu tử ngộ được lẽ cơ huyền, hiểu ra căn cơ bản thể của chuyển động là tuần hoàn. Để tránh hỗn mang, một chuyển động vòng với chỉ một tâm điểm là ổn định tối ưu. Vậy

ta ban cho tiểu tử pháp danh Nhất Tâm! Từ nay, bỏ cái tên cà chớn đầy bụi là Lơ-mơ lãng tử đi!"

Thanh niên lại rạp đầu bái tạ.

Quả như mong đợi của Từ Phương trượng, Nhất Tâm học một hiểu mười, tinh tiến mau vô cùng, nhất là khi luyện phép Lăng Ba Vi Bộ của nước Đại Lý, chạy nhanh, tránh né thật vô song trên chốn giang hồ. Đến giai đoạn học bổng pháp, Từ Phương trượng bẻ một gốc tre già, vuốt đến đâu thì thân thẳng ra, uốn lượn như loại Hắc Thiên Trúc chỉ thấy ở nước Liêu thời Đông Châu. Nhất Tâm xin học đúng ba chiêu pháp, sợ học nhiều, cây có võ mà động tâm quyền lực thì thường chỉ gây sát sinh. Từ Phương trượng bước đầu truyền cho Nhất Tâm chiêu thức Đả Dã cầu bổng, chuyên đánh chó dân dã, chó hoang, loại chó Ta nhiều kinh nghiệm đời, thường đói, biết nhu biết cương, lẩn tránh tài tình. Chiêu thức thứ hai là Đả Thị cầu bổng, dùng để trị chó giữ nhà trong thành phố. Loại này thường là chó Tây Dương, giống từ nước Đức bên Âu Châu, chỉ đám nhà giàu từ trung lưu cấp cao trở lên mới

đủ tiền mua. Thị cầu thường găm gùr nhe nanh, có cái thuật nhảy lên cần cổ người như hổ báo, lại nói ngoai ngữ nên lắm khi cần phiên dịch mới ra lệnh được, vì thế không thật đáng kính. Chiêu thức thứ ba là Đả Quyền cầu bổng, dùng đánh chó nhà quyền quý. Loại này đủ thứ, có chó Ta, chó Tây, chó Tàu, chó Nhật. Chúng được chọn lựa rất kỹ, phân loại ra chó kiểng, chó săn, chó canh ma, chó kể mệnh phụ để giải sầu khi đức lang quân đi công tác dài ngày, vv... Chống mỗi loại, là phải theo đúng chiêu thức, khi mạnh khi yếu, lúc hoành tráng bung ra, lúc ẩn thân co cụm, học khá lâu mà Nhất Tâm vẫn còn quờ quạng, nhất là khi đối phó với chó canh ma. Loại này không sửa. Chúng thường liên hợp với đám cảnh vệ có điện thoại cầm tay để liên lạc với Trung ương đài chủ. Đám cảnh vệ thường được huấn luyện nghiệp vụ theo phương pháp ngậm máu phun người, chất độc ngấm có thể đến ba đời sau còn tác động trên lục phủ ngũ tạng của nạn nhân.

Sau dăm ngày khổ luyện, đầu choáng tai ù, mình xuất hạn dầm dề nhưng vẫn không nhuần nhuyễn, Nhất Tâm nản chí

thì Từ Phương trượng an ủi, bảo loại chó canh ma chỉ loanh quanh ở Thủ Đô nên bắt tất phải cực lòng, hễ gặp thì dùng phép Lăng Ba Vi Bộ để toàn thân. Còn muốn thắng chúng, chắc phải đánh theo Liên Hiệp đa phong trào với các phái như Côn Luân, Nhân Quyền, Tung Sơn, Dân Chủ, Đại Ngôn. Và bởi mãnh hổ nan địch quần cẩu, phải niệm chú đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết mới mong đắc thủ.

Nhất Tâm cúi đầu lĩnh ý.

*

* *

Lại nói về Rậm-ria và Tiểu-quỷ loanh quanh trên 36 phố phường chờ Lơ-mơ lãng tử. Hai chàng hơi bị buồn, liền nhắc những chuyện tình nghĩa. Cách đây gần một thập niên, Tiểu-quỷ rủ Lơ-mơ sang Copenhagen thăm Rậm-ria. Buổi trưa, khi tiệm ăn hết khách, ba người ra vườn sau bù khú. Rậm-ria nghiêm trang:

"Chẳng phải lúc nào cũng có cái duyên hội ngộ này, nhớ tích kết nghĩa vườn đào của Lưu-Quan-Trương, sao nay ta không uống một chén thề, thề rằng sao đổi vật dời, ta vinh nhục có

nhau, như anh em ruột thịt?"

Tiểu-quỷ cảm động, nước mắt rung rung, cầm ly lên ực ngay rồi rót thêm một ly cho mình, thốt: "Sẵn sàng!". Ôm vai Tiểu-quỷ, Rậm-ria quay nhìn Lơ-mơ:

"Còn ông anh, ông phải là Lưu Bị mới được!"

Lơ-mơ nguây nguây:

"Kết nghĩa thì number one rồi, nhưng vườn không cây, chỉ có độc một chậu quất làm kiếng... Và Lưu Bị thì kẻ hèn này chẳng dám nhận..."

"Thì kết nghĩa vườn quất, trượng phu ai đi câu nệ chuyện lật vật! Nhưng tại sao huynh chê chức Lưu Bị?"

"Lý do... có tính bản chất. Lơ-mơ hăng giọng- Hai vị huynh đài còn nhớ, khi Triệu Tử Long bế được ấu chúa A Đẩu về trao tận tay cho Lưu Bị thì hấn đối xử ra sao không? Hấn quăng đứa con còn ẵm ngửa xuống đất, kêu vì mi mà ta suýt mất một chiến tướng rồi ôm lấy Tử Long khóc mùi. Đệ cho thế là hoặc Bị giả dối làm màn biểu diễn ân nghĩa chủ tướng trước ba quân, hoặc hấn chẳng có chút tình gì ngay với đứa con hấn đẻ ra. Vậy thì đệ không cam tâm làm Lưu Bị đâu!"

Rậm-ria thở dài nhưng Tiểu-quỷ nhảy quẩng lên vỗ vai Lơ-mơ:

"Nếu huynh chê Lưu Bị thì đệ cũng chẳng hợp gì với Quan và Trương. Vân Trường thì phò nhị tẩu mà không lặn tẩn, hẳn khác tạng đệ. Còn Trương Phi thì đen thùi lùi, lại nóng nảy hay làm càn. Phần đệ, huynh nhìn xem. Đệ trắng trẻo thế này - Tiểu-quỷ uốn éo đứng lên - lại cơ trí hơn hẳn nhiều. Nếu hai vị đồng ý, cho đệ làm Triệu Tử Long đi, oách hơn hai tên kia nhiều!"

Rậm-ria gật:

"Muốn làm ai thì làm, quan trọng là nội dung. Và nội dung là chuyện kết nghĩa với nhau. Nào, nâng ly!"

Tiểu-quỷ vui vẻ, nhắc nào, nào, và hào hứng:

"Ba anh em ta phải làm một cái gì chung với nhau mới được! Nhìn hai vị huynh đài ngơ ngác, Tiểu-quỷ cười hà hà, đề nghị - ta viết chung một tiểu thuyết chẳng hạn. Văn chương mà chỉ thuần truyện ngắn thì "đoản" lắm. Nhị vị huynh đài thấy thế nào?"

Lơ-mơ giật mình, khép chân lại thủ thế, tự nghĩ mình mới có chục bài thơ lục bát, hổ thẹn thềm nhủ chớ đánh đu

với tình. Rậm-ria cười cười hỏi, nhưng viết gì cơ chứ? Tiểu-quỷ vỗ vào đầu bình bịch, kêu toáng lên:

"Cái viết thì trong này rồi. Ta lấy tí là Bạn Triều Lý. Đề nghĩ cả năm nay mới được hai câu đầu vào truyện. Nghe đây: Mặt hồ Dâm Đàm chao nghiêng khi chim báo bão đập cánh trên đầu rừng cây cơm nguội gập mình trong gió đầu đông se sắt lạnh hơi đồng. Lúc ấy, đoàn di tản từ Hoa Lư về Thăng Long dừng lại trên bờ sông Nhị, ngơ ngác nhìn về phương Nam, luyến nhớ quê cha đến cất chân không được, tay đưa lên chùi những giọt lệ ròng ròng chảy trên má trên môi..."

Dĩ nhiên, tiểu thuyết ấy chưa sinh thành để đánh động văn hóa Giao Chỉ, gần đây lạm phát thơ và truyện chớp, rất phù hợp với xu thế nghe-nhìn, ăn fastfood, uống coca. Lý do thì nhiều, kể ra làm gì, lực bất tòng tâm là chuyện bình thường đối với lớp đặc tuyển một dân tộc thông minh, cần cù và hiếu học. Chỗ nào cũng vậy, ấy cái nước mình nó thế, từ Đông sang Tây, từ Nam chí Bắc!

Đợi đến ngày thứ năm, cả hai sốt ruột, phải uống bia liên tục. Ngà ngà, Râm-ria nhìn Tiểu-quỷ, hỏi:

"Thần nhân có mách bảo thêm điều gì trong mơ nữa không? Hay là chuyện mơ mộng lại là chuyện nhà văn đi tìm hứng?"

Nghe đến đấy, vốn mơ ước làm chuyện lớn, Tiểu-quỷ nghiêng rằng nhẩn nhục nhìn ra dòng xe máy chạy vòng vòng quanh Bờ Hồ. Quả thật thời gian sau này Tiểu-quỷ than mất phong độ, loay hoay tìm đường Đổi mới, đang âm mưu thành trưởng môn phái Z. Phải nói ngay, mười năm trước, khi Tiểu-quỷ xuất hiện thì giang hồ nổi sóng, hải ngoại kêu nếu trong nước có ông truyện ngắn Hua Tát với thủ pháp hiện thực trần trụi thì ở ngoài ta có Tiểu-quỷ, nhà văn trẻ dùng thủ pháp hiện thực huyền ảo, nhìn ra cái chết sau quá khứ đập vùi vì pháo thuyền trên dòng Dương Tử. Văn phái Z chủ trương đổi D và cả GI thành Z, giải phóng chị em, tranh đấu cho nữ quyền, đòi hỏi bạch hóa âm zục, zia ziết, ziam zật. Một số nhà văn gốc Bắc nói ngọng R thành D, tuyên bố thực sự cách tân, đòi

biến cả R sang Z, chẳng hạn zun zây, zùng zợn, vv... Miền Nam thành đồng, cũng nói ngọng, đi vô thành đi zô, đề nghị đổi V thành ZZ, thí zụ, đi về thành đi zzề, vắn vợ thành zzắn zzơ. Tiểu-quỷ yêu cầu trật tự, ra nghị quyết bỏ ZZ, chủ yếu zùng đúng ba tiêu chí, đứng hàng đầu là Zâm Zục, sau mới đến Zùng Zợn, và chót cùng là Zạo Zục. Lý zo đưa ra, zăn chương miền Bắc có truyền thống nên thủ cựu phải lên hàng đầu, còn miền Nam, đứng sau, bù lại được hai tiêu chí đổi R thành Z, vì tiền nhân dặn miền Nam "đi sau nhưng về trước".

Thấy Tiểu-quỷ im lặng, Rậm-ria cười cười:

"Sao tôi hỏi mà bạn không đáp, khinh nhau thế! Rậm-ria mĩa - Thần nhân mách bảo trong mơ cũng huyền ảo lắm đấy chứ! Nhưng đâu cứ phải đợi Trăm năm cô đơn của châu Mỹ Latin! Tây du ký, rồi Liêu trai chí dị mà không huyền ảo à? Nhà văn đâu cứ phải học ngoại ngữ rồi đi bắt chước như khi đâu..."

Trúng chưởng, Tiểu-quỷ học một đống máu bầm, người cong xuống, mắt

đổ lừ ngược lên, trả miếng:

"Nhà văn cũng không cứ phải thật dốt, và viết lách như pha mắm muối, làm mãi một món Tự lực văn đoàn! Cuối cùng, đóng cửa tiệm vì thế thì... ăn mãi phải chán!"

*

* *

Thuyền ngược ra đến giữa hồ. Lý Nhân Tông ngừng mặt nhìn lên trời, thầm khấn: "Kính lạy Hoàng Thiên, kẻ xác phàm mắt thịt này đã xây 21 chùa, dựng 16 tháp, đổi hoàng hậu 6 lần, ăn nằm trước sau với 105 thị tần cung nữ, tha chém cho hơn 300 tên đầu giặc đuôi cướp làm phúc, thế mà sao không có lấy một mụn con. Nay xin phát thệ xuống tóc nếu ước nguyện nối dòng họ Lý này được chứng giám...". Trời bỗng sáng rực lên từ phương Bắc. Một chiếc thuyền câu vùn vụt lao tới khiến Thái sư Lê Văn Thịnh đi thuyền sau quát thủ hạ đề phòng, binh khí rút ra, tiếng loảng xoảng nghe rợn người. Chiếc thuyền câu đảo một vòng. Trên thuyền có ba người. Một người cúi sụp xuống, miệng thưa: "Muôn tâu Thánh Thượng,

kẻ tiện dân tình cờ biết đấng Cửu Trùng hạ giá nên đến lạy chào, kính chúc Thánh Thượng an khang!". Nhân Tông chưa đáp thì Lê Thái sư quát:

"... Không có giấy tờ đi lại mà đến tất là mang lòng tà ám, không cho chúng nó thoát, bắt lại!".

Nheo mắt nhìn xuống thuyền câu, Nhân Tông giơ tay chặn lại, giọng khoan hòa:

"Ngừng lại! Ai như Từ Đạo Hạnh, phải không?".

Lúc ấy Từ Phương trượng ngừng lên, miệng hô: "Thánh Thượng vạn, vạn tuế!". Lê Thái sư phất tay cho đám thủ hạ thu binh khí, giọng thân mật:

"Thì ra là Từ đạo lão. Từ ngày chia tay trên bến Như Nguyệt, xa mặt nhưng chẳng cách lòng, đệ luôn nhắc huynh với Thánh Thượng, nào ngờ hôm nay lại có cái duyên kỳ ngộ này!"

Từ thâm nhủ, khi ấy Lê mới chỉ là một trung úy Viện Nội Mật chuyên lo an ninh một bến sông quèn, nhưng sau hần luôn lách thế nào mà Lý tướng quân từng bình Chiêm phá Tống phải về hưu non để hần tiếp cái chức Thái

sư, quần thần từ đó chỉ còn là lũ hình nhân không tim không óc. Rập đầu xuống, Từ bầm bụng, thốt:

"Thiện tai, thiện tai. Bần tăng kính chào quan Thái sư. Vô lượng thọ Phật..."

Lê đáp lễ, hỏi: "Những ai cùng đi với Từ lão đạo đây?". Từ đáp: "Bầm Thái sư, đây là Mục Thận và Nhất Tâm, đều là đệ tử tục gia của bần tăng!". Cả hai thấy Từ nháy mắt, liền rạp đầu lạy.

Thình lình một vòng sáng xuất hiện từ phương Bắc, xoay như lốc trên mặt hồ khiến sóng nổi nhấp nhô. Lê Thái sư tái mặt quay hỏi viên phụ chính, nhưng hăn bảo việc lạ này đột xuất chứ không nằm trong kế hoạch. Chính ngọ, tiếng reo hò nổi lên. Xa xa, ba chiến thuyền buồm sơn đen lao tới. Chiếc đầu, chằng phướn đỏ, góc trái vẽ một chùm sao, bên dưới là hình chiếc búa tạ vắt chéo một cái câu liêm, hai loại khí giới có tính quần chúng ở những vùng có nhiều thợ rèn và cư dân đậm đà truyền thống văn minh lúa nước. Chiếc thuyền ở chính diện nổi trống. Một người to lớn, bệ vệ, má trái có nốt ruồi to bằng đồng chinh, sừng sững hiện ra ở đầu

mũi, đằng sau là một biểu ngữ viết chữ vàng: "Chủ Xí Sống Mãi Với Chúng Ta". Trên thuyền, đội Hồng Vệ trang phục đỏ tuyền phát cờ, hô: Tinh Tú lão tiên muôn năm. Thuyền bên phải, đội Hắc Vệ quần áo đen hò: Tinh Tú lão tiên muôn năm. Rồi thuyền bên trái, đội Bạch Vệ quần áo trắng, cũng gào lên Tinh Tú lão tiên muôn năm. Từ Phương trượng vốn đi lại võ lâm lâu năm nhận ngay ra là Đại Chưởng Môn họ Đinh ở Nam Hải đảo, sử dụng một cây đinh ba, võ nghệ thượng thừa, lại dùng Hồng Thư pháp và Tiêu Dao tán, hai loại kịch độc khiến khách giang hồ chỉ nghe mà hồn xiêu phách lạc. Pháp Hồng Thư là pháp hợp hồn, kẻ bị độc mất khả năng tư duy, bảo gì làm nấy bất kể sống chết. Còn Tiêu Dao tán là một thứ bột vô hương vô ảnh, ai hít vào thì chỉ một phút sau người nhũn ra, công lực tiêu tán. Khi đó phải dùng Hồng Thư mới có thể giải độc Tiêu Dao, nhưng thế là bị hợp hồn, tắt vong thân, thành công cụ của quyền lực họ Đinh.

Đội tiếng hò reo lắng xuống, Đinh lão tiên cất tiếng hỏi: "Thằng nào xưng đế ở An Nam quận?". Lúc ấy, Lê Thái sư

run giọng quát:

"Hỗn láo! Thấy Vua mà mắt dậy thế à? Mi chưa bao giờ nghe *Nam quốc sơn hà Nam đế cư* ư?"

Đình cười hà hà, phát tay thì những mũi câu liêm từ ba chiến thuyền phóng ra móc vào thuyền ngự của Nhân Tông, thuyền Lê Thái sư và thuyền Từ Phương trượng. Đình lão ra lệnh:

"Tìm một rẻo đất cao để ta hỏi cái bọn Nam man này, tìm cho ra ngọn ngành có sự!"

Thế là thuyền lại vùn vụt rẽ nước, cái nọ kéo cái kia, hướng phía Đông lướt đi như bay.

Đám vệ quân Hồng, Hắc, Bạch vây quanh, vua tôi Đại Việt biết lâm vào thế nên ngoại giao, tính kế tìm cách trao đổi hai bên cùng có lợi. Đình lão tiên chỉ Lê Thái sư, hỏi:

"Mi là thằng xưng Đế?"

Nhìn Nhân Tông mặt xám ngoét, Lê đáp:

"Không! Nhưng hiện tại hạ điều khiển được triều đình nước này, các hạ muốn thì tại hạ lo, ngàn vàng cũng chẳng đáng là bao!"

Bật cười ha hả, Đinh lão trề môi:

"Mi định dứt lốt ta à? Ừ, hiện ta cần cái đồng bằng sông Nhị cầm dùi, ở đảo mãi cũng chán... Hà hà, chỉ phờn nằng với tắm biển và đợi khách du lịch đi tua, ngán lắm!".

Từ Phương trượng khi đó gầm lên rồi cất tiếng:

"Hỡi Đinh lão ma, vua tôi ta sa vào tay người nhưng còn người, rồi người không lọt được lưới trời. *Tiệt nhiên định mệnh tại thiên thư*, cho nên cái hạng đức mỏng như người làm gì mà với tới được ngôi Thiên Tử... Để ra người, chỉ là loài cóc..."

Giờ đình ba lên trời, Đinh thét một tiếng lộng óc, hô hoán "Con cóc là cậu ông Trời...", tay thành linh phát chưởng đập vào đầu Từ. Nghe tiếng gió ào ào, Từ vùng thiên trượng, dùng thủ pháp tá lực, lách qua một bên, áo cà sa phồng gió căng như một cánh buồm. Đinh gầm gừ:

"Khá khen cho thằng trọc, võ công mi cũng vào loại khá đấy. Ta hỏi, mi là đồ đệ chùa Thiếu Lâm hay Tung Sơn?".

Chưa dứt lời, bất ngờ Đinh chĩa đình

ba ra đánh ngón Sát Ngư thủy phục, thường sử dụng đâm cá hồi trên biển khi chúng cắn lên sóng vào mùa đẻ trứng. Từ lùi một bước, rồi tiến ba bước, tay xòe ra dùng Cầm Nã thủ bắt ba mũi đinh ba. Cười nhạt, Đinh hô "Biến!" thì ba mũi đinh ba thành ba con rắn hổ mang cong cổ, thở phì phì, lưỡi thụt ra thụt vào, nhe răng nhắm cổ tay Từ mỗ. Không kịp ứng phó, Từ buột miệng than, mệnh ta tuyệt rồi chẳng...

NĂM

Tiếng than của Từ Phương trượng chưa dứt, một ánh quang xanh biếc lóe lên chém xuống như sét đánh. Ba tiếng choeng choeng rền rĩ, Đinh lão thẳng thốt rú:

"Ta mất cha nó ba cái đầu đinh ba rồi!"

Ngay cạnh Từ Phương trượng, một tráng sĩ mặt bịt bằng vải đen, chỉ cặp mắt sáng quắc lộ ra, tay thu kiếm bỏ vào vỏ trong một sát na, thủ pháp nhanh hơn ánh sáng. Đinh lão vút cây đinh ba xuống đất, nhìn hổ khẩu mình toạc ra, thầm sợ kinh lực của kẻ vừa xuất hiện. Lấy lại bình tĩnh, Đinh lão rút cây nhuyễn tiên giắt lưng, giọng xuống một ốc-ta, khen:

"Hảo kiếm pháp, hảo kiếm pháp..."

Danh tính tại hạ là gì? Cớ sao lại dây vào chuyện tanh hôi chốn giang hồ?"

"Ta là Độc Cô Cầu Bại núi Tung Sơn đây. Tay chỉ Từ Phương trượng, tráng sĩ tiếp - thấy vị này đã nường cửa Phật mà mi còn hà hiếp nên ta phải ra tay cứu. Có phải mi chính là Đinh Xuân Đông, truyền thừa của Đinh Xuân Thu trưởng môn phái Tinh Tú không?"

"Đúng thế. Sư phụ ta là dương thế này ba năm nay..."

"Ta lại nghe mi là kẻ ám toán Sư phụ mi bằng Tiêu Dao tán mà mi học mót được Đệ Tứ ác là Cùng Hung Cực Ác, đúng không?"

Đinh chợt dạ. Tội gì chứ tội phản sư diệt tổ là tội không ai, kể cả chính lẫn tà, trong giang hồ khoan thứ. Nuốt nước bọt, Đinh lấy giọng khoan thai:

"Bọn mồm mắt tôm trong võ lâm thì thiếu gì. Các hạ nghe chúng thì là ăn lúa giống đấy. Chuyện ta được sư phụ truyền chức chưởng môn, thiên hạ ai chẳng biết. Phải không?"

Tức thì ba đội Hồng, Hắc và Bạch vệ đồng thanh:

"Phải rồi! Tinh Tú Đinh lão tiên muôn

năm!"

Tráng sĩ đưa tay lên miệng huýt gió. Một con ngựa bạch xông ra, trên lưng ngựa một đồng bầu nhầy cọ quây. Ngựa hí lên tung vó, đồng bầu nhầy rơi xuống đất nghe đến bịch, chửi:

"Bá ngọ mày Bạch Thần mã, tao mà chết thì chó nó cắn cổ cung phụng mày!"

Tráng sĩ thu hai tay vào bụng, tạo ra hấp lực kéo đồng bầu nhầy tới gần, rồi vòng tay đẩy tới. Bầu-nhầy đến trước mặt Đinh lão, ngẩng lên rồi hoảng hốt thối lui ba bước, định chạy. Tráng sĩ vận kinh lực dùng phép Cách Không Lưu Vũ giữ Bầu-nhầy lại, hát hàm:

"Lão ma, người chưa nhận ra người này là ai à? Đây chính là AQ, sư đệ người, chẳng lẽ có mười năm mà người đã quên sạch nghĩa sư môn sao?"

Khi ấy AQ mới nhìn ra Đinh lão ma, lông lên:

"A, ra là thằng phản thầy diệt tổ này. Mi hạ thủ cho ta thân tàn ma dại, mất hết khí lực đến cắn cổ cho ngựa ăn cũng chẳng nên thân! Ta định chết thì gặp Chí Phèo làng Vũ Đại, dạy ta phép

Vạ Thực Cấu Diện mà cào mặt ăn vạ. Ta học cả thảng nhưng không thành đại công, thôi phép trả thù trong tưởng tượng, tính nhịn đói để qua thế giới bên kia diện đoàn tụ với Lệnh sư thì gặp được tráng sĩ đây. Nghe xong chuyện, tráng sĩ hứa giúp ta đi trả thù cho Lệnh sư bị người ám hại..."

Đinh lão quát: "Im miệng! Đừng nói bậy...". Thành linh một tay vận mười thành công lực xuất chưởng đánh thẳng vào huyết Bách Hội của AQ, tay kia Đinh quật nhuyễn tiên vào thanh kiếm Độc Cô Cầu Bại vừa rút ra. Nhìn thế công bất ngờ này, Từ Phương trượng chỉ kịp đảo mình nhắm cặp giò họ Đinh quét thiên trượng theo thế Trảm Sà Thủ khiến hấn phải nảy lên cao tám trượng, thu nhuyễn tiên lại, miệng chửi: "Hai đánh một chẳng chột cũng què, không biết xấu!"

Đầu AQ vỡ vụn, óc phòi ra trắng hếu, chân tay vẫn tiếp tục co giật thấy mà kinh. Độc Cô Cầu Bại lửa giận phùng phùng, quát: "Giết người để nhem tiếng, tội ác của mi chất chồng, ta không thể bỏ qua được! Ác giả ác báo! Coi kiếm của ta đây..."

Bay lên như chim ưng, Độc Cô uốn mình lộn vòng, kiếm khí phát thành tiếng xì xì, nhắm Đỉnh đầu của Đinh lão chụp xuống một cái lưới làm bằng ánh quang sắc tía. Đinh lão rú lên, chân điểm xuống đất nhưng thân chưa cất lên thì lại phải hạ xuống, cây nhuyễn tiên lượn trên đầu chỉ mong thủ, mỗi lúc một chậm chạp, phần thua coi như trước mắt. Trong khi Đinh lão lùi dần, đám vệ quân nhao nhao: "Đã bảo mà, Đinh chưởng môn thân công cái thế, tiểu tử không chịu quỳ xuống thì chỉ có tán mạng. Tinh Tú muôn năm, muôn năm...".

Đánh được ba khắc, thành linh Đinh lão lặn ra đất, tay áo phát một luồng kinh lực lạnh ngắt. Độc Cô cười ha hả, rút khăn bịt mặt ra phẩy liên tiếp về phía đám vệ quân của phái Tinh Tú, phẩy đến đâu thì chúng nhũn người ngồi xếp xuống hoặc ngã bổ chửng ra, kêu khóc văng lên. Độc Cô quát:

"Lão ma thu Tiêu Dao tán lại đi, đừng giết đệ tử như vậy nữa". Đinh lão tái mặt rút tay áo, lại nghe Độc Cô cười, bảo: "Cái phép đánh bằng Tiêu Dao độc tán vô ảnh vô hương bây giờ người ta

dậy cách chống ngay trong những lớp bồ túc văn hoá cấp 3, hay ho gì mà thi thố. Coi đây!"

Vừa nói, Độc Cô ném kiếm lên trời, lưỡi kiếm không rơi thẳng mà lại đảo một vòng rồi ngòng ngoèo như rắn vẫy bọc chụp xuống. Đinh lão cảm thấy một áp lực nặng như núi ập lên đầu, vận công đẩy lên, hai chân lún sâu vào đất, cứ một, rồi hai, rồi ba tấc như sắp bị chôn sống. Lão thét lên, mồm thổi một cục đờm màu xanh vào mặt Độc Cô, mùi thối bốc lên khiến ai nấy bịt mũi. Bị đánh ám khí bất ngờ, Độc Cô buộc phải thu kiếm, nhảy sang một bên tránh. Lúc bấy giờ, Đinh lão đã vận dụng gần hết công lực, thở hổn hển, giờ tay như xin thua.

Chợt có tiếng trẻ khóc ré lên, rồi tiếng ru the thé: "*Con ơi con ngủ đi con. Để mẹ đuổi bọn lon ton làm hề...*"

Từ Phương trượng tái mặt, lẩm nhẩm: "Thế là Nhị ác họ Diệp tái xuất giang hồ. Phen này không biết cát hung ra sao..."

*

* *

Thiếu phụ trang phục trắng toát, ngoại hình rất chuẩn theo tiêu chí những cuộc thi hoa hậu, chỉ lạ là mặt một nửa trẻ măng như độ trắng tròn, nửa kia da lại nhăn nheo như một lão bà tuổi thất thập. Ghé răng cắn cổ đứa trẻ hút máu, Diệp Nhị nương nhắm mắt, miệng loe loét đỏ, hút xong một ngụm rồi dõ:

"Con mẹ ngoan, vì cái bọn chó heo này mẹ mới phải thế. Sau, nghỉ dưỡng nửa tháng thì con sẽ hồi sức thôi..."

Đứa bé không còn sức khóc, lả trong tay Diệp như một chiếc lá. Hút máu là bước sửa soạn Huyết Công tuyệt kỹ, gốc gác từ bên xứ Ba La Tư, chương âm hàn đánh ra có thể khiến máu địch thủ đông lại tức khắc, tác dụng chẳng thua gì Cửu Âm Chân Kinh chương pháp nổi tiếng võ lâm. Diệp Nhị nương đứng thứ nhì trong tứ ác. Đệ nhất ác là Thái tử Đoàn Diên Khánh nước Đại Lý, võ công quái dị, hai chân bị liệt nên di chuyển bằng tay nhưng còn nhanh hơn beo hổ. Đệ tam ác, tên Nam Hải Ngạc Thần, công lực còn đứng trên Tinh Tú Đình lão chương môn một mức, học được cả Hàm Mô công của Tây độc Âu

Dương Phong lần phép Sư Tử hồng của Tạ Tốn Đại Hiệp, oai lực xô núi đẩy biển. Đệ tứ ác, nhân vật chỉ nhắc đến tên là phụ nữ nhà nhà đóng cửa. Y cần cái ấy một ngày đến bấy bận, không được thì cương cứng đến phát khùng, lý do là hệ điều tiết hóc-môn trực trực bẩm sinh. Y có chữa chạy với Hoa Đà, vị danh y này cũng bó tay, đề nghị cắt bỏ nhưng bệnh nhân không chịu. Thường, tứ ác đi đâu có nhau, trừ Đệ tứ ác thường xuyên tạm vắng vì lý do bệnh lý.

Diệp Nhị nương vẫy Đinh lão, mắng: "Thấy cô nương mà không đến lạy chào thì ta nọc ra đánh cho biết thế nào là lễ độ, nghe chưa!" Thật lạ, Đinh lú rú cúi đầu vái ba vái. Quay sang Độc Cô Cầu Bại, kẻ chỉ mong có người đánh bại mình, Diệp cao giọng:

"Mi quả thật lớn lối, võ nghệ chỉ thế mà ngông nghênh tự cho mình một cái tên thật... là cao ngạo. Rút kiếm ra ta chỉ điểm võ công cho!"

Thoáng một cái, Diệp Nhị nương lạng mình đến bên Độc Cô, tay đưa ra tát yêu, miệng nở một nụ cười duyên dáng. Độc Cô cúi đầu, cảm thấy má

mình lạnh ngắt, biết âm kinh của đối phương vào hạng nhất nhì giang hồ. Rùng mình, tay phải hoành kiếm, tay trái bấm vào huyết Dương Hoa điều khiển thân nhiệt, Độc Cô lùi ba bước. Thành linh, một tiếng khoan hoà cất lên, âm lượng nhỏ nhưng xoáy vào tai, nghe như tiếng muỗi:

"Thí chủ ngừng tay ngay, chớ mạnh động!"

Mọi người ngừng lên nhìn. Một nhà sư áo nâu đến tự lúc nào mà không ai hay, đứng trên mô đất cao, tay lần tràng, mắt nhắm nghiền, lông mi bạc thếch rủ xuống như hai con rết. Độc Cô Cầu Bại reo lên:

"Huyền Từ Vô Thượng Sư, thật duyên hạnh cho tiểu tử được diện kiến, xin nhận một lộ này".

Mở mắt nhìn, Huyền bước sang một bước tránh cái lộ, từ tốn: "Đại hiệp khách khí làm gì!". Đảo nhìn một lượt, Huyền Từ vái Lý Nhân Tông, giọng cung kính:

"Ngài là Vua nước Nam, xin cẩn trọng giữ mình, nuôi rắn trong tay áo thì nguy lắm!"

Nói xong Đại sư nhìn vào mắt Thái sư Lê Văn Thịnh, chặc lưỡi ngửa mặt nói trống không: "Cầm tinh con cọp mà lòng dạ con heo, tiếc thay, tiếc thay!".

Khi đó, Diên Khánh và Nam Hải Ngạc Thần khinh công đáp xuống. Diệp Nhị nương ré lên:

"Đại ca, tam đệ... Lại cái thằng thầy chùa này đến phá bình..."

Chưa dứt lời, hai người y phục mầu chàm cũng từ trên mây rơi xuống như hai chiếc lá. Một người râu quai nón nói sang sảng:

"Côn Luân nhị hiệp kính chào Huyền Từ Đại Sư và Độc Cô Cầu Bại đại hiệp! Thế này thì bên tà có bốn, bên chính cũng bốn, giao đấu thế nào xin Đại Sư chỉ giáo..."

Nhị hiệp núi Côn Luân danh trấn giang hồ hai chục năm nay, chuyên dùng đao, thường đánh theo phép xa luân chiến, trận mạc kể hàng trăm mà chưa lần nào thua, nổi tiếng là chính trực và cơ trí. Huyền Từ và Độc Cô đáp lễ. Lúc bấy giờ, Nam Hải Ngạc Thần người cao tám trượng, mặt mũi sần sùi, bắp tay bắp chân cuộn cuộn như sắt

nguội, cười lên ha hả:

"Vậy là hai vị núi Côn Luân quên mất thằng đầu trọc tay xách thiên trượng kia ư. Nó lại mang theo hai thằng đệ tử, tay chân múa máy cũng có vẻ là con nhà võ. Bốn chống bốn là thế ư?"

Từ Phương trượng đáp, giọng bình thản:

"Vậy thì đám Hồng Vệ, Hắc Vệ, Bạch Vệ của Tinh Tú lão ma sờ sờ ra đấy mà thí chủ không tính ư?"

Diệp Nhị nương ngắt, khích bác:

"Chuyện nước Nam chúng bay, không có người nước Nam lo mà lại phải cầu xin người phương Bắc chúng ta ra tay hộ, không biết nhục à?"

Xách thiên trượng lên, Từ tính nhảy ra nhưng Huyền Từ nắm áo giật lại. Nam Hải Ngạc Thần vênh vang ra đứng giữa vạt đất bằng, miệng nhếch lên kiêu ngạo, quát:

"An Nam chúng bay chỉ là thổ cáo hay sao? Đứa nào giỏi ra đây!"

Từ lại định nhảy ra nhưng Huyền Từ vẫn nắm lại, nói nhỏ vào tai: "Suờ đệ nghe ta. Mi mệnh mộc, nó mệnh hỏa nên mi ra là chết cháy, không được!".

Diệp Nhị nương khinh khỉnh:

"Thế mà rao *Nam quốc sơn hà Nam đế cư*, thật một lũ mặt dày!"

Không nhịn nhục được nữa, bất ngờ Nhất Tâm xông ra. Từ vội vàng thừa với Huyền Từ:

"Bẩm Sư huynh, Nhất Tâm mới học võ công có bốn buổi, chỉ biết đúng ba miếng Đả Cầu và ngón võ Lăng Ba, chống thế nào được?"

Nheo mắt, Huyền Từ ngắm Nhất Tâm. Vòng tay áo cà sa, Huyền Từ dùng kinh lực kéo Nhất Tâm về phía mình, miệng nói lớn: "Thí chủ đánh trận đầu, để ta nhả nhủ đôi lời...". Khi Nhất Tâm đến cạnh, Huyền Từ thì thảo vào tai.

Ngoảnh lại nhìn Thái tử Diên Khánh, Huyền Từ từ tốn:

"Thái tử và ta không nên động thủ, cứ để bọn trẻ nó vờn nhau cho vui. Hai ta làm trọng tài, ai đánh mà chạy khỏi cái vòng tròn hai ta vạch ra là thua, chỉ cần đánh một trận để bớt hao tổn chân khí. Thái tử nghĩ thế nào?"

Diên Khánh biết động thủ thì tất Huyền Từ là địch thủ, phần thắng chẳng thể chắc được. Về phần Diệp

Nhị nương, chắc chắn Côn Luân nhị hiệp ứng chiến, cũng không biết cơ sự sẽ ra sao. Còn Tinh Tú lão ma, qua vài ngón thủ tài vừa rồi hẳn dưới tay Độc Cô Cầu Bại một mức, thua không tránh được. Nhìn Nhất Tâm, Diên Khánh tự nhủ, thằng bé con này dầu có học võ từ lúc lọt lòng thì cũng chỉ một cái đập của Ngạc Thần là thừa sức đưa nó về đoàn tụ gia đình với ông bà ông vải. Không nói không rằng, Diên Khánh tót lên không, tay chống một cây thiết cương, quay người xoay đi, mặt đất cây lên nửa vòng tròn bán kính đúng năm thước. Huyền Từ, miệng nói "Đa tạ, đa tạ", tay phát lên, kinh lực cắm xuống mặt đất vẽ tiếp nửa vòng tròn còn lại. Từ Phương trượng mặt tái ngoét, nắm tay dận Nhất Tâm, đánh không được thì chạy vòng, rồi dùng phép Đả Thị Cầu chứ đừng phân tâm đánh ngón khác. Huyền Từ giọng độ lượng, nói nhỏ: "Thí chủ mệnh Thủy, ắt đập được Hỏa, nhưng tập trung vào phép chạy..."

Nam Hải Ngạc Thần chân dậm xuống đất thành những vết sâu cả tấc, tay vùng ngang đầu, hét tướng lên:

"Dặn dò gì mà lâu thế hả thằng nhãi ranh miệng còn hơi sữa. Ông nội mày chờ, ra đây lấy, ông tha cho".

Nhất Tâm run lên như cây sậy, không kìm được nổi kinh khiếp khiến răng đánh vào nhau nghe lập cập. Huyền Từ phát chưởng đẩy. Nhất Tâm chân không chạm đất, bay là là ra, tay cầm bồng Đả Cầu không chặt. Vừa đặt chân xuống, Ngạc Thần tức thì bay lại phóng Phi Hoàn Quỷ Cước ra một lúc tám thế đá vây bủa đối phương, bụi cát bốc lên mờ mịt. Huyền Từ quát:

"Chó cắn, chạy đi!"

Nhập tâm phép Lăng Ba Vi Bộ, Nhất Tâm bước ba bộ bên trái, tiến tới bốn bộ, rồi quay sang bước bảy bước bên phải theo phép tính của Phục Hi. Ngạc Thần thét lên rồi chuyển bộ pháp dùng Cẩm Nã chiêu dương pháp tóm lấy ngực Nhất Tâm. Thoắt một cái, Nhất Tâm lạng sang phải, Ngạc Thần lấy chân ngáng, nhưng Tâm đã vòng đến trước mặt song vì hải quá nên nhắm nghiền mắt lại. Cứ thế, một đánh một chạy cho đến khi Huyền Từ quát, đánh chó cứ đánh vào đuôi thì Nhất Tâm phạng một phạng, Ngạc Thần rú lên, nhưng lại thấy kình

lực gần như không có gì. Nhảy ra xa, Ngạc Thần hỏi:

"Cớ sao mi lại phỉ bụy chứ không thực sự đánh ta?"

Bất ngờ, Nhất Tâm còn ăm ứ chưa trả lời thì Huyền Từ thốt:

"Bần tăng dặn tiểu tử rằng thiện căn ở tại lòng ta, chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài, tha người thì được tha, đánh người thì rồi có ngày người đánh, ân oán sẽ chập chùng!"

Bỗng Ngạc Thần như chợt nhớ lại điều gì, thất thanh:

"Có phải các hạ dùng phép Lăng Ba Vi Bộ không?"

Nhất Tâm vừa gật thì Ngạc Thần quỳ xuống:

"Nếu các hạ là Đoàn Dự thì cho đệ tử lạy một lạy cho đúng nghĩa thầy trò. Còn nếu như các hạ là đệ tử Đoàn Dự thì ta là anh em huynh đệ đồng môn, lẽ gì lại đi đánh lẫn nhau!"

Nói xong Ngạc Thần tung mình lên cao chạy biến đi như một vệt khói.

*

* *

Sự việc đến đây đã rõ, trừ chi tiết sau. Biết Nhân Tông có thể bị ám hại, Từ Phương trượng cầu cứu với sư huynh là Huyền Từ Vô Thượng Sư. Phần Lê Văn Thịnh, Thái sư đã liên lạc với Tinh Tú lão ma, thúc cho vị chưởng môn họ Đinh tập kích thuyền ngự trên hồ Dâm Đàm. Tinh Tú lão ma bàn với Nam Hải Ngạc Thần, toan tính chiếm Đại Việt làm kế lâu dài vì địa thế nằm trên đường giao lưu nối Trung Quốc với khối Đông Nam Á và Ấn Độ nên khá chiến lược trong phát triển kinh tế toàn cầu. Nhưng sức cô, Ngạc Thần thỉnh Đoàn Diên Khánh nước Đại Lý vốn sát Đại Việt hiện vẫn còn lang bang chưa đoạt lại ngôi vương bị anh em Đoàn Chính Thuần tiếm mất. Qua Tiểu Hằng, Từ báo rằng đám tà đạo khá đông, Huyền Từ tức tốc mời Côn Luân nhị hiệp. Hai vị này đang luận võ công với Độc Cô Cầu Bại, nhân tiện liền rủ cùng đi hành hiệp. Để đối phó với đám vệ quân Tinh Tú, Từ đã gọi đệ tử là Mục Thận, có phép La Vọng thần công, quăng lưới một lúc bắt được hàng trăm con cá hồi, thị trường tiêu thụ chính là Phù Tang hải quốc có tục ăn cá sống sashimi.

Còn sở dĩ Từ dạy võ cho Nhất Tâm là vì đã định giao cho Nhất Tâm nhiệm vụ hộ giá, chứ có ngờ đâu vì tự ái dân tộc mà Nhất Tâm xông ra đối đầu với Nam Hải Ngạc Thần danh chấn võ lâm. May, vì thanh niên ngờ nghệch này chẳng biết đối phương là ai. Và nhất là vì chàng dùng phép Vi Ba Lăng Bộ thì Ngạc Thần cứ ngỡ chàng là Đoàn Dự mà hấn buộc phải bái làm thầy như truyện kể trong *Lục Mạch Thần Kiếm* của đại văn hào Kim Dung.

Lại nói sau khi Ngạc Thần chạy thì Diên Khánh chẳng nói chẳng rằng cũng vọt mình lên ngọn cây, để lại một tiếng cười gằn. Diệp Nhị nương phi thân bám sau, biết nay không làm gì được. Chỉ còn Tinh Tú lão ma, hấn bần thần nhìn Lê Văn Thịnh, vẫy tay chào trước khi hò đệ tử lên thuyền. Thịnh lơ đi nhưng Thần Tông đã thấy rõ đầu mối vụ việc phục kích này, lạnh lùng ra lệnh chèo về. Ra đến giữa hồ, trời bỗng mù mây, gió ù ù thốc khiến đàn quạ đập cánh bay lên nháo nhác. Biết việc đã bại lộ, Thịnh làm liều, rút đoản kiếm nhẩy qua thuyền Vua. Bất thành linh, ai nấy thấy một con cộp lông vàng giờ móng vuốt

vô Thần Tông. Nhất Tâm vội xoay bỗng điểm vào mõm cộp theo chiêu thức Đả Dã cầu, miệng la oai oái. Từ Phương trượng chưa kịp hành động thì Mục Thận quăng lưới. Cộp vùng vẫy, nhưng không sao gỡ ra được, thở khò khè mặc cho Nhất Tâm cứ nhè dít mà đánh đến cả trăm hèo. Lát sau, có tiếng người thốt lên: "Thôi, đừng đánh nữa, tôi đau quá rồi!". Trong lưới cá, Thái sư Lê Văn Thịnh nằm chèo queo, tay ôm mặt, tay ôm dít. Chuyện này được ghi trong *Đại Việt Sử ký toàn thư*, nói rõ Vua tha tội chết cho Thịnh, đánh xuống làm thứ dân, đẩy lên trại Thao Giang. Còn Mục Thận thì được Vua ban cho đất Tây Hồ làm thực ấp. Sử thần Ngô Sĩ Liên đời sau bàn: *Kể làm tội (phạm tội) thối quân cướp ngôi mà được miễn tội chết, thế là sai trong việc hình, lỗi ở Vua tin sùng đạo Phật.*

Nay nói về Từ Phương trượng và Nhất Tâm. Về đến Kinh, Vua hỏi muốn thưởng gì thì Từ quỳ xuống xin cho xây một ngôi chùa lấy tên là Phật Tích, đời ghi đức giáo hoá lẽ sắc - không của đức Thích Ca Mâu Ni. Về phần Nhất Tâm, chàng chỉ xin đưa chàng đi Đào

Xá. Vua thấy lạ gặng hỏi nhưng chàng đỏ mặt lên cười bẽn lẽn.

Từ Phương trượng tiến Nhất Tâm đến Gia Lâm thì dừng chân, nói:

"Vui duyên mới chớ quên nhiệm vụ nhé!"

Nhất Tâm ngạc nhiên hỏi: "Nhiệm vụ gì, thưa Sư phụ?". Từ nhắc:

"Thì đi tìm cái vật Bảo Quốc Hộ Dân ấy, quên rồi à!"

Nhất Tâm ứa nước mắt, ôm lấy chân thầy. Đỡ đệ tử lên, Từ thì thào:

"Có thể vật ấy ở đáy núi Nùng, nơi thông ra sông Nhị. Nó mang hình dạng cái chày thọc vào cối, tức là Nỗn-Nường trong truyền thống phồn thực. Ta nghe thời Bắc thuộc Cao Biền chôn vật đó để trấn yểm dân khí An Nam, khiến trong đất nước này người người tham lam, nhà nhà gian dối, ai nấy lo no cơm ấm cật cho mình chứ chẳng thèm biết đến người khác, đời đời kiếp kiếp cãi cọ tranh giành đánh đấm lẫn nhau. Lấy được Nỗn-Nường, con tể trời đất rồi khiến cho âm thuận dương hòa, diệt mầm làm con dân Đại Việt không mở mày mở mặt ra được! Nhưng muốn

âm thuận dương hòa thì phải đến núi Nà Mèo gần Mường Lát ở Hòa Bình - Từ ghé vào tai Nhất Tâm -... và làm thế này, thế này..."

Nhất Tâm lĩnh ý thầy, lấy tạ rồi nhảy lên con ngựa trắng Vua ban, ra roi chạy về phương Nam.

*

* *

Tiểu-quý không dẫn được nữa, nói thẳng:

"Tưởng anh vì cái vật Bảo Quốc Hộ Dân, rủ đi dò hỏi, nhưng suốt thời gian về đây anh chạy qua Bát Tràng xem cái khả năng xuất đồ gốm bán sang Âu Châu, lại rằng dò hỏi thì có thể rầy rà mang tội danh gián điệp..."

Rậm-ria tái mặt, nhưng bình tĩnh đáp:

"Bạn biết không, bây giờ khác thời cấm chợ ngăn sông, ta đã mở ra hội nhập với cả thế giới. Thế thì, xuất khẩu lấy ngoại tệ là cần lắm chứ. Với lại tôi tìm gốm Bát Tràng vì đó là sản phẩm truyền thống, chắc chắn sẽ làm vẻ vang cho văn hóa ta, đâu phải chuyện thường!"

"Tiệm ăn đóng cửa, anh kẹt không biết xoay xử thế nào nên mới vẽ chuyện ra chứ đừng nói kiểu vẹt là làm giàu tức yêu nước, đúng theo khẩu hiệu dân giàu nước mạnh. Về đây, anh thấy anh em họ hàng ai cũng bán nhà trong phố cổ lấy cả năm ba trăm cây vàng, anh mới tiếc, anh nghĩ anh xưa vượt biên là một lầm lẫn... Bây giờ, cái gì trong nước cũng tốt, cũng đẹp. Cha mẹ thì tảo tần găm hầu bao đợi ngày Việt Nam lên sàn thị trường chứng khoán, con em thì học đến mù người ra, ngày không dưới 10 giờ, học trường rồi đi học bổ túc, để hướng tới tương lai... Anh có biết hôm qua vụ nổ ở Hồ Tây là do dân oan "khiếu kiện đông người" không? Hiện nay, mỗi năm như vậy trung bình có 200.000 vụ đòi nhà đòi đất, đòi cả năm mười năm mà chính quyền lơ đi trong khi một ngàn năm trước, Lý Thái Tông cho phép người khiếu kiện có quyền gõ mõ vào chuông cung Vua, và xử thì chỉ trong 10 ngày là giải quyết! Xã hội công bình sống theo nếp sống văn minh ở đâu?"

Rậm-ria bị Tiểu-quý dập pháo liên tục, ngạc nhiên nhưng lấy vẻ mặt

nghiêm và buồn, chép miệng:

"Thời kỳ quá độ, chỗ nào chẳng vậy! Chuyện ba chúng ta về đây, làm sao tôi quên được, nhưng phải chờ Lơ-mơ có mặt, mà hần thì thế là 5 ngày nay trốn biệt chẳng hiểu ở đâu! Còn chuyện phê phán xã hội, bạn cứ chờ, chúng ta sẽ làm cho ra lẽ..."

Một chiếc Honda ghé vào lề. Người ngồi trên vẫy Rậm-ria, ới:

"Doanh nhân yêu nước ơi! Lên ngồi sau ngay, ta đi, trễ giờ đến nơi rồi!"

Nhẩy lên xe, Rậm-ria hẹn về ăn trưa. Tiểu-quỷ trề môi:

"Chắc đàn anh lại sang Bát Tràng làm cái việc vẽ vang cho văn hoá ta chứ gì!"

*

* *

Nhất Tâm cầm một bó nhang, vái ba vái, rồi phủ phục trước năm mộ trên cầm một cái bia đá khắc chữ ngoằn ngoèo. Trống bán khai thuở nguyên sơ lấp ló e thẹn sau những đám mây bạc lớn vờn vờn quanh chọc ghẹo. Không kìm được, chàng nức nở buột miệng:

"Ta đến đây nhưng nàng nay đâu?"

Gào tên nàng đến rách họng ở Dâm Đàm, rồi trải qua một cuộc phân tranh chính-tà khiến mạng ta tưởng đã đến chỗ tuyệt, ta mới biết nàng ở Đào Xá. Nhưng, thật đau đớn cho ta, năm mỗ này là nơi nàng vui xác tục để hồn phiêu diêu về chốn Niết Bàn... Đào Hạ Trang nàng hỡi, mối tình này thác xuống tuyền đài cũng chẳng thể nào tan..."

Nhất Tâm đập đầu vào thành mộ, máu toé ra có vôi. Thiếu nữ quỳ đằng sau nhẩy xổ lại lôi áo, miệng hốt hoảng:

"Công tử, chớ liều mình, mệnh hệ có thể nào là liên lụy đến cả làng Tiện nữ!"

Đó là Đào Nhí, người gặp Nhất Tâm chiều hôm nay. Nghe Nhất Tâm hớn hử hỏi: "Cho tôi hỏi cô Đào Hạ Trang, người làng bảo nhà ở đây!", Đào Nhí ngạc nhiên: "Dạ đúng, nhưng bà cô tổ dòng họ Đào chúng tôi đã mất từ đầu triều Lý Thái Tông rồi!". Nhất Tâm tưởng mình bị lừa, cười: "Cô nương đùa? Tôi mới được đức Vua Lý Nhân Tông, cháu gọi Thái Tông bằng ông, cho con ngựa trắng này hôm qua để đi đến đây..."

Đào Nhí, mặt nghiêm trang, vòng tay ngắt: "Công tử chê chúng tôi là người cây sâu cuốc bẫm, nhưng dầu ngu hèn đến đâu chúng tôi cũng biết năm nay là năm Nhâm Tý, Thiên Thuận năm thứ năm tức năm 1132 sau Công nguyên. Ngày sinh nhật vua Lý Thần Tông được 17 tuổi, Vua vừa ban chiếu báo rỗng vàng từ điện Vĩnh Quang bay ra cung Lệ Quang, miễn sưu thuế cho toàn dân một năm...". Nhớ đến lời Từ Phương trượng báo sẽ trút xác để nhập vào Dương Hoán lên làm Vua, Nhất Tâm vội vã: "Có phải Thần Tông kế vị Nhân Tông không, thừa cô nương...". Nhìn Đào Nhí gật đầu, Nhất Tâm tính nhẩm rồi thốt: "Ta đi từ sáng, chiều đến đây nhưng thế mà lại mất đến trên 17 năm...". Thất thanh kêu: "Thế Đào Hạ Trang đâu?". Nhìn Đào Nhí lắc đầu, Nhất Tâm ngã vật xuống đất, nằm hôn mê cho đến đêm. Khi tỉnh dậy, Đào Nhí báo bà cô tổ họ Đào nổi tiếng ca ngâm từ thời Lý Thái Tổ đã quy tiên được 133 năm rồi. Nước mắt đầm đìa, Nhất Tâm khẩn khoản xin Đào Nhí đưa mình ra viếng mộ. Không ngờ người đàn ông đa tình này liệu mình đập đầu quyên sinh, Đào Nhí lấy lá nhai ra đắp vào trán rách

toạc một đường, nắm quần Nhất Tâm, giọng run run: "Công tử chờ đợi, Tiệp nữ xin lấy thân này đền duyên cho bà cô tổ, chứ nói đợi công tử chết thì... thì...". Bất chợt, có tiếng cười, rồi tiếng hát lạnh lót vẳng lại từ trăm năm trước:

Yêu nhau, cõi yếm í à cho nhau

*Về nhà đối cha đối mẹ, đối rằng ơ à
qua cầu mà gió bay, í a...*

*

* *

Rậm-ria và Tiểu-quỷ nhảy nhồm lên reo khi Lơ-mơ lẳng tử thò mặt vào quán phở Thìn. Kéo Lơ-mơ ngồi xuống, Tiểu-quỷ ngạc nhiên hỏi:

"Ủa, ăn mặc thế này? Anh làm thầy chùa từ khi nào vậy?"

Dựa cây Đả Cầu bồng vào chân bàn, Lơ-mơ nhỏ giọng:

"Từ thời Lý, chuyện ngàn năm nay, tìm chỗ vắng vẻ tôi sẽ từ từ thuật lại cho các bạn, thế không giấu diếm gì cả. Vả lại...". Lơ-mơ nhìn khách ăn phở xung quanh, im bật.

Ba người kéo nhau ra ngồi trên ghế đá bắc dưới cây đại thụ rễ sần sùi trườn lên khỏi mặt đất cạnh đền Ngọc Sơn.

Tiểu-quỷ vừa châm thuốc, hút chưa được một hơi thì tiếng xe bình bịch chí ít cũng cỡ 300 phân khối đập vào màng nhĩ chói chang. Có tiếng cười ngạo nghễ: "Ba anh giai đi bụi...".

Lời chưa dứt, xe đã vọt qua, đen trùi trùi như một con ngựa không cương hóa đại lồng lên. Rậm-ria lắc đầu:

"Dân Hà Nội nay giàu, ăn chơi cũng hạng nhất!"

Quay đi ngoảnh lại, chàng ky mã cười chiếc xe đã sáp lại:

"Một vòng Bồ Hồ, mất đúng 3 phút 26 giây, anh giai nghĩ thế nào? Thi quốc tế được chứ?"

Tiểu-quỷ ngắm thanh niên thân cao mười thước, vai ngang tám tấc, tay dài như tay vượn, mặt vuông vắn chữ điền, nhếch miệng cười thiện cảm, ỏn ẻn:

"Quá được! Nhanh hơn cả công an giao thông. Con xích thố này mua đâu mà giống tốt thế?"

"Khá khen kẻ mắt xanh nhìn ra ngựa quý. Mượn của Vân Trường làm dăm ba phi vụ, nhưng nếu anh giai muốn, thương lượng thuận mua vừa bán thì cũng có thể để cho anh giai dùng..."

Rậm-ria chen vào:

"Phi vụ gì mà cần ngựa tốt thế này?"

"Chẳng nói giấu gì ba anh, kẻ hèn này kinh doanh với thương hiệu "Ân Trử Oán Đền", tiền trao thì bảo đảm giao hàng trong ba ngày. Bảng giá như sau. Chém chân hoặc tay phải: 300.000\$, Chân hoặc tay trái: 200.000\$. Thanh toán phần xác, bằng dao: 2.000.000\$, bằng súng: 1.500.000\$. Tạt acid (vào mặt để đánh ghen): 1.000.000\$... Công ty có giá khuyến mại vào dịp Tết, Giáng sinh và ngày lễ Độc lập... Các anh có cần dịch vụ nào không?"

Trời bỗng tối sầm xuống. Thanh niên một tay che mắt, tay kia chỉ lên không, mồm nói:

"Anh giai xem gấu đang gặm mặt trời kìa!"

Quả thế, một chóm đen như mồm chó lấn vào vòng sáng khiến mặt trời lặn đi, lát sau chỉ còn là một lưỡi liềm có viền sáng như lửa bắt quanh. Bóng tối ngay giữa ban ngày khiến chim chóc chúm chít nháo nhác, gà hoảng hốt o e, chó tru lên từng hồi tựa chừng hóa dại. Thế gian chìm vào một chầu mực tím khổng lồ. Tiếng ngựa hí. Tiếng

quát: "Chẫu, chẫu". Ba người nín vào nhau. Lơ-mơ bảo: "Đừng buông tay ra, kéo lại!".

Gấu ăn no, nhả dần con mồi. Mặt trời ló dạng, thiên nhiên như lột xác nhưng lơ ngơ như một đứa bé dở người đang lớn. Tiểu-quỷ chột rú lên: "Tháp gương biến đâu mất rồi?". Rậm-ria ngoảnh lại, hoảng hốt: "Cái đồng hồ trên nóc Bưu Điện cũng không còn...". Lúc bấy giờ, Lơ-mơ sống lại cảm giác ngày chàng vào Hà Nội, xe chở khách của Vietnam Airlines hóa thành xe trâu trên con đường dài đô từ Hoa Lư về theo chiều chỉ của Lý Thái Tổ. Nhìn quanh, đám phụ nữ đều mặc yếm trắng váy thâm chứ không còn điệu đàn quần xệ áo thun môi đỏ má hồng. Đám đàn ông kẻ đóng khố người cởi trần mình mẩy xăm hình rỗng rần chứ chẳng hoành tráng vết-tông cà-vát mặc dầu trời nóng xấp xỉ 30 độ C. Lơ-mơ thốt:

"Chưa biết năm nay là năm nào, nhưng chắc chắn chúng ta đã quay về triều Lý!"

Nhấn nha, Lơ-mơ thuật lại chuyện đi tìm Đào Hạ Trang, bái Từ Đạo Hạnh

làm thầy, đặng độ với Nam Hải Ngạc Thần, cứu giá Lý Nhân Tông và cuối cùng, khóc trên mộ Đào Hạ Trang đã ra người thiên cổ, rồi từ chối ước nguyện xe duyên của Đào Nhí, cô bé gọi Hạ Trang bằng cố tổ. Nhỏ nhẹ, Lơ-mơ chấp tay vái bạn:

"Xin hai vị huynh đài từ nay gọi tại hạ là Nhất Tâm, pháp danh do Sư phụ ban cho đệ!"

Chưa biết Rậm-ria và Tiểu-quỷ đáp thế nào thì vó ngựa cồm cộp đập trên đá lát, và tiếng ồm ồm: "Nỉ hảo, nỉ hảo!". Đó là thanh niên ba người gặp trước Nhật Thực, cười xích thố chạy ngang, vừa ra rồi vừa thét:

"Mại zô, mại zô dịch vụ Ân Đền Oán Trả. Chính Tổng giám đốc là Triệu Tử Long đi khuếch mại, mua một cho một, bảo đảm không vừa lòng sẽ hoàn trả tiền. Mại zô..."

Về chuyện đi tìm vật quý hiếm Bảo Quốc Hộ Dân, Nhất Tâm không giấu giếm, kể ngọn ngành cho bạn nghe. Rậm-ria trầm ngâm:

"Xuống đáy núi Nùng chỗ thông ra sông Nhị thì phải nhờ ông chú mình trong chiến tranh chống Mỹ nguyên

phụ trách hệ thống địa đạo trong nội thành để bảo vệ những yếu nhân khi bị bom. Nói, chắc ông cụ sẽ giúp, nhưng chắc chắn ít nhiều cũng phải có tí thù lao. Đất nước ta còn nghèo, nhất là những người trót về hưu! Đồng ý như vậy nhé."

Dĩ nhiên. Ba người bạn triều Lý ngoéo tay nhau, cách ký hợp đồng mười kỷ trước thời hiện đại.

*

* *

Chuyện không thể ngờ nổi khiến Nhất Tâm choáng váng ngã ngối xuống đất. Rậm-ria đỡ Nhất Tâm lên, giọng hậm hực:

"Tiểu-quỷ thuê Triệu Tử Long đến dạy cho tôi một bài học, bạn ạ! Nhưng tôi chạy được! Bây giờ, tôi nâng giá để Triệu Tử Long dạy lại cho Tiểu-quỷ cũng bài học ấy..."

Thấy Rậm-ria còn đủ cả chân tay, mặt mũi nguyên vẹn chưa bị a-xít tàn phá, Nhất Tâm yên lòng, can:

"Không thể được! Hưu chiến để bàn bạc. Chúng ta đã kết nghĩa vườn quýt

năm nào, thể sinh tử có nhau, một thằng chết thì hai thằng kia chết theo. Phần tôi, chưa tìm ra vật quý hiếm thì tôi còn muốn sống, bạn hiểu chứ!"

Nói xong, Nhất Tâm đi tìm Tử Long, đề nghị:

"Tôi trả ngài giá gấp ba, nếu như ngài để cho chúng tôi bình yên, tránh được nội chiến!"

Tử Long cười, không nói yes, không nói no, chỉ buông thõng "để xem!". Trước cái thế lơ lửng con cá vàng kiểu gươm treo trên cổ nền Hòa Bình đang bị đe dọa, Nhất Tâm quyết định tìm hỏi Tiểu-quỷ cho ra lẽ.

"Hiền đệ, sao mà đến cơ sự này?"

"Đệ không muốn trả cái giá 3 triệu cho ông chú Rậm-ria làm hướng đạo xuống đáy núi Nùng, chê đất thì Rậm-ria bảo đệ không có lòng với những công thần chống Mỹ cứu nước, tính toán như một thằng tài phiệt rẻ tiền kiểu lũ tư sản mại bản miền Nam trước 75... Đệ đáp, tư sản thế còn hơn bọn lợi dụng nhân công trong nước làm đồ mỹ nghệ như gốm Bát Tràng bán đồ bán tháo cho Tây phương, giá trả cho người

lao động chỉ 2 đến 3% giá bán lẻ bên Âu Châu. Rậm-ria bảo thế cũng còn hơn bọn thầu khoán ở Sài Gòn thời Thiệu-Kỳ ăn cắp để có tiền gửi con đi học trường Tây như đệ... Huynh bảo, chửi đến cha đệ mà đệ không phản ứng thì đệ là cái giống gì?"

Đợi Tiểu-quỷ dần xúc động xong, Nhất Tâm dịu dàng:

"Thế Tiểu-quỷ phản ứng thế nào?"

Nuốt nước bọt, Tiểu-quỷ nói một thôi:

"Đệ bảo, thứ nhất Rậm-ria về đây là đi kiếm mối làm ăn, và làm thì phải móc nối với những kẻ có thế lực, có tiền, chứ cái quán ăn ở Copenhagen chẳng đáng một đồng chĩnh. Để "sửa soạn tâm lý thuận lợi", Rậm-ria nay nói ngược tất cả những điều đã nói cái thời "con khỉ không đuôi", huyền tượng nào là tương lai qua lớp trẻ hiếu học mà thật ra học chỉ vì cha mẹ ham bằng cấp, học thật thì ít, cái học thuộc lòng sau này biến mình thành vẹt thì nhiều. Thứ hai, nói đến ăn cắp thì thời Thiệu-Kỳ có, nhưng so với thời "đúp bờ vê tê u" này thì hơi bị lép, và nay chẳng chỉ ăn cắp mà còn ăn cướp, rút ruột đến

40% ngân sách những công trình phải vay quốc tế thế này thì chẳng khác gì bán nước vì con cháu sẽ nợ đời đời kiếp kiếp, đành bán đất, bán tròn nuôi miệng. Thứ ba, Rậm-ria cứ cho mình là nhà văn, nhưng thật mà nói, 15 năm qua chẳng viết được một cái gì đáng viết. Đồng thời, Rậm-ria ám ức với cái nghề "nhà bếp", chê bai dè bĩu mọi người, mở mồm là giọng điệu làm cha thiên hạ bắt chước kể Rậm-ria tâm phục, một nhà văn hiếm đẽ, bế tắc, uống rượu, làm dáng quên mình..."

Nhất Tâm giơ tay ngăn, miệng nói "thôi, thôi!" nhưng Tiểu-quỷ tiếp:

"Để đáp đệ, Rậm-ria đi và độ hai mươi phút sau thì công an đến tìm đệ "làm việc". Huynh biết về việc gì không? Họ hỏi cái vật quý hiếm ta đi tìm là vật gì, huynh là ai, vân vân và vân vân?"

Nhất Tâm rùng mình. Cục diện bây giờ khác rồi. Tiểu-quỷ thở dài:

"Đệ nghĩ đệ thôi cái việc đi tìm..."

Nhất Tâm thấy mình bỗng thật cô đơn. Không, không thể được! Dẫu một mình, chàng tự nhủ, sống chết ra sao thì

cũng bất cần, ta phải tìm cho bằng được cái vật Bảo Quốc Hộ Dân, tìm như tìm ý nghĩa chính đời mình. Vả lại, cơ may đến thế, bỏ lỡ thì có ai thay ta mà làm cái việc sinh tử này. Cố kìm tiếng thở dài, chàng nói nhỏ:

"Dẫu gì thì cũng chớ hợp đồng với Triệu Tử Long. Biết đâu nó lừa, trúng kế là thân bại danh liệt. Rậm-ria cũng liên lạc rồi điều đình với Tử Long dạy cho đệ một bài học. Chuyện mỗi ngày một rách, cũng chỉ vì... Phần ta, ta đi dàn xếp với Rậm-ria cho êm thấm... Ta hẹn đệ mai ở đây!"

Đúng hẹn, Nhất Tâm cùng Rậm-ria đến Thủy Tạ, nơi bán nước giải khát ven hồ trông sang bên kia là đền Ngọc Sơn. Tiểu-quỷ đã có mặt, đang uống bia với hai người con gái. Một tên Đài Trang, trán dô, răng khấp khểnh, mắt ma quái, dáng cao cao, người mình dong. Tiểu-quỷ giới thiệu đây một thành viên của Văn phái 3Z đang độ tiếng nổi như cồn. Người kia, tên Ban Mai, tóc dài, mặt trái xoan, mũi thanh thanh, miệng lúc nào cũng như đang cười. Chuyện trò một lát, Ban Mai đứng dậy nói:

"Chúng em biết các anh bận việc, xin phép đi trước, hy vọng có dịp gặp lại". Đúng lúc đó thì Thụy, một người bạn của Đài Trang, xuất hiện. Anh ta cũng chào rồi cùng đi với Trang và Mai, hẹn ba người bạn triều Lý nếu rảnh tối đến ăn bò tùng xẻo trên đường Cổ Ngư sát Hồ Tây.

Bây giờ, chỉ còn ba người. Nhất Tâm xin phép nói trước, tóm tắt sự việc và kết luận: "Chúng ta về đây với những nỗi niềm bức xúc, mỗi người một khác, nhưng chẳng ai thật sự vui được! Vậy thì, nghĩ đến mối thâm kình kết nghĩa, tạm chia tay nhau, ký hiệp định hòa bình, ngưng gửi quân hay khí giới nhằm chiếm thế thượng phong nhưng thật mà nói, chỉ có lợi cho Triệu Tử Long mà thôi. Còn chuyện Bảo Quốc Hộ Dân, thôi cứ để đó. Chuyện này bây giờ lộ rồi, cục diện đã đổi, sẽ phức tạp hơn nhiều..."

Cả Rậm-ria và Tiểu-quỷ đều gật đầu. Nhất Tâm vui vẻ:

"Để kỷ niệm cuộc hàn huyên không đổ vỡ, xin mừng chúng ta một chai rượu tình..."

Đi ra quầy, Nhất Tâm gọi một chai

Napoleon VSOP và xin 3 cái ly pha lê. Đến lúc quay lại bàn, Nhất Tâm nghe từ xa tiếng Tiểu-quỷ và Rậm-ria nổi lên như đánh nhịp cho nhau:

Tao bế tắc

Mày bế tắc

Nó bế tắc

Chúng ta bế tắc

Các anh bế tắc

Chúng nó bế tắc

Nhìn mặt Tiểu-quỷ xanh lè, mũi đỏ hần lên vì xúc động, mắt đục ngầu. Nhìn mặt Rậm-ria tái ngắt, gân xanh thái dương co giật, ria quặp xuống. Nhìn mình thoáng qua trong bức gương choán nửa bức tường, cô đơn, hụt hẫng, Nhất Tâm ứa nước mắt. Khi đến cạnh hai người bạn nay như hai hình nhân chỉ biết chia nhau một động từ, Nhất Tâm ghen ngào:

"Cả thế gian này bế tắc!".

SÁU

Nến bến xe, tôi nhìn quanh tìm Ban Mai. Mặc dầu trước khi lên đường, tôi đã cẩn thận dùng điện thoại cầm tay gọi, nhưng từ ngày về nước, tôi cũng đã quen với những cái hẹn lệch mười lăm phút, chuyện rất thường. Xách chiếc ba-lô mới tậu hôm qua ở Hàng Da trong vồn vện hai bộ quần áo, tôi lách giữa hàng chục chiếc xe hàng, loại bốn chục ghế, đến ngồi quây giải khát, gọi một ly cà-phê. Và đợi.

Nửa tiếng sau, Ban Mai đi Honda tới. Thấy tôi, nàng cười.

"Nường Phin vẫn chưa về, anh ạ! Mai ta đi sớm, tối anh phải ngủ lại đây. Bình thường, anh có thể thuê khách sạn trong thị xã, không ba bốn sao như Hà Nội nhưng cũng đạt tiêu chuẩn. Còn

nếu anh muốn biết người Mường sống thế nào thì em chở đến nhà Mế Kha ở bản Mỗ, nhà sàn, nhưng sạch sẽ..."

Tôi đáp, Ban Mai lại cười:

"Nhưng đừng chê người Mường chúng em không được văn minh như người Kinh nhé!"

Chúng tôi ăn trưa tại một quán ăn ven sông Đà. Tay chỉ về phía chiếc cầu bắc ngang đằng xa, Ban Mai bảo tí cao trên kia là đập thủy điện, rồi trề môi tiếp:

"Niềm tự hào của tỉnh Hòa Bình này đấy! Điện nay vào cả những bản vùng sâu..."

Cơm nước xong, Ban Mai đèo tôi về nhà Mế. Sau khúc đường liên tỉnh, xe qua Cầu Khuây rồi vào một con đường nhỏ gập ghềnh ổ gà ổ trâu bên cạnh là vách và vực. Ban Mai hồn nhiên:

"Ôm vòng bụng em, ngồi sau mà ngã xuống là rách việc đấy!"

Nhìn bờ dốc bổ xuống những tàn cây cạnh đường, tôi biết Ban Mai không nói đùa, vòng tay làm theo lời nàng. "Đừng ôm chặt, - Ban Mai dặn, - mỗi lúc em nghiêng người thì nghiêng theo em để

giữ cho xe thăng bằng nhé ".

Xe thăng bằng, nhưng tôi thì không! Tóc Ban Mai bay ngược vào mặt tôi, mơn trớn. Mùi hoi nồng thơm như sữa thoảng vào đánh động khứu giác, thứ mùi lâu lâu một lần tôi ngửi được từ những người đàn bà không quen biết, khi trên đường, khi trong xe buýt, mê-trô... Mỗi lần như vậy, tôi thường băng quơ nghĩ nếu còn có thể đi chọn một người đàn bà làm bạn chẵn gối trăm năm, tôi sẽ nhắm mắt chọn theo mùi, chắc chắn không thể nào lầm lẫn được. Eo ôi, trăm năm! Không cần, chỉ phút này, với cái hương nồng ngát diệu kỳ đánh thức những nhục cảm chẳng giấy bút nào nói lên được! Áp mặt vào giải tóc bay ngược vuốt ve, tôi nhắm mắt, nghe tiếng gió thổi bên tai, bỗng dung lòng nhẹ như những sợi mây đỉnh non trôi hiền hòa.

*

* *

Bản Mỗ có khoảng hai chục nhà sàn mái lẩn trong những lùm cây xanh ngắt dưới nắng trong veo. Ban Mai leo lên bậc cầu thang gỗ, miệng gọi Mế. Xách ba-lô, tôi theo sau, để phòng dăm con

chó ở đâu ủa ra sữa. Một bà cụ lưng còng tóc bạc chậm chạp thò ra khung cửa. Ban Mai riu rít như chim. Bà cụ cười, miệng không còn răng, một tay kéo Ban Mai vào, tay kia vẫy tôi. Nhà tối om om. Ban Mai ra chống một cánh cửa sổ lên. Ánh nắng lùa vào quét lên những vệt khói bếp một màu lung linh sáng. Mế hỏi, nhưng tôi không hiểu gì. Ban Mai đáp. Mế lắc tay tôi, giọng thân mật, vừa nói vừa cười, tay chỉ xuống một chiếc chiếu trải trên sàn nhà ghép bằng gỗ lâu ngày lên nước bóng loáng. Tôi ngồi, chân xếp tròn, mắt nhìn chiếc điều cây, bình nước chè, hộp diêm và dầm cái đóm trong lon sữa bò han rỉ. Mế vỗ vỗ vai tôi, miệng lại nói. Ban Mai bảo, con trai Mế đi rầy, chiều mới về, biết tiếng Kinh chứ không như Mế. Tôi cười, nhờ Ban Mai cảm ơn Mế. Đưa tay làm dấu lắc qua lắc lại, tôi hiểu Mế bảo, chẳng có gì đáng bận tâm.

Nhà năm gian, sát cầu thang là gian gốc, ngay phía ngoài một cây cột bê thế gọi là cột chợ đặt khám thờ tổ tiên. Gần đó là cửa voóng, sát sàn, nơi đưa quan tài ra khi có tang ma. Cột chợ và cửa voóng là nơi linh thiêng, không

được dựa người tì tay vào. Phía bên kia vách, đối diện với cột chộ là một cây cột nhỏ hơn, dưới chân đặt cum lửa tuốt hết hạt, trên treo một chiếc giỏ thủng, cạnh là thanh tre đầu tước xơ cho bông lên. Ban Mai chúm chím, tay chỉ vào giỏ, nói:

"Đây là nường, đàn bà..."

Ngần ngừ, tay chạm vào thanh tre, Ban Mai tiếp:

"Còn đây là nồn, chỉ đàn ông!"

Bên cạnh cửa sổ Ban Mai vừa chống lên, Mế xếp vào cái bếp đun nước tiếp khách một loại cỏ tên là cỏ mật, nhóm lửa, mùi thoang thoảng thơm dịu. Đến gian giữa, nơi để bếp chính, xung quanh lửa phơi khô xếp vào một cái quây như cái bồ thủng đáy đan bằng nứa. Khuôn bếp được làm bằng loại gỗ đặc biệt cứng, có đường viền xung quanh, đáy lót bằng bẹ chuối rải bùn lên cỏ mật phơi khô để vào bếp đốt lấy tro rồi mới bắc kiềng nấu nướng. Giọng tự hào, Ban Mai cao tiếng:

"Người Mường chúng em dùng con xỏ tre, con then gỗ, đinh kèo để đóng thay cho đinh sắt. Chúng em dùng lạt mây, giang hoặc tre bánh tẻ để buộc

núi các ngoàm đẽo hoặc cột kèo. Khung nhà sàn được dựng hoàn toàn bằng cách ghép mộng, đục đẽo mà thành. Đòn tay, gọi là tôn thầy, được đặt dọc mái nhà. Đòn tay cái có miếng tre kẹp chặt vào đầu cột cái gọi là cái khoá kèo. Mái nhà lợp bằng lá cọ hoặc bằng cỏ gianh. Những cây nứa ngô vàng óng, loại nứa to và dày, được chọn kỹ để pha nan kẹp lá kiểu như cái gấp dùng để kẹp cá nướng. Cứ như thế, những kẹp lá cọ được đưa lên mái buộc thẳng vào rui mè. Đây là cách lợp mái nhà theo truyền thống còn tồn tại cho đến ngày nay...".

Mế đến gần, nói để Ban Mai dịch lại:

"Việc dựng nhà của người Mường đòi hỏi nhiều sức lực nên có tục giúp đỡ nhau. Người giúp gỗ, người giúp lạt, người giúp công, giúp sức. Trước kia, để nhận được sự giúp đỡ của dân làng, gia đình làm nhà phải chuẩn bị một lễ nhỏ mang đến nhà Lang, chủ quản Mường, để nhờ Lang báo cho mọi người trong bản làng biết. Mỗi gia đình sẽ cử một người đến giúp. Người ta phân công những việc cụ thể cho mỗi thành viên đảm nhận như xẻ gỗ, đan nứa, pha tre,

đan gianh, kết cọ, lợp mái... Theo tục này, bản Mỗ đây có lệ khi một người làm nhà thì tùy vào khả năng mà người cùng bản giúp gỗ, lạt, nứa, lá, và mỗi nhà góp ba đến năm cân gạo nếp, hai chai rượu, một con gà...".

Thình lình, Ban Mai cất tiếng hát nhỏ. Không hiểu, tôi xin Ban Mai dịch lại. Nàng cười bảo đây là huyền thoại làm nhà người Mường chúng em trong Te Tất Te Đác, rồi đọc:

Bốn chân tôi làm nên cột cái. Nhìn sườn dài, sườn cụt mà xếp làm rui. Nhìn qua đuôi làm chái. Nhìn lại mặt mà làm cửa thang cửa sổ. Nhìn vào xương sống làm đòn nóc dài dài. Muốn làm mái thì trông vào mai. Vào rừng mà lấy tranh, lấy nứa làm vách. Lấy chạc vót mà buộc kèo...

Thấy tôi ngây người mặt ngơ ngác, Ban Mai giải thích xưa người Mường còn ở hang ở hốc, có Tá Cần bắt được một con rùa đen, định thịt thì rùa van nài đổi sinh mạng mình bằng cách dạy làm nhà. Vì thế, phải nhìn bốn chân làm cột, nhìn mai rùa làm mái, nhìn xương sống làm đòn nóc... Mế rót cho tôi chén nước. Tôi cười, ngây ngô. Còn

Ban Mai, nàng đứng dậy nói với Mế, rồi quay sang tôi, bảo phải về cơ quan có chút việc, dặn Mế sẽ đi chợ để làm cơm thết khách đến từ thế giới bên kia. Chưa kịp hỏi thế giới bên kia là thế giới nào thì Ban Mai đã nhảy tót xuống chân thang, vù đi như một cơn gió hoang giữa cánh rừng lùì dần trước tiếng nổ máy của chiếc Honda đang lồng lên nhả khói.

*

* *

Xin phép Mế ngả mình nằm, tôi thiếp đi lúc nào chẳng biết, đầu óc lát sau bỗng chập chùng những thực hư đan vào nhau thành vạt lưới chụp xuống mê hoặc. Hẩn - thằng anh chết tiệt - cầm cổ chạy, sau một người đàn bà áo quần tơ tả đuối theo. Tôi chắc là người đàn bà đó là nương Phin. Cô cất tiếng, nhưng tôi không hiểu. Phải chăng có Ban Mai, tôi sẽ hỏi. Vừa nghĩ thế, Ban Mai hiện ra, tóc lại phần phật bay. Tôi hít cho đầy lồng ngực, nhắm nháp cái mùi hương hoi nồng ám ảnh, nhắm mắt thì Ban Mai lay. Mở mắt, trước mặt tôi là cái giỏ thủng lỗ, tiếng cười hồn nhiên rồi ai đó nói, giọng

khieu khích, anh quên mất cái nường của anh ư? Tôi thò tay xuống phần dưới cơ thể, nắm chắc khúc tre đầu bông lên, tay kia giữ rịt cái nường, và cứ thế, tôi như con thuyền nghiêng ngả chòng chành chết đuối giữa lòng sông sâu thẳm. Khi đó, không gian chuyển đỏ, nóng lên, thằng anh chết tiệt vẫn chạy, nhưng nường Phin đứng lại, thân thể trần truồng. Cô im lặng, hai tay đưa lên trời, rồi khụy chân quỳ xuống. Ban Mai ở đâu đến đỡ nường Phin dựa vào mình, miệng mơn man áp vào cổ, vào ngực. Tay cầm cái nường vuốt ve, mắt khép hờ, môi run lên, người nường Phin cong gập như có ai đó thúc vào bụng dưới. Tôi vùng khỏi con thuyền đang đắm, nhìn nhưng không còn thấy thằng chết tiệt. Cũng chẳng còn nường Phin. Chỉ có Ban Mai, bây giờ đứng lên, mình trần, đầu vú nở nang căng cứng rỉ ra những giọt sữa trắng. Tôi đến áp miệng bú, như một đứa sơ sinh, lịm dần cho đến khi có tiếng đóng cửa.

Choàng dậy, tôi nhìn ra cửa sổ, thấy bóng Mế khuất trên đường mòn. Nắng hầm hập trên mái gianh. Dưới sàn, đám gia súc im lìm. Nhánh sông cạnh bản

gần cạn nước, phơi mình như ăn vạ, đá cuội lổn nhổn trơ trên khỏa thân. Đâu đây có tiếng trẻ cười đùa đập nước lồm bồm. Cố đứng lên, tôi vịn tay vào vách đi xuống cầu thang. Tít phía bên kia, dăm đứa bé tạt nước vào nhau trong một cái vũng, cạnh là một cái kê chèn đá tảng. Con chó đang nằm thè lưỡi dưới gầm sàn nhôm dầy. Nó sủa nhỏ một tiếng, đến gần tôi, mũi chúi vào chân hít hít, đuôi ngoe nguẩy. Thò tay vuốt xuôi sống lưng chó, nó kêu hình hích, không còn đe dọa như lúc tôi mới tới.

Tôi men con đường mòn, đầu vẫn lổn vởn cơn mê giữa ban ngày, đi về phía vũng nước trẻ con đang tắm. Đi ngang một dãy nhà sàn lổn nhổn cao thấp, tôi khẽ cúi chào khi bắt gặp ánh mắt tò mò nhìn từ những cánh cửa khép hờ, nhận một nụ cười hay một cái vẫy tay thân thiện. Xuống con dốc, tôi đến bên bờ nước. Bọn trẻ con, tất cả năm đứa, ù té xô ra xa. Chúng nhìn tôi, cười nói với nhau, tay chỉ trỏ, đứa nọ đẩy đứa kia. Rồi một đứa hỏi:

"Chú ở đâu tới?"

Cười cầu thân, tôi đáp "Hà Nội". Cả bọn rú lên "Hà Nội, Hà Nội". Một đứa

khác chêm vào:

"Hà Nội xa lắm cơ, phải đi xe ô tô mới tới được!"

Tôi hơi ngạc nhiên, thầm nghĩ chỉ hơn trăm cây số, chưa đến ba giờ xe hơi, có đâu mà xa xôi diệu vợi gì. Không chắc bọn trẻ con hiểu, tôi vẫn hỏi: "Các cháu có cháu nào đi Hà Nội chưa?". Chúng đồng thanh: "Chưa!". Thì ra chúng đều hiểu tiếng Kinh.

"Sao không đi học, các cháu?", tôi tò mò.

Chúng đáp đi học chỉ đi buổi sáng, trưa về làm việc nhà, làm xong mới đi tắm. Quệt mồ hôi từ trán nhiều xuống má, tôi ngược nhìn trời, kêu "Nóng quá!". Bọn trẻ nhao nhao:

"Xuống tắm đi. Nước mới, mát lắm!".

"Sao nước lại mới?"

Đứa bé gái chỉ tay lên tảng đá trên cao, nước ứa ra chảy thành dòng đổ xuống vũng, miệng lạnh chanh: "Nước nguồn đó! Xuống tắm đi!". Ngần ngại, tôi nhìn quanh. Rồi tôi cởi hết, trừ chiếc xì-líp. Bọn trẻ cười ran lên: "Quần con gái chúng mày ời!". Ngượng ngùng, tôi dầm mình xuống, tay gạt nước vào chúng. Chúng gạt lại, vừa gạt vừa la

thét những thổ âm tôi không hiểu.

Tôi ngụp đầu xuống. Lòng nước mầu xanh rêu, mát và dịu. Chao ôi, từ cái nóng thiêu đốt trên bờ, dầm mình vào nước sao mà tuyệt diệu đến thế này. Cuộn mình như một cái bào thai, nước bao bọc khiến tôi bỗng bình, không trí nhớ, không ý thức, chỉ thuần những nhục cảm đến từ mỗi một tế bào tạo ra cái tôi, sự sống tự sơ nguyên chưa bao giờ vẫn đục ô nhiễm. Rồi tôi lớn lên, tay vung chân đạp, ngừng đầu nhìn bọt nước trắng xoá, cười và hả miệng hát những âm thanh không cần ngữ nghĩa, hết những đứa trẻ lên mười đang vây quanh tôi, cũng cười, cũng hát, cũng vung tay té nước, những giọt nước lấp lánh mặt trời bay cao rồi rơi về nguồn cội. Cứ thế, tôi quay lại tôi, cái tôi thâm lặng của bản năng, thứ bản năng vùi dưới sâu lớp lang những vết trầm tích của thời gian từ khởi thủy. Và cái tôi hư tưởng là đứa con rơi họ Bạch nơi chân núi Tản bồng nhiên có thực, như dòng nước nguồn từ rừng đổ xuống cho tôi tắm mát nơi đây. Quay nhìn đám trẻ con, tôi nói lớn:

"Tôi là người Mường!"

Chúng ré lên cười:

"Người Mừng mà ở Hà Nội à! Về đây đi!"

Vung tay, tôi quả quyết:

"Về chứ, sao lại không!"

Trời dịu nắng. Tôi vẫn nô đùa, cho đến khi đứa bé gái cất tiếng: "Trâu về rồi!" và bước lên bờ. Bọn trẻ làm theo, tuột quần, vắt ráo nước rồi phơi trên tảng đá, tổng ngồng vấy người cho khô. Tôi đứng dậy, nhưng không biết làm gì. Thằng bé trai, giọng tự nhiên, bảo:

"Cởi quần ra phơi chứ chú!"

Chết chưa. Tôi ngần này tuổi đầu, ai lại khỏa thân với năm đứa bé, nhìn thấy người ta nghĩ thế nào. Trong tâm tưởng, tôi nghĩ tới những vụ lạm dụng tình dục thiếu nhi nay đây rầy trên báo chí phương Tây. Nghe đâu các vị cha cố làm bậy mà Giáo Hội bên Mỹ sạt nghiệp vì phải bồi thường nạn nhân đến gần trăm triệu đô-la! Tôi nhìn đám trẻ, ngần ngại, lóng ngóng. Chao ôi, có phải tôi cũng đã bị nhiễm cơn độc văn minh đến độ tôi nay nghi ngờ chính tôi không?

*

* *

Khi lên thang vào nhà Mế, anh con trai đi rầy đã về, đứng lên cười với tôi. Mế đã loay hoay bếp nước, nhìn tôi nói một thôi với con. Anh ta vồn vã:

"Ai chứ khách của Ban Mai cũng là khách nhà, anh tự nhiên nhé".

Tôi ngạc nhiên thấy anh nói tiếng Kinh sồi, hỏi thì anh đáp:

"Em tốt nghiệp trường trung cấp Chính trị, mới xin hưu năm ngoái!"

Nhìn anh, xấp xỉ trên dưới ba mươi, tôi ngỡ ngàng: "Anh trẻ thế, sao lại về hưu?". Anh lại cười:

"Phức tạp lắm... Sau bốn năm công tác cán bộ văn hóa, em được đề cử làm phó Chủ tịch xã. Chỉ năm đầu thôi, nhức đầu, khổ lắm! Khổ quá nên phải xin thôi đấy anh ạ!"

"Khổ thế nào?"

"Tỉnh có kế hoạch làm du lịch anh ạ! Bản Mường sẽ hấp dẫn khách nên Tỉnh đề nghị hai phương án. Thứ nhất, rời người bản Mỗ đến một vùng khác, bồi hoàn tiền đất, giúp canh tác ruộng nơi sẽ định cư. Thứ nhì, vận động người bản tham gia dịch vụ du lịch, mọi nhà sẽ hợp đồng cho khách thuê một phần

chỗ ăn chỗ ở, đồng thời phát triển thủ công nghệ để phục vụ "nhu cầu lưu niệm"... Vừa là người địa phương, lại phó Chủ tịch, nên em được lãnh đạo Tỉnh giao phó công tác dân vận. Nhưng chính quyền ai nói thì cứ nói, người Mường chỉ nghe Lang Tao hoặc Pô Mo, người Kinh gọi là Lang Đạo và thầy Mo, hai kẻ mang trách nhiệm phần sống và phần hồn từ thuở khai thiên lập địa. Bỏ đất tổ đi, không ai muốn. Bản Mỗ tính đến nay đã bốn trăm năm tuổi, từ ngày di từ Mường Thàng về, hồn vía tổ tiên ở đây, rời đi thì bỏ cho ai? Còn tham gia kinh doanh dịch vụ, người Mường bảo, thế thì còn gì là gia đình tông tộc. Khách Tây khách Mỹ vào nhà ăn nằm, làm sao người Mường giữ được bàn thờ dòng giống cho khỏi nhiễm ô trọc từ bốn phương thế giới? Em phản ánh dư luận, nhưng lãnh đạo bảo sẽ có phản ứng mạnh, không để bất cứ thiếu sót nào cản trở phát triển của đất nước trong tiến trình hội nhập với bên ngoài. Họ đưa công an vào vây bắt, xua máy kéo đến tính bốc dỡ nhà người Mường. Thanh niên trong bản tuy chỉ giáo mác gây gộc mà đòi chết cũng giữ bản, tình hình căng ghê lắm. Em thì cứ như con

bung xung, chịu bêu riếu điều tiếng cả hai bên, nên phần quá, em treo cổ nhưng lại có người cứu được! Sau đó, em xin về đi rầy, công việc chính quyền trị dân em chẳng đủ khả năng, làm gì cũng áy náy anh ạ! Cái lòng mình nó thế, lãnh đạo bảo yếu đuối, chưa thông sách lược, chỉ được tiếng hiếu với dân mà không đủ trung với Đảng..."

Anh con trai chưa dứt lời thì Ban Mai về. Nghe tiếng đực tiếng cái, Ban Mai nguýt, nói mát: "Lại cái chuyện "nội bộ" ấy, nói mãi...". Anh cười bẽn lễn, không đáp. Ban Mai hỏi tôi làm gì trưa nay, cười rồi chặc miệng:

"Thế là anh thân với bản Mỗ nhà em rồi. Thường không ai để người lạ vào tắm vũng đâu!"

Nói xong, nàng sà vào bếp với Mẹ, giọng lú lo, không quên nhờ anh con trai tiếp khách hộ. Lát sau, đám trẻ con thập thò dưới chân nhà sàn, miệng ới ới gọi. Ban Mai thò cổ ra đáp, nhìn tôi bảo: "Khách của anh!". Đầu câu thang, đứa bé gái nhe hàm răng sún cười chúm chím, tay chìa cho tôi một bó hoa mầu tím. Khi tôi áp bó hoa vào mũi

ngủi, cả đám ré lên cười. Tôi hỏi: "Hoa gì đấy các cháu?" thì Ban Mai không biết lúc nào đã đến cạnh tôi, nhanh nhẩu trả lời: "Hoa sim rừng. Hoa không hương, chỉ sắc!". Nhanh như hoẵng, nàng vào lấy gói kẹo suynh-gôm ra phát cho mấy đứa bé, tay béo má chúng, giọng dịu dàng nhưng có chớm chút buồn bã khó hiểu. Tôi tặng lại Ban Mai bó hoa. Nhớ mùi hương tôi ngủi được khi ngồi sau Ban Mai trên Honda, và liên tưởng đến hình ảnh Ban Mai trong giấc mê muội trưa nay, tôi không nghĩ rằng hoa cứ có sắc là không hương. Và có hương, không sắc.

Bụng thức ăn để trên chiếc chiếu giải trên sàn, chỗ cơm nếp bên cạnh, Mế tay vẫy, miệng cười, nói một tràng. Chỉ chỗ cho tôi ngồi, Ban Mai khoan thai đơm cơm vào bát. Anh con trai so đứa, vui vẻ: "Chắc anh đã ăn cơm Mừng rồi?". Tôi lắc đầu. Anh tiếp tôi, chỉ vào một đĩa, bảo:

"Gà rừng rán, thịt dai nhưng ngọt hơn thịt gà nuôi. Còn đây là rau đắng cây và măng nứa. Rau thì ăn với nước chấm..."

Tôi ngạc nhiên nhìn cái tô trên rắc

vùng. Ban Mai nhẹ nhàng:

"Mế quý khách lắm mới làm nước chấm này. Ruột cá xay ra ướp gia vị như tiêu, quế, hồi... rồi đun nhỏ lửa. Sau thì trộn với khế ngọt. Anh chấm đắng cây vào, ban đầu ăn thấy đắng nhưng chỉ chút sau hết đắng mà trở thành bùi, ngon lắm!"

Vừa nói, Ban Mai vừa gấp rau chấm cho tôi, mắt cười có đuôi, miệng mời cơm mọi người. Quả thật là ngon vô cùng. Tôi xuýt xoa trầm trồ. Ánh mắt Mế sáng hẳn lên, miệng lại nói những điều tôi cố nhưng chẳng đoán ra. Tiếng Mường có khá nhiều từ ngữ người Kinh cũng dùng, nhưng phát âm gãy gọn chứ không lơ lớ như ở đây. Hỏi, Ban Mai đáp người Mường không có chữ viết, hiện phiên âm kiểu tiếng Việt, nhưng không sử dụng hết tất cả những ký âm sắc, huyền, hỏi, ngã nặng... Nàng buột miệng đọc hai câu vần điệu kiểu thơ lục bát. Thấy tôi ngó ra, anh con trai vỗ đùi đọc tiếp, rồi ề ề:

"*Truyện Kiều* trong ngôn ngữ Mường đấy, anh có nghe ra không? Em không nhớ hết, nhưng bà ngoại của Ban Mai thuộc lòng..."

Quay sang Ban Mai, anh hỏi:

"Có định đưa khách về Mường Thàng không? Năm nay hạn, từ ngày làm lễ Khụng Mua rước vía lúa về đâm lỗ rồi tra giống, trời không cho một giọt nước! Tháng này tròn trăng, Pô Mo báo sẽ làm lễ hội cầu mưa đấy!"

Mỉm cười, Ban Mai khẽ lắc, nhìn tôi:

"Chỉ sợ anh không có thời gian... Lên núi tìm nương Phin và ông anh của anh thì thực chưa biết là ở đâu. Núi cao, góc ngách không phải ít!"

Anh con trai hỏi, Ban Mai đáp, chắc kể chuyện tôi đi tìm thằng anh chết tiết nghe nói đi về núi Nà Mèo. Không hiểu sao, tôi thành linh dừng dừng. Tìm ra, khác chi? Nào tôi có tin gì vào cái chuyện trấn yểm của Cao Biền hơn ngàn năm trước! Vào thời đại này, chỉ cái thằng chết tiết kia mới vừa dùng Internet liên lạc với tôi, lại vừa có thể tin những chuyện như long mạch phong thủy xác định tương lai một dân tộc. Một loại tâm thần. Giống như đám bạn bè hần, đưa nhà thơ nhà văn nào cũng tự cho mình những nhiệm vụ cứu nhân độ thế! Nhưng cứu được ai bằng

hoang tưởng?

*
* * *

 Gió hây hẩy nhưng trời vẫn nóng, mồ hôi ứa ra, nhồn nhấy. Rủ tôi ra ngoài, Ban Mai bảo, đi một vòng cho mát. Bước theo Ban Mai, tôi tự nhiên cảm thấy một niềm vui. Nó không tên, lảng đãng tựa đám mây che vầng trăng chưa tròn hẳn trên cao. Con đường quanh bản dưới vầng sáng xanh mượt kỳ ảo lạ thường. Bên bờ nước, ềnh ương ộp oạp giống một rối lạng đi, bất thành linh cùng nhau cất tiếng như một dàn đồng ca. Ánh đèn vàng vọt trong những căn nhà sàn đổ ra lối đi, vẽ ngoằn ngoèo những vệt sáng vàng và đen như da hổ. Nhớ nỗi buồn phảng phất trên khuôn mặt Ban Mai khi nàng cho bọn trẻ kẹo, tôi hỏi tại sao. Ban Mai cười gượng:

 "Em nhớ con em. Nó tên là cu Tít!"

 Không đợi tôi nói thêm, Ban Mai tiếp:

 "Bố cu Tít lấy vợ mới rồi, em phải gửi nó cho cụ ngoại nuôi".

 Im lặng, tôi ngừng lên nhìn trăng qua

vòm cây xum xuê, lát sau đánh bạo hỏi chuyện riêng của Ban Mai.

"Em quen anh ấy khi học trên Hà Nội, lấy nhau và năm sau đẻ cu Tít. Em thấy nuôi cháu ở Hà Đông quá vất vả, lại phụ thuộc và phiền phức gia đình anh ấy. Chúng em cùng chạy chọt xin về Hòa Bình công tác, nhưng được vài tháng thì anh ấy bảo không chịu được không khí tỉnh lỵ, đòi quay lại cơ quan cũ, dỗ em bảo đi đi về về chẳng có gì bất tiện xa xôi... Cứ thế được hơn nửa năm, một hôm anh ấy nói bây giờ không còn cô đơn... Và chuyện chúng em đang dở vì - Ban Mai bật cười - vấn đề địa-văn hóa! Anh ấy bảo cô bạn yêu cầu anh ấy ly dị! Em chỉ còn biết đọc Kiều, bằng tiếng Mường, *những phường trên bệc trong dâu, thì con người ấy ai cầu làm chi*, không đòi hỏi gì nhưng đặt điều kiện phải để em nuôi cu Tít. Đấy, chuyện đời em đơn giản chỉ có vậy".

Ban Mai hồn nhiên, nhìn tôi:

"Còn anh, chuyện gia đình vợ con thế nào?"

Như một phản ứng tự động, tôi đáp:

"Cũng thường thôi, như mọi người, tôi có hai cháu... Học hành cũng được!"

Ban Mai cười, mắt dò hỏi, nói: "Thế anh là người hạnh phúc rồi!" và đợi tôi đáp. Tôi gật. Nhưng rồi tôi lại lắc, biết mình không mấy thành thực. Lảng chuyện, tôi giả như vô tư, thông một câu: "... *mà biết thế nào là hạnh phúc!*". Nói xong, tôi xấu hổ vì sự lơ đãng tránh né của mình.

Ban Mai dừng chân, khẩn khoản:

"Mai ta lên đường. Em định ghé về nhà bà ngoại, thăm bà và cu Tít, ta sẽ chậm đến Nhà Mèo hai, ba ngày. Nếu anh vội, về đến Mường, em sẽ nhờ một người khác đưa anh đi tìm nương Phin và ông anh của anh! Còn anh ở lại thì đúng là một dịp hi hữu để anh biết thế nào là lễ cầu mưa, rất đặc biệt..."

Ngắt lời Ban Mai, tôi vội vàng:

"... Còn gì bằng! Sớm muộn đôi ba ngày, chẳng hề chi"

Chợt nhớ câu tôi hỏi nhưng Ban Mai chưa đáp, tôi lại nhắc:

"Nhưng nương Phin là ai thế?"

*

*

*

Đó là một người đàn bà đã thành huyền thoại. Truyện kể có ba nường Phin. Phin của Mường K'loi là thế giới của Trời, Phin của Mường Mól' là thế giới của người, và Phin của Mường Ma dưới Pư Tịn, nơi loài Khú và loài Pú Kia ẩn náu, thì thoảng lên tác quái chốn dương gian. Ban Mai chúm môi kể, ngày nường Phin mới lên chín, Mường Lát bị bom tan hoang, gia đình cô năm người chết hết, nhưng không biết thế nào mà cô sống, người chỉ xây xát, nhưng ù tai đến chẳng nghe được gì trong ba năm, ai cũng tưởng cô điếc. Đùng một cái, cô bỗng nghe được đủ thứ tiếng trên mặt đất. Cô bảo, có con chim trĩ đâu đây. Thoảng sau, thật thế, chim bay ngang kêu riu rít như chào cô. Con trâu nhà ai đó đi lạc nhờ cô tìm, cô ra cánh rừng, tay chỉ, nó đang khịt khịt bên kia kìa. Thật thế, con trâu nghếch mõm đứng đỉnh gặm cỏ, vẫy đuôi đợi cô. Cô báo, máy bay Mỹ. Đúng vậy, khi thì Con Ma, lúc thì Thần Sấm xuất hiện ở chân trời. Dân Mường đồn cô từ Mường K'Loi ông Trời phái xuống chống Mỹ cứu nước. Cứu nước thế nào chẳng biết, nhưng cô báo động cứu được dân Hòa Bình vào những năm miền Bắc bị

đánh bom liên miên. Tiếng lành đồn đến cả những vị lãnh đạo ở xa, sợ Mỹ bom Hà Nội, nên trưng dụng cô về thủ đô. Cô mới mười lăm, được mặc quân phục các chiến sĩ phòng không, có nhiệm vụ hợp tác với bộ phận ra-đa báo trước những trận không tặc. Năm 1972, cô tham gia trận Điện Biên Phủ trên không ở Hà Nội, nghe nói còn nhanh nhậy hơn cả máy móc tân tiến của Liên Xô giúp ta phát hiện máy bay Mỹ, có thể báo ngay khi chúng còn cách đất liền cả trăm cây số. Sau hiệp định Paris, cô được phong anh hùng. Chuyên gia Liên Xô đặt yêu cầu đưa cô qua Moskva để làm việc với Viện Nghiên cứu về những hiện tượng siêu nhiên. Chuyện hợp tác quốc tế này khựng lại khiến "ta" khó ăn khó nói với "bạn" vì bụng nường Phin cứ to dần. Bụng không thể to nếu chẳng có đồng lõa. Thủ phạm là một chiến sĩ phòng không cũng được phong tặng Dũng sĩ diệt Mỹ. Vừa là sĩ quan, vừa là người Kinh, và lại đã có một vợ hai con, anh dũng sĩ bị ghép tội lợi dụng hủ hoá cán bộ gái người "dân tộc", thiếu đạo đức cách mạng, và làm xấu quan hệ quốc tế song phương với "nước anh em" Xã

hội Chủ nghĩa. Dũng sĩ bị khai trừ Đảng, phải giải ngũ, và cấm không được bỏ vợ. Phần nường Phin, cô khai thủ trưởng bảo gì cô làm nấy, tin là mình đang cống hiến cho đất nước, phục vụ "tốt", và không biết thế là không đúng chính sách. Để cô sinh đẻ xong, Nhà nước quyết định trả nường Phin về với núi rừng Hòa Bình. Nay chẳng còn máy bay Mỹ đánh phá, cô lại là một người thiếu nữ đang xuân vừa đẹp vừa rất "hồn nhiên" nên để ở lại thủ đô e chừng rách mất việc nước.

Về bản quán, nường Phin mất dần cái khả năng kỳ diệu nghe thấy mọi làn sóng vi động của âm thanh. Tuổi chưa đầy hai mươi, dân không ra dân mà lính cũng chẳng phải lính, cô không có một nguồn thu nhập nào ngoài cái tiêu chuẩn lương thực chết đói cho thường dân thời bao cấp. Cuộc sống thời hết "giặc lái" đăm thế mà khó, nhất là cô côi cút, nay chỉ còn một bà dì tuổi cũng đã cao. Bà góa bụa, hai đứa con trai đều hiến mình cho sự nghiệp bảo vệ đất nước, một ở Khe Sanh, một ở đâu đó trong miền Tây Nam Bộ. Bà thui thủi, nay có đứa cháu gái ẵm con về ở

cùng, vui lắm, miệng cứ xuýt xoa cảm ơn K'loi đã lập lại hòa bình cho Mường Pưa, tức mừng bằng, tặng dành cho người. Nhưng dầu vốn hồn nhiên, đời sống người Mường cũng chẳng phải không một chút phức tạp nào. Nường Phin đẹp, nhưng từ ngày mất tước anh hùng, cô đâm sợ quan hệ với đàn ông. Chính thái độ xa lánh của cô lại tạo ra một thứ ma lực, đàn ông cả Kinh lẫn Mường lân la nhưng không một ai đến gần cô được. Sau, có chuyện tạo ra sóng gió dư luận với đồng chí ủy viên Huyện phụ trách Thương binh Xã hội. Thỉnh thoảng bị những cơn nhức đầu hành hạ, nường Phin cho rằng mình bị bom Mỹ chấn thương, lên xin Ủy ban thuốc men chữa chạy. Đồng chí ủy viên lật tra danh sách và bảo cô chưa gia nhập Quân đội Nhân dân bao giờ, không thể xếp vào thương binh được. Nhìn nường Phin, ông nháy mắt: "Ta có cách của ta, tôi sẽ phấn đấu cho, nhưng Phin cũng phải làm sao cho xứng đáng với nhân dân!". Dĩ nhiên, nường Phin gật. Bẵng đi ít lâu, có liên lạc về bản báo cô lên huyện nhận thuốc. Vào buổi trưa sau giờ hành chính, đồng chí ủy viên tiếp, tay đưa cô

một đồng viên Xuyên Tâm Liên trị bá bệnh, dặn mỗi ngày phải uống trưa chiều tối mỗi lần hai chục viên. Phin đưa tay lấy thuốc thì đồng chí ủy viên nắm lấy, hỏi: "Thế thì Phin cho tôi cái gì nào?". Hoảng sợ, Phin giật tay ra nhưng đồng chí ủy viên lồng lên nhẩy vào vỗ cô như cộp vỗ nai, tay quơ lên thứ móng vuốt Phin từng thấy trong những ngày phục vụ Phòng không ở Hà Nội. Tung cửa chạy ra bên ngoài, Phin đi thẳng về bản. Hôm sau, công an huyện đến gọi Phin lên làm việc, điều tra tố giác của đồng chí ủy viên sự việc cô định hủ hóa cán bộ, đổi dăm phút "vui vẻ trái phép" lấy một nghìn hai trăm viên thuốc Xuyên Tâm, chắc để bán "chợ đen" với ý đồ phục hồi giai cấp tư bản. Bộ máy sách động quần chúng vận hành tuyệt diệu đến độ chỉ tháng sau, cả Kinh lẫn Mường đều đồn đại là nường Phin đánh phá cán bộ Đảng với cái khí giới đã chôn vùi sự nghiệp của một Dũng sĩ chống Mỹ. Và thế là cô bị quần chúng cô lập, đành cùng dì làm những việc thủ công như dệt áo, làm cạp váy *k'ôốc wắc'*, hoặc đan giỏ, rá và *óp pu* phụ nữ thường đeo bên hông làm dáng.

Bị người Mường Pưa ruồng rẫy, tất nhiên nường Phin phải đến từ Pưa Tịn, nơi chứa chấp Mường Ma. Ngay ở đây nường Phin này cũng chia hai nhánh, nhánh Ma và nhánh *Khú*. Trong nhánh Ma, nường Phin mang hình dạng con người, nhưng đi ngược, đầu ở dưới, chân trên mặt đất, hệt như những cái bóng. Thế giới Ma xưa thông thương với thế giới Mól' qua cái *rôông* nối hai mường cao thấp, nhưng nay đã bị bít vì khác tục lệ, một vấn đề hội nhập văn hóa như ta nói ngày nay. Người đồn, nhất là đàn ông, ban đêm nường Phin xoay chân nằm ngả ra giao hoan với những kẻ qua đường, nhưng là người thì xuất tinh đến kiệt rồi chết thành ma. Chưa thấy ai gặp tai nạn này, có lẽ lời đồn kiếm chế được ẩn ức của những thanh niên háo sắc đến mức liễu thân. Còn nường Phin thành *Khú* thì nguyên nhân là do Đổi Mới. Trước thời kỳ này, dân ăn bo bo, cây, củ mà cũng chẳng đủ no. Khổ nhất là đám con gái Mường đi Thanh niên xung phong, cũng chẳng dân chẳng lính, không biết làm gì để sống. Nường Phin lấy sáng kiến tập hợp đám đó lại

lập Hợp tác xã, truyền nghề thủ công may đan, mang lên bán ở Hà Nội. Ban đầu, công việc ề ệ uột, nhưng chỉ một năm sau, có đồng ra đồng vào, mức sinh hoạt của xã viên nâng cao đến mức người ta phát ghen. Thế là khó khăn bắt đầu, nhưng khi đó "phá rào" đồng nghĩa với dũng cảm và sáng tạo, chẳng ai làm gì được. Nhưng họ đồn. Rằng nường Phin là Khú, một con rắn hai đầu sống dưới Thủy Cung, không đực không cái. Với đám gái xã viên của hợp tác xã, con rắn đêm nào cũng ăn nằm, hút âm tinh xuất ra khi cực khoái, phà vào sản phẩm thủ công tạo sức hấp dẫn thị trường có định hướng Xã hội Chủ nghĩa. Họ yêu cầu Ủy ban Huyện can thiệp, cho rằng cạnh tranh như thế bất chính và không tuân thủ đạo đức truyền thống. Vô chứng cứ, Huyện đặt vấn đề với Tỉnh. Cấp này không giải quyết được, đành đưa lên Trung ương. Chính Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định tiếp tục sự nghiệp Đổi Mới, tất cả những luận điệu chống lại dựa trên mê tín dị đoan, tức không khoa học, đều là hành động chống Đảng và Nhà nước.

"Thế là tiếng đồn có ít đi, nhưng đâu cần vì nương Phin thành con rắn hai đầu mất rồi. Ban Mai cười, tiếp. - Sau thành công kinh tế này, nương Phin thúc đẩy phát huy âm nhạc và nhảy múa truyền thống người Mường, ban đầu là để quảng cáo cặp váy với hoa văn, nhưng rồi từ từ lan qua địa hạt du lịch và văn hóa. Hiện cô tổ chức được một đội múa và một ban nhạc với đủ công, chiêng, phèng, sáo, khèn, nhị... Cô vẫn đẹp, vẫn độc thân, và nay thích quan hệ với những nhà văn nhà thơ. Khi em nói với cô về người anh của anh sẽ đi núi Nà Mèo với bộ Nỗn-Nường từng đã trấn yểm long mạch Giao Chỉ từ thời Cao Biền, cô nhận lời ngay, bảo giải phóng thật sự là phải thoát khỏi cái ách phương Bắc".

Tôi lẳng lặng nghe Ban Mai kể chuyện nương Phin, lòng tràn ngập thương cảm một mảnh đời sóng gió từ thơ dại. Không biết vì lẽ gì, đầu tôi chợt chờn giấc mê mụ trưa nay, hình ảnh Ban Mai áp mặt xuống mơn man ngực một nương Phin tôi chưa từng biết mặt lại mơ hồ vương vất. Nhìn Ban Mai, tôi buột miệng: "Em thân với nương Phin

lắm hẳn...". Bất cười thấy trong câu hỏi có thoáng ghen tuông hờn giận, Ban Mai tỉnh quá gật, rồi bảo "Ai biết mà lại không thân với nương Phin thì phải là Khú, anh giai ạ!".

*

* *

Đêm hôm đó, tôi nằm nghe anh con trai Mế ngáy, ngắm trăng chờ sáng trong gian bên dành cho đàn ông. Cạnh bếp là gian đàn bà, Ban Mai chuyện trò gì với Mế đến khuya, thỉnh thoảng lại rúc rích cười. Câu Ban Mai nói, thế anh là người hạnh phúc rồi, lại vang lên như tra hỏi. Tôi có công việc đúng nghiệp vụ chuyên môn. Ăn, tôi đủ. Mặc, cũng đủ. Con hai đứa, chẳng thể bảo là hư, học mãi rồi cũng tốt nghiệp đại học, và rồi chúng sẽ có công ăn việc làm trong một thế giới văn minh phát triển. Vợ tôi, không xấu không đẹp, không khôn không dại, chẳng đòi hỏi gì, sống hiền lành yên phận. Tóm lại, sau một thời ấu thơ có chút mùi tử nhục côi cút, đời sống tôi an bình đều đặn trôi như bốn mùa một năm. Ai cũng bảo tôi thế là hạnh phúc.

Nhưng tại sao khi nói với Ban Mai, tôi

lại bảo biết thế nào là hạnh phúc? Thế còn Ban Mai? Tôi tự trách, sao tôi không đủ quan tâm để hỏi câu Ban Mai hỏi tôi, em có hạnh phúc không? Đang dở như Ban Mai, chắc nàng sẽ bảo không! Có phải vì sợ phải nghe thế nên tôi không can đảm hỏi chẳng?

Đêm cứ dài ra với những tồn nghi lăm cẩm không có giải đáp. May mà gà gáy sáng, một con, rồi sau đó, tiếng gà cất lên từ đầu đến cuối bản. Chúng tôi lục đục uống nước chè, ăn vội nắm xôi, lên đường đi về Mường Thành khi nắng vừa le lói sau những chòm cọ đêm nghiêng. Ban Mai ngồi lên Honda, bảo sẽ đi hai giờ xe, sau phải cuốc bộ chừng một giờ. Nàng hớn hở: "Anh gặp bà em với cu Tít, chắc vui lắm!". Không rõ vui thế nào, tôi gục gặc, nhớ mình chẳng mang gì quà cáp, nhắc Ban Mai. "Ồi giào, đừng vẽ chuyện. Mình đi đột xuất mà anh!", Ban Mai tươi cười, rồ máy.

Đường núi ngoằn ngoèo, vẫn cứ vách và vực, vẫn những sợi tóc ngược gió bay vào ve vuốt, vẫn một mùi hoi nồng khơi gợi. Khi nắng sắp chớm đỉnh cây, chúng tôi đến một bản Mường thưa thớt chừng chục nóc nhà. Gửi xe ở một nhà

quen, Ban Mai dẫn tôi men theo con đường dốc ôm vòng những nương ruộng nằm lưng chừng một dãy đồi. Lát sau, chúng tôi băng ngang một con suối, vào khu rừng cây cối rậm rạp nhưng cần cỗi. Chỉ tay về phía trước, nàng bảo:

"Sau kia là ta đến nơi... Hẹn hán nên rừng không có vạt chữ mưa thì đi đầu trần thế này chẳng được!"

Bước sau Ban Mai, tôi len lỏi, thầm nhủ chắc chắn sẽ lạc nếu phải đi một mình. Quanh co mãi, cây cối thưa dần, Ban Mai tíu tít: "Sắp đến rồi! Chưa gì em đã nghe tiếng cu Tít gọi!". Nàng ngược lên, cặp mắt mở to, lông lánh như sắp khóc. Ra đến bìa rừng, Ban Mai đi như chạy. Khói bếp xanh ngất ở đâu bay lơ lửng. Lưng đồi bên kia, những mái nhà sàn thấp thoáng. Ban Mai miệng giục, chân thoăn thoắt, mặc tôi tuột lại phía sau. Chúng tôi băng ngang chân những nương lúa vàng vọt. Ban Mai vẫy những người làm rẫy, áo chàm bạc thếp dưới ánh nắng gay gắt, miệng reo những câu tôi không rõ nghĩa. Con đường vào bản hiện ra, cũng ngoằn ngoèo như đường vào bản

Mồ, nhưng xơ xác vắng vẻ hơn. Đây, vùng sâu và xa, có nhắc thì xã hội đang ồn ào hiện đại hóa ngoài kia cũng sẽ quên liền, làm sao bì được với những nơi gần đô thị được.

Chạy thẳng vào một căn nhà chìa ra trong đám cây cỏ thiếu nước xác xơ, Ban Mai cất tiếng réo gọi. Cửa mở. Một cụ bà tóc bạc trắng thò đầu khỏi tấm liếp đóng hờ. Ban Mai lên thang trong khi cu Tít ra cửa, nhẩy căng lên, gọi mẹ. Khom người, Ban Mai đưa hai tay ra, thẳng bé lao vào lòng chúi đầu áp mặt, bẽn lễn nhìn tôi cười. Cụ bà ngược lên, ánh mắt dò hỏi, tay mở rộng cửa ra dấu mời vào.

*

* *

Sau cơm trưa, cu Tít đòi mẹ đưa ra bãi trống cạnh một con thác cạn nước, nơi Mùng sẽ làm lễ cầu mưa đêm trăng tròn. Nó bẻm mép, mắt đen nháy, chạy nhẩy như một con hoẵng. Vắng nhà lâu ngày, Ban Mai chiều con, miễn cho nó giấc ngủ trưa như lệ thường. Không muốn mẹ con Ban Mai mất những phút tư riêng, tôi xin ở lại, lấy có mệt. Cụ bà dặn Ban Mai gì đó, rồi rút

nước mời tôi. Không ngờ cụ nói tiếng Kinh thật là sõi, hỏi tôi mới biết cụ và cụ ông đã sống một thời gian ở Hà Nội đầu những năm 60, khi cả hai giúp Viện Dân tộc học trong những nghiên cứu về dân tộc Mường. Cụ bà vào gian cạnh lồi ra hàng chục cặp váy sặc sỡ trên thêu những hoa văn tinh tế. Cụ nhắc ông Từ Chi, một nhà nghiên cứu trở thành bạn của cụ ông, bảo người Kinh thì chỉ có ông ấy mới thực sự hiểu người Mường. Hàng năm, ông ta lên ở trên này có khi cả tháng, lặn lội khắp nơi sưu tầm những truyện cổ truyền khẩu mai một dần trong trí nhớ một tập thể ngày càng mất đi nguồn cội. Nhớ lời kể cụ thuộc Kiều bản tiếng Mường, tôi xin nghe. Mắt sáng lên, cụ bảo chính cụ ông và ông Từ Chi đã cùng nhau làm công việc dịch Kiều. Nhắm mắt trầm tư, lát sau cụ đọc một đoạn, tay gõ nhẹ xuống mặt sàn nhịp cho những câu lục bát vần điệu luyến láy không phải chỉ dân tộc Kinh mới có. Cụ lặp đi lặp lại, bằng tiếng Mường, *bắt phong trần phải phong trần. Cho thanh cao mới được phần thanh cao*. Thành linh, cụ bảo nay chẳng phải thế, làm gì còn có nơi nào cho thanh cao mà hòng. Đây trời đây

đất, chỗ nào cũng gió, cũng cát, cũng bụi.

Nâng những mảnh hoa văn Mường lên, tôi đột nhiên biết mình đã từng nhìn như thế từ một quá khứ hun hút vô định, mặc nước mắt bỗng ứa ra chảy thành vệt. Cụ bà ngạc nhiên, hỏi có sự. Như trong mơ, tôi kể tôi côi cút, tôi lớn lên và tồn tại thế nào với cái huyền tưởng mình họ Bạch gốc Mường vùng Cao Lạng. Cụ bà hấp háy nhìn tôi, buông thõng:

"... thì nghĩ mình thế nào, mình là thế ấy, cứ sống như vậy chứ bận tâm làm gì!"

Đứng lên, tôi bước lại xem bấy chiếc cổng to nhỏ khác nhau treo trên tường, tay vuốt ve những dấu trạm trổ trên mặt cổng sắc lạnh. Cụ bà đến gần, bảo:

"Cổng này cổ lắm, từ đời nào chẳng biết. Có cái đánh để rước tổ tiên về, cái để gọi hồn người mới chết, cái báo con trâu đi lạc... Nhớ đừng úp mặt cổng xuống, úp là chết. Chỉ cổng sống mới gọi được người chết về!"

Kề tai vào, tay chạm nhẹ, tôi nghe tiếng ngân nga vắng vắng như tiếng gọi

từ cỗi títt mù tiềm thức, lung linh đong đưa theo vệt nắng chiếu qua song cửa. Bất giác, tôi mỉm cười, lòng nhẹ tênh tênh.

Chiều hôm đó, trong bữa cơm không biết cụ bà nói gì với Ban Mai mà nàng reo lên:

"Thế em gọi anh bằng Bạch công tử nhé! *Người Mừng nhà em ăn cốt tươi, chơi cốt thật, anh ạ!*"

Cu Tít ôm con mèo đen chuyện trò như nói với người, thỉnh thoảng lại khúc khích cười. Nó bắt mẹ dứt cho ăn, rồi vào ôm mới chịu đi ngủ. Khêu bắc đèn dầu cho to lên, Ban Mai đưa con vào gian nhà bên trái. Cụ bà hơi mệt, cũng đi nằm. Một mình, tôi ngắm ánh trăng trên những tàu lá cọ chập chờn lay trong gió, thiếp đi lúc nào chẳng biết, giật mình khi Ban Mai đến lay tôi, dịu dàng bảo:

"Anh nằm cho khoẻ, mai lễ cầu mưa kéo cho đến hết đêm mới xong".

Nửa mê nửa tỉnh, tôi nắm lấy tay Ban Mai. Nàng để yên, một lúc sau mới nhẹ nhàng rút ra, mắt đong mầu xanh của ánh trăng huyền diệu. Còn tôi, tôi bỗng thấy lòng mình êm đềm như dòng

suối lượn quanh Ban Mai. Dẫu trong một ngày hạn, dòng suối có thể cạn, nhưng hy vọng hồi sinh thì không.

Đêm mai, tôi sẽ thức trắng và cầu mưa, như mọi người.

BẢY

Khi mặt trời leo lên đỉnh cây ven rừng, người ở những bản xa đã về tụ tập ở Mường Thành, nơi Pô Mo sẽ làm lễ cầu mưa. Họ tươi tắn chào hỏi nhau. Những cụ già tay chống gậy, răng đen, nhai trầu, mép đỏ quết nhếch lên như cười. Những cô con gái, đầu quấn khăn trắng, trong là áo báng màu đen cao đến cổ, đầu váy nổi lên giữa hai vạt áo *păn* ngắn ngang lưng. Áo *păn* xẻ đôi, kín đáo khoe một vạt hoa văn sặc sỡ quấn quanh phần dưới ngực, thêu bằng chỉ ngũ sắc những chú hươu sao và những con cá chép lượn lờ cạnh nhau. Những chàng trai, quần ống rộng, khăn thắt bụng, áo lụa vàng phanh ngực, cổ choàng khăn tím than, lưng giắt dao quắm, có kẻ khoác áo chùng đen dài đến gối. Họ thỉnh thoảng cất giọng hò

lên trên đám con gái. Đám này chúi vào nhau, cười ríu rít như những con chim rừng vừa ríu cánh vừa liếp chiếp kêu trên những tàn cây khô nắng.

Cụ bà vịn tay tôi, gặp ai cũng nói một câu, miệng cười móm mém. Ban Mai bảo: "Bà ngoại giới thiệu anh là khách đấy, Bạch công tử ạ!". Thằng cu Tít chơi chơi như một con hoẵng, í ới gọi bạn rồi chạy biến đi. Vào khoảnh giữa một vạt đất được dọn sạch, công và chiêng treo quanh một chiếc trống mầu mun đỏ. Ban Mai thì thào:

"Trống đồng đấy, cổ lắm, cổ đến chẳng ai biết tuổi, chỉ mang ra làm lễ trong những chuyện sống mái của Mường. Lần trước là khi Mỹ dội bom, lâu lắm rồi..."

Chúng tôi bước đến chào Pộ Mo. Đó là một cụ già tóc bạc phơ, cổ cuốn khăn vàng, trông mắt đục nhưng căng ra như trợn lên. Nghe cụ bà nói, Pộ gật gù, đáp. Ban Mai dịch:

"Pộ bảo họ Bạch thì là họ quan lang, còn Pộ vốn dòng Âu, họ Bùi, làm phụ đạo cho quan hàng chục đời rồi".

Pộ khom người, nắm lấy tay tôi, lắc lắc. Phải nói thật, tôi ngượng đến chín

người, chẳng lẽ lại nói cái họ Bạch của tôi chỉ là do tôi hoang tưởng. Nhưng chẳng biết Pộ nói gì mà dăm cụ ông cao tuổi đến chào tôi, nét mặt thân mật, cười vồn vã. Giữa trưa, đám thanh niên giống một con trâu đến buộc vào cái cột đóng cạnh dàn chiêng trống. Tiếng hàng chục cái khèn nổi lên. Rồi tiếng công âm vang chuyển hồn người vào rừng núi. Con trâu đứng đỉnh nghếch mõm nhìn trời, đuôi phe phẩy đuổi ruồi muỗi, chân lâu lâu lại cào vào mặt đất tro trụi cỏ. Ba chàng thanh niên cầm những chiếc dùi bọc vải ra đứng quanh chiếc trống cổ. Pộ Mo ôm một bó nhang đi quanh, tay vẽ những vòng ngoằn ngoèo, nhang gặp gió cháy đỏ, chói lên, rồi lại tàn. Cứ thế. Tiếng trống lúc một dồn dập, điểm vào là công, chiêng, và tiếng khèn rền rĩ. Đi vòng cả giờ đồng hồ, Pộ lúc một chậm, gần như sắp kiệt sức. Con trâu bỗng thở phì phì, dải trắng xoá chảy rờn rờn. Gió ơi, gió lên. Gió ơi, gió. Gió đến, thổi để thế gian này còn hy vọng. Ban Mai ứa nước mắt, kêu nho nhỏ, thanh âm hòa vào tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng công. Gần như mù mắt, tôi nắm chặt lấy tay Ban Mai, và không

hiếu động lực nào thôi thúc, tôi gào lên một thứ ngôn ngữ tôi không hiểu, không biết, nguồn cội đến từ bản năng một con thú cùng đường. Khi đó, tôi mơ hồ cảm thấy gió, gió lên, gió phần phật. Tiếng người thất thanh. Mừng rỡ. Gió thốc vào, xoay một vòng, mát rượi. Pô giờ bó nhang lên trời, mắt trừng trừng nhìn, hô ba tiếng. Bó nhang phùng phục bốc lửa, cháy có ngọn. Dân Mừng ồ lên, rồi im lặng. Tiếng chiêng trống bần bật. Khi không có gì ngoài tiếng gió, Pô Mo cất giọng, run run, kéo những thanh âm dài ra tưởng không bao giờ đứt đoạn.

*
* *

Ban Mai thì thảo vào tai tôi:

"Pô hát tang ca roóng mo *"Tẹ Tat-Tẹ Đạc; Con chu-kẹo lọi; Toọc-moong"*, người Kinh gọi cho gọn là Đẻ Đất - Đẻ Nước. Trong những dịp lễ hội lớn, người Mừng nghe Pô hát để tưởng nhớ đến ba tầng bốn thế giới gốc gác của mình. Phần đầu, là truyền thuyết sinh thành... Thuở trời tách khỏi đất, vũ trụ mới ra đời, Mừng Trời được đặt dưới sự cai quản của Bua K'loi, người Kinh gọi

là vua Trời. Vua có Thần Sét phụ tá, nàng A Tăng giúp việc. Dưới đất, tức Mường Pưa, có ba anh em là Tá Tài, Tá Cần và nàng Yạ Kịt. Người anh cả Tá Tài chưa kịp hoàn thiện được Mường Pưa thì xảy ra một trận Đại Hồng Thủy. Chỉ còn Tá Cần và Yạ Kịt, cặp trai gái này không cưỡng lại nổi bản năng, gian dúu ăn nằm như vợ chồng. Vua Trời giận lắm, kết họ tội loạn luân, phái Thần Sét và nàng A Tăng xuống với nhiệm vụ là đánh sét giết hai đứa dâm loạn. Nàng A Tăng lợi suối đi trước, Thần Sét theo sau, và Thần thấy cái đẹp của thân thể A Tăng nhịp nhàng theo độ uốn lượn núi đồi. Cái đẹp ấy khiến Thần thờ dãi, trầm ngâm, lòng day dứt. Qua bên kia bờ suối, thấy Thần buồn bã, nàng A Tăng hỏi. Thần thực tình nói lòng mình, và kêu, chẳng lẽ vì cái đẹp mà phải tội chết sao. A Tăng hiểu, và đồng ý tha chết cho cặp nhân tình, sét đánh chỉ đánh vào cây xoan đầu bản và bậu khung cửa sổ. Vua Trời bị lừa, không toàn năng như Thượng Đế. Và Thần Sét, rất người, chối cái trách vụ làm thần. Còn nàng A Tăng, nàng đúng là một người đàn bà, dẫu trên trời hay dưới đất cũng vậy!"

Nhìn Ban Mai, tôi định nói Ban Mai ơi, em chính là A Tăng của anh, nhưng kịp mím môi, chỉ bảo:

"Tôi cũng như Thần Sét..."

Ngừng lên, tôi thấy Ban Mai cười với ánh mắt tinh quái hồ nghi. Tôi đỏ mặt im lặng, giả lắng tai nghe. Phần sau Để Đất - Để Nước, là lễ gọi hồn. Chẳng hiểu gì, tôi chỉ nghe tiếng rầu rĩ não ruột:

Pa hôn pải plái on từa, on kai, no ti vên kung pô kung mê, ăn kơm ăn ka.

Pö úi kiết bỏ ta la no poa, thân hoà ùn no úã no pö úi. Pô ơi kết bỏ ta la no pò, thân hò ăn no ở no pô ơi!⁽¹⁾

Rồi lễ đâm trâu. Hàng chục thanh niên quây quanh con trâu với những cọc tre già vót nhọn. Tiếng chiêng tiếng công lại nổi lên. Hàng ngoài, thanh thiếu nữ Mường xếp vòng tròn, miệng hát, tay vung lên đánh nhịp, rồi nắm lấy nhau nhảy cứ ba bước một, xoay quanh, tụ vào rồi tản ra. Khi bóng chiều lừ lừ nhuộm đỏ đầu những tàn cây, trai gái mang củi đến chất làm thành một

(¹) Ba hồn baỷ vĩa con trai, con gái, úã àêu thò vĩa cuâng bõe, cuâng meả, ùn cúm, ùn caá.

Bõe úi chiết boả tời laâm sao vẫy, thân mồnh ùn àêu úã àêu, bõe úi!

chiếc tháp cao quá đầu. Pô Mo giơ tay đợi mọi người im lặng, cất tiếng ê a, giọng nhừa nhựa quánh sệt. Các vị phụ lão cao niên đứng dậy, và khi đó, tiếng rung chuông thành linh cất lên. Đám thanh niên hú dài, đồng loạt lao những ngọn tre vót nhọn vào mình con trâu. Máu phọt lên có vòi. Con trâu đau đớn nhẩy lồng lên, sợi thừng buộc nó trĩ xuống. Nó oằn mình xoay tròn, hông hộc rống rít, chân đạp cồm cộp xuống đất. Một người trung niên trần trùng trực ở đầu nhô ra, hai tay cầm một ngọn thương sáng loang loáng. Nhắm lưng trâu đâm, ông ta cong người nhấn mũi thương xuống, bắt thịt vai nổi cuộn cuộn. Con trâu khuyu chân phủ phục, thở phì phì, dãi rớt phòi ra trắng mồm. Bất thành linh, ông ta rút ngọn thương ra, máu ồng ọc chảy, và hai thanh niên nhẩy vào đưa nôi ra hứng. Người ta mổ trâu làm thịt. Các bà lăng xăng bắc những cái nôi to cỡ những chiếc thẩu đặt lên củi đã cháy thành than. Các ông khoa dao, tay thoăn thoắt mổ bụng, lạng thịt đùi thịt vai. Trẻ con la hét ồm ồm, đuổi nhau chạy khắp nơi. Cứ thế, cho đến khi ánh dương lụi dần, ráng hồng phớt lên đỉnh

những tàn cây chồi lung lay trong gió,
chim chóc xào xạc bay về tổ.

Sau ba tiếng trống đồng âm ì, dàn
khèn lại cất lên. Và lại chiêng, lại công.
Và tiếng người đồng thanh lập đi lập
lại:

Ăn za khoê nói za lưã

Tê co kwi sa ma đượi⁽¹⁾

Ở Mường Pưa, nơi Thần Sét thôi là
thần, nơi nàng A Tăng động lòng trần,
và vua K'loi, trước tình yêu giữa những
con người, cũng mất hết quyền năng.
Khi đó, vua chỉ còn tha thứ, khiến cho
mưa thuận gió hòa để lúa gạo ê hề cho
những con người có thể sống để yêu
nhau. Người gọi vĩa lúa tiếng vang lên
chuyển qua vách núi, từ đời này đến
đời kia, cứ như thế vượt mọi mốc thời
gian, làm chứng cho sự huyền diệu vô
cùng đã sinh thành ra sự sống:

Plái ló ơ vên tun vên nhà ma

Ơ⁽¹⁾!

Plái ló ơ vên tun vên nhà ma ở!

Plái ló ơ vên tun vên nhà ma ở!

Quanh đồng lửa cháy có ngọn,
những vò rượu cần được mang ra để la

(¹) Ûn ra khoái, nói ra lũa. Ấi cho qu్యా xa ma súả.

(¹) Vĩa luáa úi, vĩa àuẩn vĩa nhaa ma uấ!

liệt trên mặt đất. Đám trẻ tiếp tục nhảy múa theo tiếng trống đánh lên đệm cho dàn sáo và nhị xâu chuỗi những thanh âm thành lời van xin của rừng, của núi, của nương ruộng khô cằn nứt nẻ những vết chân ó. Trăng ló ra khỏi đám mây trắng rám bạc trải lên thế gian một màu xanh trong suốt. Tiếng hò tiếng hát vang lừng. Sau lễ, đến hội. Từng đám năm sáu người quây quanh một vò rượu cần, đĩa thịt trâu luộc, bát canh măng rừng, nộm rau dền có cà rừng, hoa chuối, hoa đu đủ, lá sắn củ... và một nồi cơm nếp. Ban Mai chìa cho tôi ống trúc cắm vào vò rượu. Tôi uống. Rượu mát, không nồng, thấm vào những tế bào lưỡi, trôi xuống cổ ngọt ngào. Ban Mai đùa: "Bạch công tử thấy rượu Mừng nhà em thế nào?". Tôi khen ngon, bảo uống cứ như uống nước ngọt, chẳng thấy hơi men, làm sao say được! Ban Mai chỉ cười. Khi rượu cạn, người ta đổ tiếp nước suối vào vò. Ban Mai bảo:

"Anh áp tai vào nghe rượu hát".

Quả thế, có tiếng bọt vỡ lục đục trong vò. Rồi tiếng rượu reo, âm vang li ti vắng lại nghe xa tít tắp.

Lửa nổ tí tách bắt có ngọn lem lém.
 Trống chiêng tiếp tục bập bùng. Trăng
 đã lên gần đỉnh đầu soi cho dăm con
 vạc ăn sương bay ngang, tiếng kêu như
 thúc giục đêm về. Những vò rượu cần
 vui rồi đầy, men rượu bốc đến tầng mây
 cao nhất mắt còn nhìn thấy được. Bọn
 con trai túm tụm lại, cười cợt, cất tiếng
 hát:

*Thương noòng em hoỡi
 Thương hoỡi ũn à
 Chớ để quả còn bên anh
 Nó rơi xuống đất mà mất xống
 đẹp áo chùng
 Chớ để quả còn anh tung
 Nó rơi xuống đất mà mất tênh
 xanh áo păn...*

Bọn con gái rúc rích, rồi đồng thanh
 véo von:

*Thương noòng anh hoỡi
 Thương hoỡi anh à
 Mất xống mặc lòng mất xống
 Lột áo mặc lòng lột áo
 Cứ chơi lục lạo trong vòng ngực
 em
 Chớ đem vóc ngọc mình ngà*

chưng ra

mà hồ chúng bạn...

Bọn con trai kéo tôi đứng lên. Chập choạng, tôi nhảy theo bước chân chúng, chúí người ngã khi nào chẳng biết, nhưng lại lồm cồm bò dậy, miệng cũng í á... *thương noong em hoối*. Với tay lấy ống, tôi lại hút rượu nuốt ừng ực, rượu ngọt, tôi cứ thế, cứ thế như chưa bao giờ là tôi thế cả. Gỡ phăng mọi sợi dây vô hình trói tôi vào một cái tôi không thật, cái tôi sống ở hải ngoại với một thứ công ăn việc làm đòi hỏi quần áo trịnh trọng cà-vạt vét-tông, tôi cởi áo ra quăng lên trời, hét... *thương hoối ún à*, tay chỉ chiếc sơ-mi rơi, miệng ngu ngơ kêu nó rơi xuống đất. Cùng mấy đứa con gái, Ban Mai nhập bọn, nắm tay tôi nhảy vòng vòng. Đứa con gái sau lưng tôi chỉ độ mười sáu. Nó cũng say, ngửa mặt cười, miệng lộ một chiếc răng nanh bít bạc, lóng lánh mê hoặc. Một tay ôm eo Ban Mai, tay kia tôi quàng ngang lưng nó. Cúi xuống, nó cắn vào tay tôi, nhay nhay, mềm ướt. Chớ để quả còn rơi xuống đất, ún à... *Hãy lục lạo trong vòng ngực em, ún à...* Dưới ánh lửa hồng, những giọt mồ hôi trên mép Ban

Mai lóng lánh. Chao ôi, tôi lại khát, áp môi vào nhưng Ban Mai khẽ đẩy tôi ra. *Chớ đem vốc ngọc...* chung ra... Đứa con gái ngã chúi vào bụi bờ. Tôi cũng ngã, kéo Ban Mai ngã theo. Không biết nằm đè lên ai, tai tôi nghe quanh đây tiếng rên của đàn bà trong ngọn triều khoái lạc đang nhấn chìm thế giới vào một giấc mơ địa đàng nguyên thủy. Ôi, cái địa đàng này con người có thể tạo ra được ngay bây giờ đấy chứ. Tạo được, khi người ta rộng lượng đến với nhau. Cho nhau. Không dè sẻn giữ gìn riêng tư chỉ vì mình. Không kẹp chân khép háng thóp bụng ghim mớ ước lệ đạo đức vào làm lá chắn ngăn khả năng đến được sự thăng hoa tột cùng của phận người qua nhục cảm thân xác. Tôi tan ra. Tôi hòa vào tiếng thở gấp, tiếng kêu trời. Tôi dập dềnh lên xuống như cơn triều dâng rồi rút trong một khoảng thời gian không đi đâu không đến đâu, mọi hẹn hò với tương lai bỗng tuênh vô nghĩa. Tôi tưới vào con người cứ nấc lên mỗi lần tôi thúc vào cống hiến như tôi tưới vào cuộc sống này tất cả sinh lực, như trời đổ mưa, mưa độ lượng, mưa chan hoà, mưa hối hả cho nhân gian này tươi xanh trở lại.

*

* *

Tỉnh dậy, tôi cố gắng mở mắt. Trời mầu mực nhạt, trăng đã xế về cuối chòm cây đung đưa trong tầm mắt. Chỉ còn tiếng củ thi thoảng tí tách, nhả một làn khói mỏng trắng đục lửng lơ. Gió lặng. Không khí khô ran, và cứ chốc chốc, tiếng khèn đơn côi đâu đó vẳng lại than vãn. Gom mắng ý thức bập bênh trôi không định hướng, tôi cố tìm một tụ điểm. Nhưng chẳng có gì khác trí nhớ những phút hoan lạc đọng lại khi chỉ độc thân xác mới thật tồn tại. Tôi phồng mũi. Cái mùi tôi hít thở trong giây phút vừa qua có phải là mùi tôi ngửi thấy khi ngồi sau Ban Mai trên chiếc Honda? Tôi lắng tai. Giọng người đàn bà hai tay bấu chặt vào người tôi nói mà tôi không hiểu nói gì có phải là giọng Ban Mai? Loay hoay, tôi như lạc đường, quần quanh trên những lối vòng vèo tròn ốc của một màng nhện giăng đầy mê lộ. Ngồi lên, tôi đưa mắt nhìn quanh. Bên đồng củi nay nhấp nháy thoi thóp, Ban Mai ngồi, cạnh là Pộ Mo, im lìm như hai bức tượng bằng vôi, trắng xóa, mờ lung. Miệng khô ran, tôi lết đến. Pộ Mo nhìn tôi, ánh mắt mệt

nhọc, rồi ngược lên trời. Ban Mai rót cho tôi một bát nước như nước vối, đen sì. Tôi vục miệng vào uống một hơi. Rồi tôi lại nằm vật ra, bên cạnh đống than hồng đang từ từ tắt lịm, mở mắt nhìn vào bầu trời vẫn chẳng một gợn mây, không một cơn gió. Tôi bần khoản, đã bao nhiêu lễ cầu mưa của con người, và bao nhiêu lần trời cho mưa để cứu lấy những vật lúa chết khô vì thiếu nước? Như một đứa trẻ con, tôi hỏi Ban Mai. Nàng không đáp, chỉ cười buồn, quay lại nói một câu với Pộ Mo vẫn cứ lặng lẽ nhìn lên trời.

Tiếng ho khan sau lưng. Quay lại, cụ bà đang khom lưng đi tới, tay ôm một bọc to. Cụ đến cạnh Pộ Mo, thì thảo vào tai, rồi vỗ nhẹ nhẹ vào vai tôi. Khi đó, Pộ xoay người đối diện với Ban Mai, nhìn vào mắt nàng, cất giọng đều đều nói như cầu kinh. Pộ nói rất lâu, đôi khi nói nói lại như dằn dò. Chỉ thấy nàng gật đầu, nét mặt nghiêm trang. Tôi chong mắt lên nhìn. Dưới ánh trăng xanh nhợt, tôi bỗng thấy tất cả quay về thời mà trí nhớ chưa có, vô thủy vô chung, tất cả trở thành vô cùng bé nhỏ, con người hầu như bất lực trước định

nghiệp huyền bí, lơ ngơ đến thăm thương với những huyền vọng và ảo tưởng. Lúc này, chẳng hiểu sao tôi lại nhớ thằng anh chết tiết, cái nó gọi là vật Bảo Quốc Hộ Dân, liên tưởng chuyện Cao Biền trấn yểm long mạch đất Giao Châu, ngọn núi Nà Mèo và cái chày cái cối tượng hình cho Nồn với Nường. Trên trời, trăng nhạt nhòa. Đàng xa, sao mai nhấp nháy. Xung quanh, những cặp gái trai ôm nhau trên bờ dưới bụi ngủ vui. Vẫn cứ một tiếng khèn xa đưa, ai oán, rì rầm than vãn.

Pộ Mo đứng lên. Cụ bà, rồi Ban Mai cũng đứng lên. Nàng quay sang tôi, dịu dàng:

"Ta đi! Anh ơi...".

Ban Mai ôm cái bọc cụ bà trao, lẳng lẳng lên đường. Tôi bước theo.

Nhưng không phải con đường về bản.

*

* *

Chúng tôi lên đèo xuống dốc hai lần thì Ban Mai bảo, sắp đến nơi rồi. Đầu óc còn mụ mẫm, tôi buột miệng:

"Đây đâu phải núi Nà Mèo! Đâu đã đến Mai Châu đâu!"

Ban Mai quay nhìn tôi, giọng nghiêm trang:

"Pộ Mo bảo ta làm một việc trước cho dân Mường đã... Làm mà thành, ta sẽ đi Nà Mèo, Bua K'lori muốn thế!"

Nói xong, Ban Mai quay ngoắt người, tiếp tục trèo lên một con dốc chênh vênh. Khi đó, nắng hoe vàng nhuộm đều những tàn cây trong cánh rừng phía dưới. Cái nóng chưa hừng hực, nhưng chẳng phải không đe dọa, mồ hôi chưa gì đã đầm đề nhơm nhớp rịn ra trên lưng, trên gáy. Lên đỉnh, con dốc hẹp dần, cuối cùng chỉ một người đi lọt. Ban Mai đến gỡ một lớp lá cọ, sau là cánh cửa bện bằng mây dày ba bốn tầng. Mở cái then gỗ chặn ngang, nàng lách mình vào.

Ánh đèn pin chóa lên. Ban Mai gọi, tôi theo vào trong khi nàng đang đánh diêm châm lửa vào đồng củi khô chụm lại để trên nền đá. Ban Mai dịu dàng:

"Em đốt lửa cho khô, hang thường ẩm ướt, ngay cả trong mùa hè!"

Lát sau, cái hang quăng chục mét

vuông hiện rõ trong ánh lửa chập chờn. Không biết từ khi nào ai đã để sẵn củi lửa, trải rơm trong một góc hang, và cắm những ngọn bạch lạp trên ghềnh thạch nhũ trắng như pha lê vắt ngang. Tiếng róc rách văng lại từ một cái khe lấp sau tảng đá màu xám chắn cuối hang trầm bổng chẳng khác tấu khúc của một nhạc công tài tình. Quảng cho tôi cái chổi, Ban Mai bảo tôi quét hang cho sạch. Nửa nghiêm trang nửa cười cợt, nàng bảo:

"Khéo phải ở đây một tuần, nên giữ nếp sống văn minh đậm đà bản sắc chứ!"

Phần tôi, tôi ngạc nhiên, nhưng hân hoan. Ví mình như Lưu Nguyễn nhập Thiên thai, tôi cợt nhả:

"... một tuần chứ cả đời tôi cũng sẵn sàng".

Nàng trề môi không đáp, mở cái bọc ra, xếp lên ổ rơm một cái chăn màu ngà và những trang phục sắc sỡ. Hỏi, Ban Mai bảo:

"Đây là quần áo hành lễ cầu lòng K'loi...".

Chỉ vào cái chăn, nàng tiếp, đàn bà

Mừng mỗi người chỉ có một cái chần này khi lấy chồng. Lúc là thiếu nữ, ai cũng mất cả năm tự mình dệt vải, hái gòn, đánh bông nhồi chần, rồi thêu thùa những áng hoa văn. Cái chần này của bà ngoại, bà quý lắm. Thế mà hôm nay bà mang cho em để em lên đây làm lễ với anh, lễ xong thì anh mang về nhé!"

"Nhưng lễ cầu lòng K'loi là lễ gì?", tôi hỏi.

Bảo tôi đừng vội, Ban Mai đốt trầm, mùi tỏa ra thơm ngát không gian. Nàng châm lửa vào một bó đuốc rồi kéo tôi lách người theo khe đá dẫn đến ngách hang sau. Vào trong, giữa là một hồ nước, khói bốc lơ mờ. Tiếng róc rách phát ra từ nguồn nước trên đỉnh hang tí tách nhỏ giọt xuống triền đá ven hồ. Cuối ngách hang, một thân cây mục vắt ngang. Cây sần sùi, có lẽ xưa là thân một cây đại thụ chết vì không có đủ đất để nảy mầm sinh sôi. Cẩn thận dò dẫm, Ban Mai tiến lại, giơ bó đuốc lên soi dưới thân cây mục. Nàng reo lên:

"Có, có... Anh ơi lại xem!"

Thật lạ lùng, những cái nấm to bằng

hai bàn tay chụm lại mầu đỏ hồng như da trẻ sơ sinh mọc dưới thân cây mục. Cầm đuốc, Ban Mai quỳ xuống, miệng đọc một tràng tiếng Mường. Khi nàng đứng lên, tôi thấy mặt nàng chan hòa nước mắt.

Ban Mai ra hang ngoài, mang trang phục vào. Nàng nghiêm trang, mắt nhìn tôi dịu dàng. Chân bước theo, tôi đi như một kẻ mộng du. Bên cạnh hồ nước ở hang sau, Ban Mai lẳng lặng trút hết quần áo ra. Ngọn đuốc cầm trên đất vẫn cháy, hắt lên thành đá những cái bóng chập chờn hư thực. Sững người, tôi chong mắt nhìn Ban Mai lỏa lồ như một khối đá trắng đang vén tóc khóa chân vào nước. Nguồn nước nóng, khói trên mặt hồ tỏa ra như sương khói, và người đàn bà trước mắt tôi như sắp biến đi. Có cái gì đó thật mong manh. Có cái gì đó ngậm ngùi khôn tả. Trần trỗng, tôi trầm mình vào làn nước nóng, nước ôm lấy tôi như một bào thai còn trong bụng mẹ. Tôi nghe mơ hồ nghe tiếng Ban Mai:

*"Plái ló ơi vên tun vên nhà ma ở!
Lúa ơi, về ở nhà ở đụn. Trổ mầm, lúa*

cần nước. Bua K'loi ơi, xin hãy làm mưa. Lạy trời mưa xuống. Lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cấy... Đừng bỏ đói chúng tôi..."

Không dần được, tôi hỏi lại nàng câu nàng chưa đáp.

"Chuyện Bua K'loi tha thứ Tạ Cần và Yạ Kịt là cái gốc của lễ cầu mưa. Con gái con trai Mường ăn nằm với nhau đêm qua là để xin Bua làm mưa, như Bua đã từng tha thứ Tạ Cần và Yạ Kịt. Nhưng anh thấy đó, Bua K'loi không động lòng thương. Dân gian Mường có câu *"không cứ bắc lên nấu là thành chỗ xôi, không phải bắc lên ninh là thành đôi lứa"*. Pô Mo không còn cách gì khác hơn là sai chúng ta lên đây làm lễ cầu lòng K'loi..."

*

* *

Ban Mai bảo sau khi tạo thiên lập địa, thế giới Mường Pư chia đôi. Chuyện rằng:

"... Nàng Hươu Sao gặp chàng Cá Chép. Kể trên bờ, người dưới nước, nhưng chính sự kỳ bí huyền nhiệm của cuộc tồn sinh đã đẩy họ vào vòng tay

nhau. Hươu Sao đăm chiêu"... Ở hai cõi, ta làm sao yêu nhau trọn đời?". Cá Chép quyết liệt "Chứ sao không? Lòng hai ta sẽ làm động cả vũ trụ vật thể lẫn phi vật thể! Nếu Trời - Đất có lương tri, thì rồi mai đây mọi cõi thế gian chỉ là một cõi hai ta khai sinh ra, gọi là Cõi Tình. Đó là cõi vĩnh hằng, em tin anh đi". Nàng Hươu khép mi, thả mình ngụp lặn trong lòng tin vào hạnh phúc, để mặc chàng phủ lên thân xác những vết xước nhức cảm đánh dấu niềm hoan lạc lứa đôi. Cõi người nhân lên theo sự nảy mầm của những chồi xuân. Nàng Hươu hạ sinh trăm con. Chàng Cá vui mừng, xin vợ cho con về biển. Nhưng là Hươu, nàng làm sao bơi lội như loài cá. Nhưng là Cá, làm sao chàng lên rừng sinh sống với cỏ cây. Mâu thuẫn. Vũ trụ giằng co giữa âm và dương, lưỡng nghi tạo ra những đối cực khiến thiên nhiên áp đặt đến độ không còn cách gì khác là nàng Hươu Sao và chàng Cá Chép buộc phải chia tay. Nàng Hươu mang trăm con lên núi. *Cõi Tình chỉ còn là hoài tưởng*. Bua K'loi nổi giận, quát: "Mới thử thách xem cái Cõi Tình bền vững thế nào thì chưa gì chúng nó đã

chẳng dám sống chết có nhau. Cái chúng nó gọi là tình chỉ là hiện tượng cõi vật, chưa thăng hoa thành hồn trong cõi phi vật thể!". Bua ra oai trừng phạt khiến hạn hán triền miên. Cây rừng không xanh, lúa chẳng kết hạt. Trăm đứa con theo mẹ vật vã đói khát khóc kêu, nhưng lòng Bua K'loi chẳng động. Nàng Hươu đành cầu cứu chàng Cá. Phải tự cứu, con đành chia đôi. Và chàng Cá mang năm mươi đứa con về biển, thành người Kinh. Đám năm mươi đứa còn lại ở với Nàng Hươu, thành người Mường của rừng của núi".

"... nhưng lẽ thế nào cho K'loi động lòng?", tôi bồn chồn không nhìn được, ngắt ngang.

Ban Mai đứng lên, dịu dàng:

"Lẽ làm sao phục hồi được Cõi Tình bỏ ngõ, anh ạ!"

Nhìn bức tượng ngồn ngộn ấy không có lấy một mảnh vải che, tôi sửng sò, thậm nhủ nếu Ban Mai là nàng Hươu thì tôi nguyện làm chàng Cá đến độ sống chết bất cần. Lấy khăn lau nước đọng trên thân thể nàng, tôi thành khẩn nói, tay tôi run lên như khi chăm

chút một cổ vật quý hiếm.

Ban Mai hỏi, giọng hoài nghi:

"Có thật sống chết bất cần không?".

*

* *

Ra hang ngoài, Ban Mai thấp những ngọn bạch lạp, nàng mặc yếm tơ ngà, quàng tênh xanh, váy chùng mầu đen lóng mượt, eo cuốn xà tích vòng cung mầu trắng khiến những hoa văn trên bụng nổi lên như chạm trổ. Tóc giắt trâm bạc, cổ tay đeo trầm, nàng xõa tóc hong khô, tóc mượt mà chảy thành thác xuống hai bờ vai.

Đội tôi choàng lên người tấm áo bằng lụa vàng, cuốn cạp giữ chiếc quần ống loe làm bằng vải chàm mầu tím than, Ban Mai đội khăn trắng lên đầu, mở phen cửa mây, lách ra ngoài. Nàng căng mắt nhìn xuống phía dưới, tay chỉ: "Bản em đằng kia, giờ này chắc cu Tít con em đang nghịch với lũ gà con...". Nàng quay mặt, mắt ươn ướt, buột miệng "Em thương nó lắm!". Lát sau, nàng mím môi bảo:

"Anh nhìn rừng nhìn núi đi, đóng cửa

hang là chỉ khi K'loi động lòng làm mưa thì mới mở đấy!"

Tôi đưa mắt, nhưng chỉ thấy hình ảnh Ban Mai nổi nà trong hồ nước hang sau, tai nghe nàng thì thào: "Thanh tẩy cho sạch bụi rồi đấy anh...".

Ban Mai lấy từ cái bọc ra hai đôi đũa và một con dao gỗ. Không nói không rằng, nàng vào hang sau, lần đến thân gỗ mục, cẩn thận nạy từng cái nắm ra để vào đĩa cũng làm bằng gỗ. Nàng thì thào:

"Năm này Pộ Mo gọi là linh chi, kị kim khí. Ăn vào, con người vượt được hai phần ba đoạn đường đi tìm hạnh phúc "

Sững ra, tôi liên tưởng đến chính câu tôi hỏi mới dăm ngày trước, hạnh phúc là gì? Không biết, thì làm sao tìm đây? Nhưng không hiểu sao tôi trân trọng đỡ lấy cái đĩa gỗ Ban Mai đưa, nâng nó lên ngang đầu, dò dẫm bước từng bước ra hang ngoài. Ban Mai đun nước sao một loại lá rừng tôi không biết tên. Nước sóng sánh xanh biếc, uống vào miệng ngọt lự, hương thơm lừng lên mũi.

Chúng tôi xếp chân ngồi bằng tròn,

trước mặt là đĩa nấm đỏ hon hồng, ở giữa mỗi cái là một chấm vàng to bằng đầu đũa, xung quanh vô số những chấm nhỏ màu tím lợt. Lúc ấy, tôi mới hỏi, ăn vào vượt được hai phần ba đoạn đường đi tìm hạnh phúc là thế nào. Không đáp, Ban Mai hỏi lại:

"Khi này anh có nói sống chết bất cần, nhưng thật thế không?"

Sống lưng tôi bỗng lạnh đi, và tự nhiên tôi sợ. Như đoán được, Ban Mai tiếp, giọng nghiêm trang:

"Pô Mo nói, năm này ăn vào giải thoát con người khỏi bản năng chiếm hữu. Sự chiếm hữu đến từ nỗi sợ. Cơ ngơi tài sản, danh vọng, quyền lực đều là vì sợ mà ra. Người ta sợ đủ thứ, nhưng rút lại đều là sợ tương lai cuộc sống. Sợ nó bấp bênh nên đi chiếm hữu để tự bảo tồn. Và vì ai cũng chiếm hữu mong trấn an cho mình, đâm ra cái sợ nhân thêm lên, là *sự sợ lẫn nhau*. Càng sợ, càng thèm thuồng chiếm hữu, và cứ thế, con người chẳng những không giải quyết được gì mà còn làm cho sự sống mỗi lúc một bất an. Họ tham sống, quên mất cái hữu hạn trăm năm của

chính mình, trở thành nô lệ của một niềm hoang tưởng. Tương lai nào, với ai, rồi cũng đào sâu chôn chặt. Có kẻ tin rằng chiếm hữu bây giờ khiến tương lai con em họ sẽ khác đi. Nhưng dẫu truyền giống, cứ nghĩ xem, rồi đời nào thì cũng vậy, cũng sẽ phải chạm mặt với cùng một vấn đề..."

Ban Mai nâng một cái nắm lên ngang miệng, cười:

"Hiểu ra sự chết, và đừng sợ quy luật thời gian, bắt đầu bằng từ bỏ chiếm hữu. Lúc đó, sống và chết không là hai, mà là một. Ăn nắm này vào, ta diệt được cái bản năng chiếm hữu... Và từ đó, ta đoạt lại tự do. Sống chết đã bất cần, anh có dám ăn không?"

Không biết mình có bất cần hay không, nhưng ở cái thế này, tôi cầm lên một cái nắm, giữ vẻ bình thản bỏ vào mồm. Mỉm cười, Ban Mai làm theo. Vị của nắm đắng chát khiến tôi nhăn mặt. Từ tốn, Ban Mai mỉm cười đưa tôi bát nước. Uống vào, vị chát tan ra, trở thành ngọt dịu. Nuốt xong, tôi lại lấy thêm một cái nắm khác, hỏi:

"Đoạt lại tự do là thế nào?"

"Không chiếm hữu, không có gì ràng buộc, mình không xác định bằng những gì mình có như tiền tài, cương vị... Khi đó thì mình tự do để thể hiện cái *mình* là, để còn lên đường. Chiếm hữu sẽ ràng buộc những bước khởi hành như dây rợ. Muốn đi về phía trước, phải chặt dây để giải phóng mình... Pô lại dặn, cái *mình* là không chỉ là mình. Đặt chân lên điều ta ngộ ra đó là bắt đầu bước vào một phần ba còn lại trên con đường tìm hạnh phúc..."

"Nhưng hạnh phúc là gì?"

Vừa nói xong, mắt tôi hoa lên. Sắc mầu trong hang bỗng chuyển động, hàng bạch lạp cắm trên ghềnh đá chao ngang nhẩy múa chằng khác gì đám trai gái Mừng trong đêm hội cầu mưa. Nhắm mắt lại, tôi định thần nhưng bằng ấy sắc mầu nay bay lượn trong tiếng bỗng trầm của một dàn đại hòa tấu. Mở mắt ra, Ban Mai trước mặt tôi vẫn đấy. Tóc nàng nay bạc trắng, rủ xuống ồ rơm vàng óng lên. Ban Mai cười, mắt lóng lánh, thỉnh linh nhìn thành nàng Hươu Sao. Đưa tay ve vuốt, ôi mượt mà như nhung. Xúc giác tôi bén nhậy gấp hàng

trăm hàng ngàn lần lúc bình thường, cho tôi cái cảm giác ngộp lặn vào da thịt nàng Hươu, cảm giác choáng ngợp đến độ tôi chỉ có thể tan biến ra thành không khí.

*
* *

Tiếng chí choé của lũ vượn khiến tôi tỉnh giấc. Khí lạnh trong hang làm tôi chần chừ trong chiếc chăn bông ấm áp. Quơ tay, Ban Mai không còn nằm bên cạnh, nhưng mùi hương người nàng vẫn đâu đây văng vất. Dụi mắt ngồi lên, tôi vẫn còn như cứ lên đèn giữa hư thực trong bóng đêm, đưa mắt xung quanh tìm. Ban Mai từ hang sau đi ra, tay cầm ngọn bạch lạp cháy đỏ. Ánh lạp hắt lên mặt nàng những khoảng sáng tối chẳng khác gì một bức tranh Gauguin vẽ những người đàn bà đảo Tahiti tôi đã xem trong một viện bảo tàng bên Pháp. Thấy tôi đã dậy, nàng cười: "Anh ngủ ngon quá, em không dám đánh thức!". Rót nước cho tôi, nàng ngồi xuống bên cạnh, lưng dựa vào vách đá.

Định thần một lúc lâu, tôi nói về

những cái tôi thấy, tôi nghe, tôi ngửi, tôi sờ... sau khi ăn nắm. Ban Mai bảo nàng ban đầu cũng thế, nhưng nàng thấy những cái tôi không thấy, nghe những cái tôi không nghe... Như vậy, nàng kết luận, mỗi người sống những ảo giác riêng trước cùng một thực tại. Nàng nhắc lời Pô Mo:

"Thực tại mắt thấy tai nghe ở bên ngoài là thế giới hiện tượng. Cái phần trong con người mới là lõi, Mo gọi là hồn, phi vật thể. Nắm ăn vào sẽ đổi cái lõi cho những kẻ có căn duyên!"

Tôi hỏi, Ban Mai lắc đầu đáp rằng đây cũng là lần đầu nàng ăn nắm như tôi. "Cái gì gọi là phần hồn?" - tôi thốt lên, giọng hoài nghi châm biếm. Lẳng lặng một lúc, Ban Mai ngập ngừng:

"Có thể nó thế này... Khi em nhìn anh ngủ, em chợt thấy lòng động một niềm xót thương vô hạn, mặc dầu riêng anh có gì đâu mà phải thương xót... Em hiểu đó là niềm xót thương đó trùm lên tất cả thế giới và nhân sinh, trong đó có anh...". Nghe Ban Mai nói, tôi chợt nhớ đến câu "*Yêu em lòng chợt từ bi, bất ngờ*" trong một bài hát

tôi lầm nhấm hát đi hát lại thời tôi còn giữ được tin yêu và hy vọng. Buồn bã nhận ra sự chai sạn đã có cách bám vào đời, tôi nhìn sâu vào mắt Ban Mai, nước mắt ứa ra, lập lại như khấn cầu:

"Nhưng hạnh phúc là gì?"

Tôi chợt nghĩ đến thằng anh chết tiệt. Ai cũng bảo là hấn bất thường, nhưng mặc dầu thế, tôi thấy hấn chưa bao giờ tuyệt vọng, lúc nào cũng lao về phía trước, hành động để mang đến một cái gì, kể cả những niềm hoang tưởng, chẳng phải riêng tư cho mình mà cho mọi người. Ngẫm lại, hấn huyền thuyên đủ chuyện, nhưng khi nói về hạnh phúc thì hầu như chỉ có hạnh phúc của cả xã hội hấn mới thực sự quan tâm. Phần tôi, xưa nay sống như một quán tính, có lẽ tôi tránh tra vấn mình khi không cần thiết, nhưng chẳng hiểu thế nào mà lần này hai chữ hạnh phúc ám ảnh đến hớp hồn. Ban Mai vòng tay ôm đầu tôi vào, nhẹ nhàng vuốt tóc, bao bọc như kén bọc lấy tôi, con tầm đơi giờ mong hóa bướm. Không biết bao lâu sau, tôi nghe nàng thì thào:

"Ta phải đi đoạn đầu đã. Một phần ba còn lại, khi nào đến, ta sẽ lên đường. Với nhau!"

*
* *

Ngày hôm sau, tiếp tục ăn nắm và uống nước, tôi khám phá ra những tác động lạ lùng. Với ý chí, bộ não tôi đánh thức được trí nhớ của mọi giác quan. Tôi nhắm mắt, muốn mầu nào tức mắt thấy mầu ấy. Đi xa hơn một mức, tôi mừng tượng những bức tranh đã coi, nào là Monet, rồi Van Gogh, và chúng hiển hiện trong võng mạc như có đấy. Tôi vốn nghe nhạc cổ điển mỗi lần lái xe đi làm. Và khi tôi muốn nghe Bach, lát sau tiếng đại hồ cầm âm trầm nổi lên, tai tôi nghe tấu khúc cho ba vĩ cầm cung rê thứ, âm thanh réo rắt chạy đuổi nhau. Mở mắt ra, trước mặt tôi vẫn Ban Mai bất động, môi khẽ nhếch lên như sắp cười.

Nói cho Ban Mai nghe về cái khả năng lạ kỳ tôi lần đầu chứng nghiệm, nàng không tỏ ra ngạc nhiên. Nàng thủ thỉ:

"Em khác, em nghe tiếng muôn loài,

từ tiếng con trâu khụt khịt đến tiếng voi gầm, sói hú. Còn nhìn, trời chỗ nào cũng đầy những cánh chim âu bay liệng hiền hòa... Chẳng cần anh nói nhưng không biết tại sao em vẫn linh cảm đoán trước được. Có lẽ chúng ta đang nhập vào bước khởi đi của cuộc hòa đồng. Pô Mo dặn, khi đó phải buông thả như mây gió trên trời cao, như sóng triều trong biển cả..."

*

* *

Tối đó, dưới ánh bạch lạp, Ban Mai rục rĩ sức sống. Ngồi trước mặt nàng, tôi nhắm mắt, tưởng tượng nàng đến bên tôi, nói yêu tôi như chưa từng yêu ai. Tôi cũng thế, yêu lúc nào cũng là lần đầu, trinh nguyên, toàn vẹn. Ban Mai mỉm cười, cởi yếm, kéo chiếc váy chùng xuống quá gối, tay gỡ trâm bạc cài đầu, tóc lại như thác đổ xuống, uốn lượn theo những đợt sóng ngọc ngà. Tôi mở lòng tôi như đại dương, mở vòng tay rộng ngang bầu trời, chờ Ban Mai khóa lấp mọi trống vắng. Nàng như nhung như lụa áp vào, tôi như sắt như đồng cương cứng. Tôi, Tá Cần và nàng,

Yạ Kịt, yêu nhau để đánh động lòng K'loi, sinh sôi mọi mầm sống, trên cạn là muông thú, dưới nước là tôm cá, khiến Mường Pua dưới đây sẽ trở thành địa đàng.

Chưa bao giờ, chưa bao giờ tôi đến cực lạc như vậy. Mở mắt, Ban Mai vẫn ngồi trước mặt, môi nàng run run, miệng hé mở, mắt khép hờ, áo quần trên thân thể y nguyên vẫn thế. Nàng nói, giọng nhẹ như tiếng mây rơi đầu đỉnh núi: "Anh ơi, vừa rồi em hạnh phúc vô cùng!". Phần dưới cơ thể tôi ướt nhòe nhòe, chứng cứ một niềm hoan lạc mà không cần đến chiếm hữu chung đụng thể xác.

Chúng tôi vào hang sau, ngâm mình trong nước hồ ấm áp, lòng hân hoan như con trẻ ngày mừng một Tết.

*

* *

Sáng ra, Ban Mai nghiêm trang:

"Hôm nay là ngày thứ ba, ngày anh phải lấy một quyết định không đảo ngược được. Ăn năm linh chi hai ngày xin Bua K'loi động lòng làm mưa mà được thì ta về. Nhưng nếu sau, cứ tiếp

tục ăn thì đến ngày thứ bảy ta cùng chết với nhau, trừ khi trời mưa, Pô Mo sẽ lên đây cho ta uống thuốc phục hồi sự sống. Vì thế, em từng hỏi anh, có thật anh sống chết bất cần không? Nếu anh không sẵn sàng, xin anh cứ theo lối cũ mà về..."

Hốt hoảng, tôi chặn ngang: "Thế còn em?"

Ban Mai bình thản:

"Em xin Bua động lòng để cứu nường cho người Mường, cứu tuổi cho tôm cá, cứu rừng cho muôn thú. Nếu không cứu được, chỉ còn sự chết ngự trị, em sống một mình làm gì? Nhưng anh thì khác..."

Thình lình tôi nhớ đến hai đứa con tôi. Và người vợ, không xấu không đẹp, không thông minh nhưng cũng chẳng đần độn. Con tôi nay đã lớn khôn, chúng nào có cần tôi như khi thơ dại. Phần vợ tôi, nàng chưa hẳn già nên có thể vá víu đi thêm một bước, với ai thì cũng như tôi, sáng đi tối về, kiếm cơm tìm áo. Bờ bên kia Thái Bình Dương bỗng tít tắp xa hơn cái giới hạn địa lý đo đạc trên bản đồ. Cũng như Ban Mai,

tôi tự hỏi, tôi sống một mình làm gì? Đặc biệt đối với tôi, một kẻ con đã lớn, vợ không đại, nghĩa là chẳng mấy cần tới mình.

Tôi chợt nghĩ tới chuyện chàng Cá Chép và nàng Hươu Sao. Chuyện nhắc nhở truyền thuyết Âu Cơ và Lạc Long Quân của người Kinh, mẹ đẻ trăm trứng rồi cũng chia ra đôi ngả, bỏ bùa bỏ ngải làm phân liệt cả một dân tộc hàng mấy trăm năm. Thế thì chẳng lẽ tôi cũng lại tạo ra cái Cối Vô Tình, tiếp tục huyền thoại chia đôi kẻ trên rừng người dưới biển, để Bua K'loi lại nổi giận trừng phạt như Bua đã từng làm ở một quá khứ mịt mù? Thành linh, tôi nghĩ đến cái vật Bảo Quốc Hộ Dân và thằng anh chết tiết khiến tôi về đây rồi lên cái hang kỳ lạ này. Phải mưa thì mới có lúa, có gạo. Lúc này mưa cho lúa nảy mầm thì đúng là hộ dân, ít ra cũng là dân Mường Thàng.

Ban Mai bung ra một đĩa nấm. Lần này, nàng chọn những cái chỉ nhỏ bằng lòng bàn tay, tròn trĩnh hơn, màu hồng lợt, mặt trên nổi những cái chấm vàng tươi. Đột nhiên, tôi nhớ cái câu bất hủ,

not life but love in death, xưa tôi thấy hơi sến nhưng nay bỗng sâu sắc đến như hiển nhiên. Thò tay, tôi bốc một cái bỏ vào mồm. Nấm này không chát, vị bùi, trôi tuột vào cổ họng chẳng cần chiêu nước. Ban Mai nói:

"Ăn nấm này, bản năng chiếm hữu sẽ không còn. Hai ngày trước, ta trải nghiệm thế giới vật thể chỉ là ảo giác có thể tạo từ thế giới phi vật thể. Lần này, hai thế giới sẽ chỉ là một, có và không đồng nhất. Con người được giải phóng khỏi mọi sự ràng buộc vật chất, không u mê đắm mình vào chiếm đoạt để có. Họ trở thành tự do, ngộ ra cái mình là, và đó là điều kiện cần để đạt đến hạnh phúc!"

"Nhưng hạnh phúc là gì?", tôi lặp lại câu từng hỏi.

Không đợi Ban Mai đáp, tôi nói cho nàng nghe về cái hạnh phúc của thằng anh chết tiết. Cố gắng hiển tha nhân hồng tìm đến thứ hạnh phúc chung như cái chuyện đi tìm vật Bảo Quốc Hộ Dân phải chẳng cũng là hạnh phúc của cá nhân, thứ hạnh phúc chỉ thể hiện được qua hành động đi tìm? Và đi tìm

cái chung, khắc tìm cả cái riêng, chung và riêng như hai mặt một đồng xu bổ sung chứ không loại trừ nhau.

Nhìn sâu vào mắt tôi, Ban Mai khẽ lắc, dịu dàng:

"Hạnh phúc là một trạng thái của phần hồn một con người tự do. Thế cho nên hạnh phúc cũng như con người, nhiều vô số kể, mỗi người tìm và ngộ ra hạnh phúc của mình. Pô Mo dạy, *hạnh phúc là tỉnh thức ở ngay hiện tại cuộc sống*. Hạnh phúc không là tụ điểm tuyệt cùng mà luôn luôn là bước khởi đi để tiếp tục sự sống trong tương lai. Chỉ ở nghĩa này, nó mới trùng hợp với hành động đi tìm..."

"Em trải nghiệm trạng thái đó chưa?", tôi ngắt.

Ban Mai ngẫm nghĩ, rồi hạ giọng:

"Một lần, đầu mùa mưa, em vào hái măng trong rừng. Khi đó, trên mặt đất đầy sâu róm đến đúng độ nở ra từ trên cây lá tả rơi xuống. Máy đưa gái cùng đi tìm măng bỏ chạy về, chân dẫm lên những con sâu nhỏ bằng đầu ngón tay út, xác sâu bị đập nhẹ rải khắp lối mòn dẫn từ rừng ra bản. Ban đầu, em

cũng kinh hãi, nhưng không biết động lực nào khiến em không hốt hoảng chạy. Em ngồi xuống quan sát từng con sâu, lông lá sắc màu, oằn éo khó nhọc trườn đi, vật lộn tìm chỗ sống còn. Chính cái sự sống ấy khiến em cảm động, và lúc đó, em chấp tay lạy K'loi hãy cứu lấy những con sâu nhỏ bé vô tội này. Em cảm nhận được sự huyền diệu bao bọc thế gian, và em hòa đồng vào thế gian như một giọt nước trong sông hiền hòa chảy ra biển rộng. Thế là em rón rén đi thế nào tránh đạp vào sâu, đến tối mịt mới về đến bản, nhưng lòng rào rạt một niềm yêu thương, yêu từ con sâu đến hòn đá ven đường, yêu cơn gió tạt ngang, đám mây lững lờ tít tắp... Đấy, hạnh phúc với em lúc ấy như đại dương, còn em, là một giọt nước. Là giọt nước, em chỉ có thể cảm được đại dương bao la... Khi hạnh phúc, có lẽ ta chẳng cần nói về hạnh phúc. Giọt nước làm sao tách khỏi để nhìn ra đại dương là gì?"

Tôi nhắm mắt tưởng ra cảnh một Ban Mai trinh nguyên ngồi nhìn sự sống và chấp tay cầu K'loi cứu rồi lấy những sinh vật bé nhỏ. Phải chăng hạnh phúc

là lúc tâm hồn giao hòa giao cảm với sự sống muôn loài muôn vật ở thì hiện tại? Hối, Ban Mai gật đầu, giọng xa vắng:

"Anh tưởng tượng trong một thế giới người người vô cảm, đứng dưng trước sự sống chung quanh, quay lưng lại với muôn loài trong đó có đồng loại của mình, thì liệu anh có hạnh phúc được không? Cái hiện giết con người bây giờ là sự đứng dưng với nhau! So với sói, với khỉ... thế thì còn kém. Nhất là trong khoảng sinh tồn thật ra rất hữu hạn, đến rồi đi..."

Tôi buột miệng:

"Thế thì... hạnh phúc cũng chỉ là một thoáng phù du thôi sao?"

Ban Mai bật cười:

"Em học hành chẳng bao nhiêu, nhưng biết gì em nói đấy, anh đừng cười em. Chính vì cái gì cũng rồi phù du nên mới phải triệt tiêu bản năng chiếm hữu bằng sự tỉnh thức. Không giữ gì cho mình nên ta vượt thoát được tất, kể cả quy luật thời gian hiển hình ra sinh tử. Vượt được thời gian, sát na ngay bây giờ hay ba tỉ năm sau khi trái

đất này trở thành một khối băng miên viễn, thì rồi như nhau. Phù du và vĩnh cửu cũng đến thế, bận tâm mà làm gì!"

*
* *

Chúng tôi sống với nấm và nước lá rừng sao lên uống. Đó là những ngày an bình tôi chưa bao giờ biết để tận hưởng. Trạng thái hạnh phúc đồng nghĩa với tình yêu chan hoà. Yêu tất cả. Từ tiếng chim ngoài hang riu rít đến tiếng chân chồn chạy trên cỏ khô. Từ tiếng vượn đầu cành đến tiếng vạc ăn đêm xào xạc. Hiện thực trở thành phép lạ, nó hiển hiện qua từng cái ta nghe, ta nhìn, ta ngửi. Nhưng nó đến từ tỉnh thức, khác hẳn với những ảo giác hai ngày đầu. Mở cửa hang, chúng tôi nhìn nắng nhuộm vàng rừng cây cuối tầm mắt. Cái đẹp rực rỡ của thiên nhiên làm chúng tôi quên cả cầu cho K'loi động lòng làm mưa. Ban Mai bảo, hạnh phúc là cái phải tập. Mở lòng trải rộng ra đón nhận ngoại giới, lòng từ bi trào lên trong nội tâm, và trạng thái hòa đồng thành một với thế giới bỗng trở thành tự nhiên như nước từ nguồn, đã chảy ra

thì rồi sẽ về biển.

Đến khi tối mắt, đêm chập choạng lần về. Chúng tôi ôm nhau dưới cái chăn tình nghĩa cụ bà cho. Không thoáng gợn một chút đòi hỏi thân xác. Không sở hữu chiếm đoạt. Vì chúng tôi sinh thành từ trinh nguyên, không hành xử bằng bản năng chúng tôi đã thay thế bằng sự tỉnh thức. Trăng bên ngoài nay khuyết, chỉ còn một nửa. Ban Mai dập những ngọn bạch lạp. Ánh trăng hắt qua cánh cửa những vệt sáng lung linh trên nền hang mang cái hoang sơ vào phần hồn chúng tôi, nhẹ hơn gió, dao động với hơi thở phập phồng của vũ trụ.

Thình lình, sấm động.

Sấm âm ì chuyển tiếng gầm gừ qua những thung lũng khô cằn. Gió lên, phàn phật. Ban Mai mỉm cười, giọng bình thản:

"Bua L'loi động lòng chẳng! Hai đứa ta không hành xử như nàng Hươu và chàng Cá, Bua trách thế nào được!"

Tôi gật đầu, một niềm vui dâng lên trong lòng. Mở cửa, Ban Mai bước ra cửa hang. Tôi theo sau. Tiếng sấm dồn

dập, chớp xanh lè nháng lên chập chờn, rừng núi chao nghiêng, sét bất chợt soẹt lửa xé dọc bầu trời thành hai trong một tiếng nổ kinh thiên động địa.

Mưa ập xuống, ào ào như thác đổ. Để mặc cho mưa quật vào mặt, hai đứa chúng tôi hứng những giọt nước K'loi cho, thân thể ướt đầm, niềm hạnh phúc đan vào những giọt mưa kết chuỗi thành những sợi pha lê buộc trời vào đất, buộc đất vào số phận con người.

Hạnh phúc, trong cơn mưa này, là điều có thật.

*

* *

Pộ Mo lên tận hang cho chúng tôi uống thuốc khắc phục tác động của nấm linh chi. Chân tay bại hoại nhưng đầu óc vô cùng tỉnh táo, chúng tôi lên võng để tráng đỉnh võng về bản lễ Tạ ơn K'loi. Vừa đến nhà sàn nơi Pộ làm lễ, cu Tít chạy xổ ra, miệng tíu tí: "Bà ngoại đã về, mẹ ơi!". Một người đàn bà trung niên bước xuống thang. Ban Mai kêu Mế ơi, ôm lấy bà. Mừng ra mặt, bà líu la líu lo tiếng Mừng. Cụ bà lúc ấy ra

đứng cửa, gọi: "Phin ơi, dìu con gái vào nhà đã!". Tôi hiểu cụ bà chính là dì Nường Phin, và Ban Mai là đứa con sinh từ ân ái với một chàng chiến sĩ phòng không thời Hà Nội bị bom Mỹ.

Nường Phin kể:

"... vừa đặt Nỗn và Nường trên dưới đúng phép âm dương nơi nước nhỏ giọt xuống một cái hồ có thân cây gỗ mục vắt ngang trong cái hang ở đỉnh Nà Mèo thì trời nổi sấm động, sét đánh toạc không trung thành hai mảnh, và mưa xối xuống như thác đổ. Theo lời thần nhân, thế đúng là đã giải được trấn yểm đất nước này rồi!"

Tôi nhìn Ban Mai. Không nói nhưng chúng tôi đều biết nơi đó chính là cái hang chúng tôi trú ngụ năm ngày nay để làm lễ động lòng Bua K'loi. Chẳng cần hỏi thằng anh chết tiết của tôi nay ở đâu, vì nó và tôi có khác chi nhau, lòng tôi băng khuâng, linh cảm một nỗi ngập ngùi tự nhiên ủa tới chiếm ngụ.

Tối hôm đó, khi mọi người đã ngủ yên, tôi mở liếp cửa ra ngồi ở cầu thang bắc lên nhà sàn của cụ bà. Không còn trăng, trời chỉ chít sao xếp

theo những vòng xoáy tròn ốc trên cao. Mùi đất ẩm sau cả một ngày mưa bốc lên, khí lạnh len vào thấm buốt da thịt. Trầm tư về niềm hạnh phúc tôi vừa trải nghiệm khi sống-chết đồng nhất thể, phù du không khác chi vĩnh cửu, tôi nghe loáng thoáng lời Ban Mai:

"... hạnh phúc là tỉnh thức ở ngay hiện tại cuộc sống. Hạnh phúc không là tụ điểm tuyệt cùng mà luôn luôn là bước khởi đi để tiếp tục sự sống trong tương lai"

Giải được vật trấn yểm rồi, nay tôi bước tới là bước tới tương lai nào đây? Chẳng lẽ quay về sống cái đời sống tôi đã ngộ ra mọi sự nhàm chán của những con tính kế toán, bên thu bên chi, chỗ này khấu hao, chỗ kia là nợ bất khả hồi, tất cả để thành một kết toán làm đẹp lòng những người có cổ phiếu. Chẳng lẽ tiếp tục ba cọc ba đồng, cuối tháng tính toán trả tiền phone, tiền Internet, tiền nợ xe, nợ nhà, nợ các Visa... Cứ ngồi như thế, tôi sức tỉnh khi ai đó choàng lên vai tôi chiếc chăn còn ngát mùi da thịt Ban Mai.

Quay lại, tôi không biết đó là nương Phin hay Ban Mai khuất trong bóng tối. Thu hết can đảm, tôi vội nói:

"Cho anh ở lại Mường. Đây là nơi cuối cùng anh muốn đặt chân lên thế gian này!"

Mơ hồ, một tiếng cười khan. Rồi chỉ có tiếng giun dế cất lên như phụ họa.

"Thế thì làm sao hạnh phúc có thể là bước khởi đi? Nơi cuối cùng là nơi dưới ba thước đất vùi sâu chôn chặt. Nơi đó không là thế gian Mường Pưa mà là âm gian, Mường Pưa Tịn..."

"Hay là... hay là... em đi với anh, ta vượt đại dương tìm một chân trời mới!"

Lại tiếng cười khan. Lại tiếng giun dế ồ lên, bốn cọt.

"Chân trời mới lúc nào cũng ở trong em, bất tất phải là vật thể. Em đã đến đó với anh rồi cơ mà! Anh quên niềm hạnh phúc chúng ta tưởng chia nhau mà hóa ra nhân thành hai trong hang à? Khi ta phục hồi Cối Tình làm động lòng K'loi, chẳng phải trời đã mưa sao? Và trời còn đang mưa, để mai này cây cối lại xanh tươi, nương lúa sẽ kết trái đậm mầm, chim muông bay lượn, hươu

nai nhẩy nhót, những con sâu róm cũng tái sinh như sự nhiệm mầu của cuộc sống muôn loài khởi đi từ nguyên sơ, tiến hóa không ngừng..."

"Nhưng còn anh! Anh sẽ ra sao?"

Không đáp câu tôi hỏi, vẫn tiếng thì thào:

"Chàng Cá ơi, ở trên rừng sẽ có một ngày anh nhớ những kinh kỳ, những thành phố chộn rộn ngựa xe. Còn em, là Hươu, ở kinh kỳ rồi em sẽ tương tư núi rừng nương rẫy, thèm hít thở không khí chưa vẩn bụi xăng, ước ao sống mà không sợ. Anh còn nhớ con người chiếm hữu vì sợ chứ? Sợ tương lai bấp bênh, rồi càng chiếm hữu, càng sợ, và đâm ra sợ đồng loại cũng chìm đắm vào nỗi u mê chiếm hữu như mình! Vượt đại dương với anh, cả hai chúng ta sẽ lặp lại lỗi lầm trong huyền thoại, phải chia đôi trăm đứa con, cắt làm hai chính mình ra chỉ vì cái ảo tưởng nghịch lý là để có nhau. Đã bảo thôi chiếm hữu, chàng Cá của em lại nhân danh tình yêu đòi sở hữu em, con Hươu Sao này à?"

Tôi im lặng.

"Em nhắc nhé: hãy trải rộng ra đón nhận ngoại giới, lòng từ bi chiếm ngự nội tâm, và trạng thái giao cảm giao hòa thành một với thế giới muôn loài muôn vật sẽ trở thành tự nhiên như nước từ nguồn, đã chảy ra thì rồi sẽ về biển. Thế là em đã vượt đại dương với anh rồi đấy!"

Tôi im lặng.

Hai tay ôm lấy vai tôi, người đàn bà sau lưng thủ thủ:

"Anh mang chần tình chần nghĩa này về, khi đắp lên người thì đừng quên những phút giây hạnh phúc ở Mường này. Còn em, nhớ anh, em sẽ hát. Hát thế này anh nhé:

*Cánh diều vì ai mọc cánh lên
mây*

*Con người vì ai ngậm ngải lên
non*

*Con nước vì ai lên trời xuống
biển*

Năm nay mưa ít

Mà vườn nhãn chưa hoa

Để con ong ngơ ngẩn ra vào⁽¹⁾.

*

* *

Tôi về Hà Nội. Trên chuyến xe khách đi từ thị xã Hòa Bình, có một cuộc rước dâu kỳ lạ. Gia đình hai họ trên xe, cô dâu mặt che voan trắng, đầu kết hoa vải, áo váy rất *made in HongKong*. E then nép vào vai chú rể mặc âu phục hình như quá rộng vì chắc là đi thuê, nút thắt cà-vạt chẳng khác gì nút một sợi dây thòng lọng treo cổ, mặt đỏ gay, cứ mუმ ma mუმ mუმ cười ruồi. Lại một cái là ai cũng cầm trong tay những cái túi ni-lon. Anh lơ xe thỉnh thoảng nhấc, giọng đùa cợt: "Vui duyên mới chớ quên là đừng nớn ra xe đấy nhé!". Thấy tôi nhìn, một thanh niên rót rượu ra chiếc ly nhỏ, đưa tôi, vui vẻ: "Chú uống mừng cho đôi trẻ!". Không hiểu sao tôi cảm động, cảm ơn bằng cách thắt lại nút cà-vạt cho chú rể. Ông cụ thân sinh ra cô dâu ồm ồm: "Tưởng gì chứ thắt nút kiểu củ ấu bảo thì tớ cũng làm được!". Cả xe lăn ra cười cho đến

(¹) Thú Buài Thở Tuyết Mai, *Múuâng Trong*, Nxb. Hổai nhầ vùn, Hầ Nổai, 2006.

khi có tiếng kêu ơ ơ. Tài xế đạp phanh thẳng lại, tiếng còi xe inh lên tứ phía, chắc nhà chú rể ở đâu đây quanh quẩn. Xe ngừng, tôi vẫy chào, lòng bỗng rung rung như chia tay người thân.

Về lại khách sạn BK, tôi xin phòng 403. Vẫn cô bé tiếp viên ngày trước, đơn đả: "Đi chơi có vui không chú?". Mới mấy bữa mà cô đã quên từng gọi tôi bằng anh, tôi đâu có già đi với vận tốc ánh sáng. Khẽ gật, tôi lên phòng, nằm vật xuống giường. Ngủ thiếp đi, khi tỉnh giấc tôi mất dăm phút mới biết mình không còn ở Mường Thành. Ngoài cửa sổ, tháp gương vẫn đó. Xa xa, đằng sau đồng hồ Bưu Điện là những lô nhà cao tầng lớn nhón chồi lên trời như những cuống rau muống đại mọc được đến đâu là cứ mọc.

Tôi gọi ra Vietnam Airlines lấy chỗ cho chuyến bay về Montreal. Thu xếp xong, tôi điện thoại chào từ giã nhà thơ già trên phố Lý Quốc Sư. Ông ta hỏi: "Tìm được cái vật quý hiếm đó rồi chứ?". Tôi đáp, ông ta cười, giọng vẫn trẻ như ở tuổi đôi mươi: "Phải thế chứ!". Người cuối cùng tôi muốn cảm

ơn trước khi lên đường là Thụy. Anh ta bảo: "Cái ông bạn có ria mép ấy đi tìm anh, ông ấy ngay đây, đang hồ hởi lắm vì trúng hợp đồng với lò gốm Bát Tràng cho độc quyền xuất khẩu sang Âu Châu...". Chưa dứt lời, Rậm-ria giằng điện thoại, giọng oang oang: "Cứ ở khách sạn, tôi đến gặp bạn ngay!"

Nửa tiếng sau, chúng tôi lên sân thượng khách sạn. Hà Nội mới được tắm gội sau cơn mưa kéo liền hai ngày, đỡ khô xám, cây ven hồ Hoàn Kiếm tươi xanh như trẻ lại. Rậm-ria lấy giọng bí mật, nói rất nghiêm trọng:

"Cái việc ấy xong rồi chứ?"

Tôi gật, mặc dầu chẳng thật biết việc gì. Rậm-ria tiếp, mắt nhìn ra sau như sợ người nghe trộm:

"Thảo nào, không thấy Triệu Tử Long cười xích thố 300 phân khối đi rao dịch vụ chém mướn nữa. Thế là ta giải được vật thằng Cao Biền trấn yểm cái tinh hoa Giao Chỉ rồi. Công đầu là của bạn đấy, xin chúc mừng!"

"Không! Không có gì gọi là của tôi cả!", tôi buột miệng khẳng định.

Rậm-ria ngạc nhiên, nhưng tôi không

nói chi thêm. Kể chuyện Bua K'loi động lòng vì Ban Mai và tôi đã bất chấp sống chết để phục hồi Cối Tình bỏ ngỏ từ ngày nàng Hươu Sao và chàng Cá Chép chia tay thật chẳng ích gì cho một thương gia vừa trúng mối. Vì phục hồi Cối Tình là triệt tiêu mọi chiếm hữu, cứu cánh của một nền kinh tế thị trường đang hội nhập vào cái thế giới vận động bằng những mặt hàng sinh ra lợi nhuận. Và không chiếm hữu là đoạt lại tự do cho phép *mình* là chứ không đơn thuần mình là cái *mình* có, điều kiện đi nốt một phần ba con đường tìm hạnh phúc, thì không thể nào len được vào tâm thức của kẻ sắp sửa nhân danh văn hóa đi bán lao động rẻ mạt một đất nước nghèo đói chênh vênh giữa thực - giả, đúng - sai. Thấy tôi im lặng, Rậm-ria vỗ vai, tươi cười hỏi một câu cho có chứ chẳng đợi trả lời:

"Thế còn nàng Đào Hạ Trang thời Lý, bạn có tìm thấy nàng không?"

Lần này, tôi quả quyết: "Có chứ..." trước khuôn mặt sừng sốt của Rậm-ria. Trong đầu tôi, hình ảnh Ban Mai rực rỡ với trang phục lễ hội, trâm bạc cài tóc,

cạp váy thêu hoa văn, bụng quần xà tích, tay đeo vòng hiện ra, miệng thì thầm dặn dò, hạnh phúc là hoà đồng vào muôn loài với lòng từ bi yêu thương vạn vật, trong đó có con người.

Chia tay Rậm-ria, tôi quên chẳng hỏi tin Tiểu-quỷ. Nhưng tôi chắc, hỏi cũng vô ích, ngoài chuyện chia động từ bế tắc tôi đã từng biết. Xuống đường, tôi đi đến đầu phố Lý Quốc Sư. Trước sân mặt tiền Nhà Thờ, tôi gặp lại con bé con cứ sáng sáng chờ tôi xin tiền. Nó bán vé số, hồn nhiên kéo tôi đến trước một mẹt hàng bày nhang đèn vàng mã sát ngôi chùa cạnh đó. Nó nói, giọng hãnh diện:

"Mẹ cháu nay kinh doanh! Như người ta..."

Người bán hàng giở nón nhìn lên, thốt:

"À, anh..."

Đó là người đàn bà từng mang con ra định bán trinh cho tôi, mặt mũi không lòe loẹt phấn son như trước. Lúng túng, bà ta nói:

"Em thôi buôn son bán phấn rồi, bây giờ bán nhang đèn cúng Phật cầu phúc

cầu đức. Làm lại cuộc đời mà anh!"

Tôi bật cười, lòng bỗng dâng lên một nỗi yêu thương, có lẽ chẳng khác gì lòng Ban Mai khi nàng rón rén tránh đạp lên những con sâu róm. Con bé sắp lại:

"Chú mua cho cháu một tập vé số nhé..."

Móc túi, có đồng nào tôi đưa hết cho nó. Cười cười, nó bảo chú cho nhiều thế này, lấy hết đồng vé số này cũng còn thừa. Nói xong, nó chìa cả bì vé ra cho tôi. Cầm lấy, tôi trao lại cho mẹ nó.

Ngày mai, thế nào rồi cũng sẽ khác. Đừng sợ.

ND

10-06-2007

4-11-2007

TRĂNG NGUYỄN SƠ

NAM DAO

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

175 Giảng Võ, Hà Nội

TRUNG TÂM VHNN ĐÔNG TÂY

N11A, phố Trần Quý Kiên, Cầu Giấy, Hà Nội

Chịu trách nhiệm xuất bản: Lê Huy Hòa

Chịu trách nhiệm bản thảo: Trần Dũng

Biên tập: Đoàn Tử Huyền

Vẽ bìa: Văn Sáng

Sửa bản in: Hòa Bình

Tổng đại lý phát hành:

Nhà sách Đông Tây

62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

ĐT/Fax: (04) 7733041

In 1000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 tại Trung Tâm
In và Đo vẽ Bản Đồ. Số ĐKKHXB: 46-
2008/CXB/37-106/LĐ ngày 04 tháng 01 năm
2008

Quyết định xuất bản số: 176 QĐLK/LĐ ngày
tháng 7 năm 2008

In xong và nộp lưu chiểu Quý I I I năm 2008